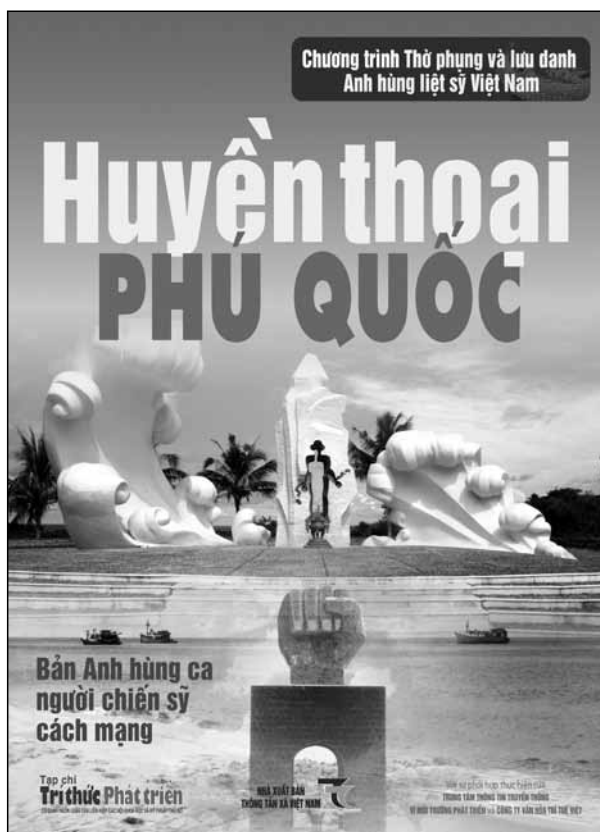


Tạp chí
Trí thức & Phát triển

THỰC HIỆN VÀ GIỚI THIỆU
DỰ ÁN VĂN HÓA UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN
TRÍ ÂN CÁC ANH HÙNG LIỆT SỸ
ĐÃ HY SINH VÌ ĐỘC LẬP TỰ DO CỦA TỔ QUỐC

Với sự phối hợp thực hiện của
TRUNG TÂM THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG VÌ MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN và CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT

Huyền thoại PHÚ QUỐC



Cuốn sách này được xuất bản trong Chương trình Đền ơn đáp nghĩa
THỜ PHỤNG VÀ LƯU DANH ANH HÙNG LIỆT SỸ VIỆT NAM
do TẠP CHÍ TRÍ THỨC VÀ PHÁT TRIỂN thực hiện

Tạp chí
Trí thức & Phát triển

THỰC HIỆN VÀ GIỚI THIỆU
DỰ ÁN VĂN HÓA UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN
TRỊ ÂN CÁC ANH HÙNG LIỆT SỸ
ĐÃ HY SINH VÌ ĐỘC LẬP TỰ DO CỦA TỔ QUỐC

Với sự phối hợp thực hiện của
TRUNG TÂM THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG VÌ MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN và CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT

Huyền thoại **PHÚ QUỐC**

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM - 2013

Chỉ đạo thực hiện nội dung và tổ chức chương trình
THỜ PHỤNG VÀ LƯU DANH ANH HÙNG LIỆT SỸ VIỆT NAM:

Nhà thơ - Nhà báo **ĐOÀN MẠNH PHƯƠNG**
Tổng Biên tập Tạp chí **TRÍ THỨC VÀ PHÁT TRIỂN**
Giám đốc Trung tâm Thông tin Truyền thông
Liên hiệp các Hội Khoa học & Kỹ thuật Hà Nội
Giám đốc Dự án Văn hóa Uống nước nhớ nguồn

Ban biên tập và thực hiện nội dung:

HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM
CHI HỘI NHÀ BÁO TẠP CHÍ TRÍ THỨC VÀ PHÁT TRIỂN
Nhà báo **TRẦN MIÊU** - Nhà báo **ĐẶNG ĐÌNH CHẤN**
Nhà báo **TRẦN VĂN TRƯỜNG** - Nhà báo **TRẦN ANH TUẤN**
Nhà báo **HOÀNG VIỆT HÙNG** - Nhà báo **CAO NGỌC HÀ**

Các Biên tập viên:

PHẠM THỦY - TIẾN CAO - THANH TÂM
LÊ MINH NGUYỆT - ANH TÀI

*Ban biên tập chân thành cảm ơn các tác giả, các nhà báo,
nhà văn, nhà thơ, các doanh nhân, doanh nghiệp, các cơ quan,
đơn vị đã nhiệt tình tham gia, giúp đỡ và đồng hành cùng chúng tôi
trong Chương trình xuất bản có ý nghĩa này.*



CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2014

THƯ CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC TRƯƠNG TẤN SANG
Gửi Chương trình Lưu danh và Thờ phụng Anh hùng liệt sỹ Việt Nam

Tôi rất cảm động và trân trọng khi biết Tạp chí **Trí thức và Phát triển** - Cơ quan ngôn luận của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thủ đô đã nỗ lực tổ chức xuất bản 10 pho đại sách lưu danh hàng chục vạn các Anh hùng liệt sỹ Việt Nam qua các cuộc kháng chiến của dân tộc. Đồng thời, Tạp chí đã phối hợp với Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cùng các ban ngành chức năng của Trung ương, địa phương cung rước 10 pho đại sách về Chùa Ba Vàng - TP. Uông Bí - Quảng Ninh để an vị phụng thờ và tổ chức Đại lễ nhập linh, cầu siêu hương linh các Anh hùng liệt sỹ - những người đã không tiếc máu xương để cho đất nước an hưởng hòa bình, độc lập.

10 pho đại sách Huyền thoại Việt Nam là một công trình xuất bản kỳ công, không chỉ có giá trị về mặt văn hóa, lịch sử truyền thống sâu sắc mà còn có giá trị thực tiễn, là kho tàng lịch sử của dân tộc Việt Nam. Tên mỗi pho sách gắn liền với những địa danh đã đi vào lịch sử oanh liệt của đất nước luôn gợi nhắc chúng ta về ý chí sắt đá, tinh thần quật khởi kiên cường, đoàn kết một lòng, đấu tranh anh dũng của quân và dân ta.

Trong thời điểm này, việc xuất bản, lưu danh các Anh hùng liệt sỹ và được đưa về phụng thờ trang trọng tại ngôi chùa có chính điện trên núi lớn nhất Đông Dương thật vô cùng ý nghĩa. Cùng với những giá trị xuất bản có được ở 10 pho đại sách, ý nghĩa tâm linh thờ phụng người có công với dân tộc lại càng làm lay động lòng người, càng khơi gợi nêu cao truyền thống yêu nước vĩ đại của dân tộc ta. Tôi đánh giá cao việc làm đầy tính nhân văn sâu sắc, thiết thực và giàu ý nghĩa này. Đây còn là việc góp phần nêu cao truyền thống đạo lý Uống nước nhớ nguồn của dân tộc, có sức thuyết phục cao để giáo dục các thế hệ người dân Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ của chúng ta ngày nay.

Hương linh của các Anh hùng liệt sỹ sẽ phù hộ cho đồng bào đồng chí, cho đất nước Việt Nam ta vững bền và phát triển./.

Thân ái,

Trương Tấn Sang

Lời tri ân

Trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta chống giặc ngoại xâm, đã có hàng triệu người con ưu tú của đất nước ngã xuống “cắm tử cho Tổ quốc quyết sinh” để giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc. Đời đời nhớ ơn các Anh hùng liệt sỹ vừa là trách nhiệm, vừa là tình cảm thiêng liêng của mỗi người Việt Nam yêu nước, thương nòi.

Với tâm nguyện, lòng biết ơn và sự tri ân sâu sắc, trong nhiều năm qua, Dự án Văn hóa Uống nước nhớ nguồn thuộc **Tạp chí Trí thức và Phát triển - Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Hà Nội**, với sự chung tay góp sức của nhiều đơn vị, cá nhân, đã thực hiện bộ sách **HUYỀN THOẠI VIỆT NAM** gắn liền với những sự kiện lịch sử lớn, những ghi dấu sâu đậm trong hai cuộc kháng chiến hào hùng của dân tộc. Đặc biệt trong bộ sách mang tên **HUYỀN THOẠI** đó trang trọng lưu danh hàng chục vạn Anh hùng liệt sỹ đã hiến dâng tuổi thanh xuân của mình vì độc lập tự do của đất nước. Trong những con người linh thiêng ấy, có những liệt sỹ chỉ còn dòng tên để lại với gia đình, với quê hương đất nước... Những cuốn sách trong bộ sách **HUYỀN THOẠI** có một không hai đó được xuất bản đã làm lay động hàng triệu trái tim đồng bào, đồng chí cả nước.

Để góp phần bảo tồn ký ức cho các thế hệ mai sau và thể theo ước nguyện của đông đảo đồng chí, đồng bào, của các gia đình thân nhân liệt sỹ, Dự án văn hóa **Uống nước nhớ nguồn - Tạp chí Trí thức và Phát triển** thực hiện Chương trình **THỜ PHỤNG VÀ LƯU DANH ANH HÙNG LIỆT SỸ VIỆT NAM**. Chương trình bao gồm việc thực hiện và xuất bản 10 cuốn Đại sách lưu danh liệt sỹ với kích thước mỗi cuốn là 0,7m x 1,0m, trọng lượng hàng trăm ki lô gam một cuốn, để đặt thờ tại một ngôi Chùa lớn mãi mãi về sau.

Được sự nhất tâm quý báu của Đại đức trụ trì Thích Trúc Thái Minh và các nhà sư hành lễ chùa Ba Vàng (Thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh) những cuốn Đại sách được rước về đặt thờ trang trọng tại ngôi Chùa linh thiêng để phật tử thập phương và các thế hệ người Việt Nam mỗi khi đến Chùa đều thấp nén tâm hương tưởng niệm, thờ phụng và mãi mãi ghi nhớ công ơn của các Anh hùng liệt sỹ. Những làn khói hương tưởng niệm, những lời cầu nguyện tri ân ngày ngày, làm an thỏa vong linh các liệt sỹ và góp phần vơi bớt nỗi đau của các gia đình thân nhân liệt sỹ trên mọi miền đất nước... Đó cũng là tâm nguyện của mỗi người chúng ta.

Ban tổ chức Chương trình chân thành cảm ơn những tấm lòng hảo tâm của các doanh nghiệp, doanh nhân và của bà con cô bác gần xa đã quan tâm, hỗ trợ cho Chương trình ý nghĩa thiêng liêng này.

Xin kính cẩn nghiêng mình tưởng niệm các liệt sỹ linh thiêng.

ĐỒNG TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH

**ĐẠI ĐỨC TRỤ TRÌ
CHÙA BA VÀNG**



Thích Trúc Thái Minh

**TỔNG BIÊN TẬP TẠP CHÍ TRÍ THỨC VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁM ĐỐC DỰ ÁN VĂN HÓA UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN**

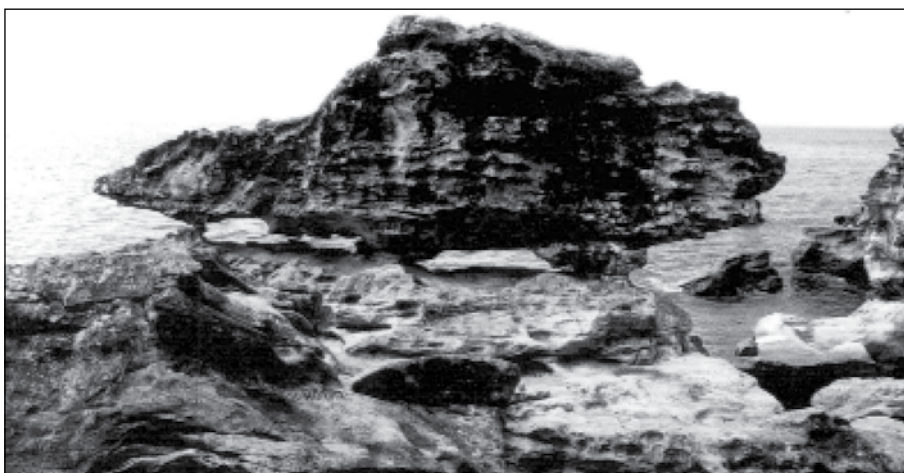


Nhà báo Đoàn Mạnh Phương

PHÚ QUỐC

ĐẤT VÀ NGƯỜI

TRONG CỘI NGUỒN LỊCH SỬ



Phú Quốc, từ hàng trăm năm trước đã có con người sinh sống. Đất và người nơi đây, trải qua bao thăng trầm, bao thử thách giữa biển khơi đã tạo nên những dấu ấn và bản sắc riêng, nhưng vẫn hòa quyện trong bản sắc Việt Nam. Hành trình lịch sử của Phú Quốc là hành trình đấu tranh bền bỉ với thiên nhiên, với giặc giã, để rồi vượt lên tất cả, Phú Quốc vẫn luôn xứng đáng là một hòn ngọc trên vùng biển Tây Nam Tổ quốc.



PHÚ QUỐC - ĐẤT VÀ NGƯỜI

ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN

Phú Quốc là một hòn đảo lớn, có diện tích tự nhiên gần 600km², từ 103051' đến 104050' kinh tuyến Đông và 10001' đến 10027' vĩ độ Bắc; Cách Hà Tiên từ Hàm Ninh độ 25 hải lý (40 km); cách Rạch Giá từ An Thới khoảng 62 hải lý (100m). Phía Bắc cách đất liền thuộc tỉnh Kampôt (Campuchia) khoảng 14 hải lý.

Phú Quốc có hình thể như một hình tam giác gần giống như lục địa Nam Mỹ, cạnh đáy nằm ở phía Bắc có chiều rộng khoảng 20 km, đỉnh nằm ở phía Nam, từ Bắc xuống Nam khoảng 40km.

Đồi núi:

Là một đảo lớn với nhiều đồi núi chập chùng, người ta thường nói Phú Quốc có 99 ngọn núi, thực ra, đó chỉ là con số ước lượng của những điểm cao trong nhiều dãy núi. Có thể nói rừng núi là đặc trưng đầu tiên của đảo.

Phú Quốc được coi là sự tiếp nối của dãy núi Tượng (Campuchia) bị cắt đứt bởi một eo biển. Do cấu tạo địa chất là hệ mắc ma phun trào nên đồi núi Phú Quốc đa số là núi đất đỏ kết hợp với đá granit. Về hình thể, núi non Phú Quốc là những dãy song song từ Bắc xuống Nam, phía Bắc cao hơn, thấp dần về phía Nam; đồng thời cũng có những nhánh đâm ngang, dài nhất là dãy núi Hàm Ninh (30km), kế đó là dãy núi Hàm Rồng (10km) và dãy núi Bãi Dài. Đỉnh cao nhất là núi Chùa (hay núi Chứa) cao 603m. Núi không cao lắm nhưng cũng đủ lớn và rộng, sự kết hợp giữa địa mạo và thảm thực vật đủ để có thể chứa nước tạo nên những con suối trong rừng quanh năm nước chảy. Trên các dãy núi là một hệ động thực vật rất phong phú, đặc biệt là những cánh rừng nguyên sinh

với nhiều loại gỗ quý. Động vật của Phú Quốc hầu hết cũng sinh sống trong rừng núi. Có thể nói, rừng núi Phú Quốc đã và đang tạo ra một sắc thái riêng biệt của đảo.

Sông, suối, rạch:

Sông Dương Đông: Con sông lớn nhất trên đảo là sông Dương Đông, bắt nguồn từ dãy núi Ông Thầy (Trong dãy Hàm Ninh) từ phía Đông chảy quanh co độ 15km đổ ra phía Tây tại Cửa Dương bên cạnh Dinh Cậu. Sông được tiếp nước bởi rất nhiều con suối trong các dãy núi nên cho dù nằm giữa biển khơi nhưng vẫn là con sông nước ngọt trong rất nhiều tháng trong năm, chỉ có cửa biển là ảnh hưởng nước mặn theo thủy triều. Như những con sông khác, trong sông cũng có những loài thủy sản nước ngọt phía thượng nguồn mà con cá Chình là loài cá khá đặc biệt của Phú Quốc.

Sông Dương Đông không có chức năng chính là giao thông bởi cư dân của Đảo hiện nay di chuyển hầu hết bằng đường bộ. Phía cửa sông là nơi neo đậu tránh gió của tàu thuyền. Cửa sông có một cồn khá lớn án ngữ, trong mùa gió đông, cát thường bồi tại lòng lạch nên việc ra vào của tàu thuyền phải hết sức cẩn thận. Ngày xưa sông cũng là con đường cho cư dân tiến sâu vào trong đảo để mưu sinh. Hai bên bờ có những nhà thùng nước mắm. Đi sâu vào trong chỉ là rừng rậm, không có nhà dân, nhưng cảnh trí lại rất thơ mộng đối với người ngoạn cảnh.

Thị trấn Dương Đông, lỵ sở của huyện Phú Quốc nằm bên bờ con sông này. Ngày xưa chỉ là một xóm dân cư, hiện nay đã phát triển khá rộng lớn sâu vào nội địa.

Sông Cửa Cạn: Sông được bắt nguồn từ dãy núi Hàm Ninh chạy quanh eo ngang qua một vùng đất bằng khá rộng giữa đảo rồi đổ ra phía Tây. Vì trong mùa Bắc cát thường bồi lấp làm cho cửa sông cạn đi nên dân gọi là Cửa Cạn. Sông dài độ 25km.

Rạch Tràm: là một con đường nước từ trong rừng tràm phía Bắc đảo đổ ra biển về hướng Bắc. Trong khu vực Rạch Tràm có mỏ Huyền khá nổi tiếng. Con rạch này là đường xâm nhập của những người đi vào rừng khai thác Huyền.

Hệ thống suối của Phú Quốc rất nhiều và đa dạng, mà nổi tiếng là suối Tranh, suối Đá Bàn. Trong rừng có những con suối không tên, khi đổ ra ngang các đường giao thông mới có tên như suối Mây, suối Đá, suối Lớn... có những con suối đổ ra biển tạo thành những cửa nhỏ như Cửa Lấp... Trong lòng suối có những loài thủy sinh đa dạng, đồng thời cũng là nơi thú rừng đến uống nước.



Hệ thống giao thông bộ:

Trên đảo Phú Quốc hiện có hai thị trấn và 6 xã, trong đó có những xã xa xôi, đi lại rất khó khăn. Từ xa xưa, khi nhân dân cư ngụ thành xóm ấp, sự liên lạc của nhân dân trên đảo bằng đường bộ chỉ là những con đường mòn từ xóm vào rừng, khu vực sản xuất, sau đó là đường mòn liên lạc giữa Cửa Cạn, Dương Đông và Hàm Ninh. Mãi đến khi thực dân Pháp xâm lược, chính quyền thực dân mới mở con đường liên tỉnh số 47 từ Dương Đông đi Hàm Ninh và Dương Đông đi An Thới. Còn lại cũng chỉ là đường mòn đi bộ của nhân dân.

Thực hiện chương trình phát triển đảo Phú Quốc thành đảo du lịch, tỉnh và huyện đã tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cấp bến tàu An Thới, nâng cấp và mở rộng sân bay Dương Đông, nâng cấp, mở mới nhiều tuyến đường trong nội ô thị trấn Dương Đông, đường Dương Đông - An Thới, mở đường lên Bắc đảo và những đường mới ở các khu du lịch...

Ngoài những trục đường chính, huyện đã chỉ đạo phát triển giao thông nông thôn, làm đường nông thôn ở các xã Cửa Cạn, Hàm Ninh, Bãi Thơm, Cửa Dương, Dương Tơ, An Thới... Hiện nay trên toàn đảo đều có thể đi lại bằng xe 4 bánh, tuy một số ấp xa vẫn còn khó khăn.

Sản vật thiên nhiên

Điều kiện tự nhiên của Phú Quốc khá phong phú, vừa có rừng, vừa có biển nên sản vật thiên nhiên của Phú Quốc cũng không kém phần đa dạng.

Sản vật biển:

Vùng biển Phú Quốc nằm trong vịnh Thái Lan, biển ấm, là môi trường thuận lợi cho các loài hải sản sinh sôi, phát triển, nên sản vật biển của Phú Quốc rất phong phú, nhiều chủng loại.

Ngay chính những ngư dân chuyên nghiệp cũng không thể phân biệt tất cả các loài hải sản của vùng này. Có thể thống kê một số tôm cá có sản lượng nhiều và đặc trưng của biển Phú Quốc như sau:

Các loài cá lớn: Cá heo, cá giông, cá mú, cá mập.

Các loài cá trung bình: Cá nhồng, cá bẹ, cá đưng, cá bóp, các loại cá thu, cá đối, cá lù đù, cá ốp, cá kén, cá hường, cá xạo, cá xanh xương, cá út, cá rún, cá thiều, các loại cá đuối, các loại cá nhám, cá sòng, cá nâu, cá chim, cá chai...

Các loài cá nhỏ: Cá cơm, cá mai, cá trích, cá liệt, cá de, cá sơn, cá nhái...

Các loài giáp xác: Gẹ có thể coi là đặc trưng nhất của biển Phú Quốc đối với loài giáp xác. Gẹ Hàm Ninh nhiều nhất và ngon nhất nước ta. Tôm có tôm sú, tôm bạc thẻ, tôm bạc (ngày xưa, dân Phú Quốc gọi là tép bạc), tôm tích, tôm mũ ni, con ruốc, hải mã, hải long, đồi mồi, vít, ba ba...

Các loài nhuyễn thể (Sò, ốc): ốc vá, ốc nhảy, ốc gai, ốc xà cừ, ốc đụn, con trai, điệp, nhum, hào bao, khiêu, bào ngư, cừu khiêu, hào, hến, biên mai, chôm. Mực ống, mực nang, mực tuột, sứa, đồn đột (Hải sâm).

Các loại khác: Đền (rắn biển), các loại san hô, cá ngựa (Hải mã, hải long), sao biển. Một phần rất lớn các loài hải sản có thể dùng làm thức ăn, có nhiều loại rất ngon và rất quý như cá nâu, cá nhồng, cá mập, cá heo, đồn đột, biên mai. Một số dùng làm dược liệu, hàng mỹ nghệ... như hải mã, trai, điệp, đồi mồi, san hô...



Vườn Tiêu Khu Tượng

Sản vật rừng:

Rừng Phú Quốc có hàng ngàn loại thực vật, từ các loài cây cỏ thụ, gỗ quý có giá trị kinh tế cao đến các loại ký sinh, cộng sinh. Gần như tất cả các loại thực vật trong cả nước đều có mặt ở Phú Quốc. Trong đó có một số loại cây rất gần bó với người dân là cây kiền kiền, chà là gai, bằng lăng, sao, dầu, trầm, sim rừng...

Động vật có càng tôm, càng cuốc, nai, mễn, heo rừng, dơi, rùa, rắn, khi, chồn, sóc, các loại chim.

Chó Phú Quốc:

Sẽ là rất khiếm khuyết nếu nói đến sản vật địa phương mà không nói đến “Chó Phú Quốc”. Khi đến Phú Quốc, du khách thường được nghe người dân nói về sản vật của địa phương mình và rất tự hào về nước mắm Phú Quốc, tiêu Phú Quốc và chó Phú Quốc.

Giống chó Phú Quốc vốn là một loại chó rừng của vùng đất đảo Phú Quốc được thuần hoá thành chó nhà. Chúng ta không biết quá trình thuần hoá như thế nào và diễn ra trong thời gian bao lâu, từ lúc nào, nhưng hiện nay, chó Phú Quốc là một con vật rất thân thiết với người dân Phú Quốc.

Đặc điểm của chó Phú Quốc là rất khôn và giỏi săn thú. Với một vài con chó Phú Quốc, khi vào rừng, chắc chắn chúng ta sẽ có một vài con thú thịt mang về. Cho đến nay, nhiều gia đình trên vùng Bắc đảo Phú Quốc còn nuôi những đàn chó chuyên để săn bắt thú rừng. Để thu hút khách tham quan, cơ sở kinh doanh “Cội nguồn” đã mang về đây nuôi khá nhiều. Người ta nói rằng chó Phú Quốc không thể mang vào đất liền được vì lạ nước. Thật ra nếu con chó khá lớn thì vẫn có thể mang vào đất liền được. Thông thường người ta phải mang theo một nắm đất và nước của Phú Quốc vào theo con chó để chúng quen dần với đất lạ.

Về hình dáng, điểm dễ nhận biết nhất của chó phú Quốc là có một cái xoáy dài theo sống lưng, nhưng đó chỉ là biểu hiện bên ngoài. Lông ngắn gần như nằm sát với da nên trông rất bóng đẹp, không bao giờ bị bọ chét. Trên xương sọ có một cái u mà nhân dân hay gọi là hột đậu. Bàn chân to, giữa các ngón chân có màng như chân vịt.

Muốn chọn chó Phú Quốc giống, người ta phải chịu khó xem thật kỹ và phải hỏi cách sinh đẻ của chúng. Chó Phú Quốc luôn đào hang ngoài rừng để, khi con lớn mới dắt về nhà.

Khoáng sản:

Khoáng sản nổi tiếng của Phú Quốc là “Huyền”.

ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH

Theo địa bạ triều Nguyễn được lập năm 1836 thì vào thời điểm ấy, Phú Quốc có 10 thôn gồm: An Thới, Dương Đông, Mỹ Thanh, Phú Đông, Thới Thạnh, Cẩm Sơn, Hàm Ninh, Tân Tập, Phước Lộc và Tiên Tinh. Chúng ta có thể tạm hình dung: An Thới, Dương Đông và Hàm Ninh là địa danh phù hợp với vị trí hiện nay, còn Phước Lộc, Thới Thạnh có thể là khu vực Bãi Bồn, Bãi Thơm; Cẩm Sơn thuộc Khu Tượng, Phú Đông, Mỹ Thanh là Dương Tơ; Tiên Tinh là Giếng Tiên bao gồm cả Cửa Cạn...

Khi thực dân Pháp chiếm đóng, phú Quốc là một quận bao gồm cả quần đảo Thổ Chu, An Thới và một số đảo lân cận được chia thành các làng là An Thới, Dương Đông, Hàm Ninh và Phú Dự, có lúc An Thới được sáp nhập vào Dương Đông.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, chính quyền kháng chiến thành lập làng Dương Tơ bao gồm cả An Thới lập làng Cửa Cạn, sau đó nhập Cửa Cạn và Dương Đông thành Cửa Dương. Xã Hàm Ninh có lúc đổi tên thành Bãi Bồn. Sau năm 1954 thành lập thị trấn Dương Đông tách ra khỏi xã Cửa Dương.

Sau khi cuộc chiến tranh biên giới kết thúc, nhân dân các nơi về sinh sống trên đảo khá đông nên huyện Phú Quốc thành lập thêm nhiều xã mới. Trên đảo hiện có: Thị trấn

Dương Đông, xã Cửa Dương, Cửa Cạn, Bãi Thơm, Gành Dầu, Dương Tơ, Hàm Ninh và thị trấn An Thới. Quần đảo An Thới được tách ra thành xã Hòn Thơm. Quần đảo Thổ Chu thành lập xã Thổ Chu.

SỰ HÌNH THÀNH CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Cho đến ngày nay, chúng ta không gặp những cư dân bản địa theo đúng nghĩa trên đảo Phú Quốc. Truyền thuyết về Đồng Bà và những di tích ở Cửa Cạn cho thấy Phú Quốc đã từng có cư dân cổ sinh sống, nhưng chúng ta không thể khẳng định một cách chắc chắn đó là tộc người nào, từ đâu đến và cũng chưa khẳng định được về mặt thời gian.



Có một điều chắc chắn là vào thời điểm thành lập trấn Hà Tiên (1708) thì Phú Quốc đã có những tụ điểm dân cư mà cộng đồng người Việt chiếm đa số. Phú Quốc được coi là một trong 7 xã thôn mà Mạc Cửu đã tập hợp để xin sáp nhập vào đất Đại Việt. Cũng có thể đã có những nhóm cư dân người Hoa đến đây sinh sống vào thời điểm ban đầu này.

Qua khảo sát, hiện nay trên đảo Phú Quốc có hai tộc người chính là Việt và Hoa, còn người Khmer rất ít. Người Việt tuyệt đại đa số có gốc từ miền Trung vào sinh sống, mà một phần rất lớn là người Quảng Ngãi. Tộc người Hoa chủ yếu là người Hải Nam.

Hình dung lại buổi ban đầu của Phú Quốc, vào thế kỷ thứ 16 - 17, những người dân Việt từ miền Bắc, miền Trung (Đàng trong, Đàng ngoài) với nhiều lý do khác nhau đã đến đây sinh cơ, lập nghiệp, trong đó có một bộ phận người Hoa. Theo địa bạ triều Nguyễn, vào năm 1836 có khoảng 10 hộ người Hoa trồng tiêu trên đảo. Những cư dân ban đầu này chắc chắn phải đến Phú Quốc bằng đường biển với những phương tiện thô sơ. Có thể họ đi trực tiếp từ vùng trên hoặc qua Hà Tiên rồi đến Phú Quốc. Cũng không

loại trừ khả năng có một bộ phận theo các tàu viễn dương từ Trung Hoa về miền Nam rồi ở lại đảo.

Dù với lý do nào thì nơi định cư đầu tiên của những người khai mở này là vùng cửa sông, nơi có thể neo đậu tàu thuyền, khuất gió, đồng thời cũng thuận tiện cho việc tiến sâu vào đảo tìm lương thực và nước ngọt. Chính vì thế, ta có thể nhận định Hàm Ninh, Cửa Cạn, Dương Đông là những xóm cư dân cổ của Phú Quốc đầu tiên, sau đó mới đến Giếng Tiên, An Thới...

Hàm Ninh rất gần với đất liền, chỉ cách Hà Tiên có 40km, đây là con đường nối giữa đảo với đất liền rất yên ổn vào mùa mưa bão. Đồng thời có con rạch Hàm dùng để neo đậu ghe thuyền. Hiện nay, người ta vẫn coi Hàm Ninh là một làng cổ của đảo.

Dương Đông là cửa một con sông lớn nằm về phía Tây đảo, cho dù xa đất liền nhất, nhưng có vị trí rất thuận lợi cho những chuyến đi biển xa trở về và tiến sâu vào đảo. Ngày xưa, Dương Đông là một rừng dương xanh mát, lại là vùng đất tương đối bằng phẳng, là một nơi khá lý tưởng cho việc cất nhà, định cư. Dương Đông cũng là một làng cổ có thể chứng minh bằng những di tích.

Cửa Cạn gần về phía Bắc đảo, có sông đi sâu vào đảo, lại là một vùng đất bằng có thể trồng lương thực và chăn nuôi, có vết tích của người xưa để lại.

Lớp người thứ hai đến Phú Quốc có thể là quân gia của chúa Nguyễn và Tây Sơn trong cuộc thư hùng vào cuối thế kỷ thứ 18. Trong cuộc tranh hùng này, nhiều lần Nguyễn ánh đã đến Phú Quốc dừng quân, củng cố lực lượng. Chắc chắn rằng, khi Nguyễn ánh ở Phú Quốc, những tướng sĩ trung thành với chúa Nguyễn đã đến đây hội quân, đồng thời cũng có những người không thể theo cuộc trường chinh của chúa mà định cư tại đây. Tương tự như thế, khi quân Tây Sơn truy đuổi Nguyễn ánh chắc chắn cũng có những người không theo đến cùng cuộc chinh chiến nên đã bỏ cuộc mà ở lại đảo. Bên cạnh đó, cũng có những người tỵ nạn chiến tranh, những người không chịu sống dưới chế độ phong kiến hay là tránh sự tù tội mà đến vùng hải đảo xa xôi này sinh sống.

Trong khoảng thời gian từ thế kỷ 16 - 18, Phú Quốc cũng là chốn dừng chân của các thương thuyền từ phương Bắc đi về vùng Mã Lai, Java... hay là các thương thuyền phương Tây sang Đông đi ngang qua đây. Vùng biển này lại là nơi hoành hành của bọn cướp biển mà xác tàu buôn còn ở Hòn Dâm có thể chứng minh rằng có những người bị tai nạn trên biển mà trú lại hòn đảo xa xôi này.

Năm 1797, Nguyễn Phúc ánh cho 10.000 quân sang giúp Xiêm đánh Miến Điện đã ghé vào đảo, nhưng tình hình Xiêm đã yên nên rút về và để lại đảo khoảng 2.000 quân. Đây cũng là một đợt tăng dân số đáng kể cho đảo.

Đầu thế kỷ 19, sau khi lên ngôi, vua Gia Long đã có những chính sách ưu đãi cho đảo Phú Quốc nên nơi đây có sự phát triển khá toàn diện và dân số tăng lên nhanh

chóng. Triều đình đã cho một số lính ra trấn giữ Phú Quốc và không ít người trong bọn họ đã trở thành dân Phú Quốc. Tuy nhiên, có một thời gian quân Xiêm gây chiến tranh, nhiều người dân đã phải bỏ đảo hoặc tiến sâu vào nội địa tìm cách sinh sống.

Đất lành, chim đậu; người đi trước rước người đi sau. Trong điều kiện đất rộng, người thưa, rừng vàng, biển bạc, trong suốt thế kỷ 19, nhiều người dân từ Miền Trung, Miền Bắc và một bộ phận người Hoa (Hải Nam) đã đến Phú Quốc khai thác hải sản, trồng tiêu, lập vườn... Dân số Phú Quốc đông dần lên. Đặc biệt là vào khoảng cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, người Hoa Hải Nam có một đợt di cư khá lớn về tỉnh Hà Tiên, số người này định cư chủ yếu ở Hà Tiên (Hòn Chông) và Phú Quốc.

Cuối thập niên 20 của thế kỷ 19, một nhà tư bản Pháp (Grand Jean) mộ phu từ Miền Bắc vào thành lập đồn điền Cây Dừa ở An Thới, nhưng sau đó vì do mâu thuẫn và không chịu nổi sự bóc lột của bọn chủ và cai nên phần lớn số người này đã bỏ vào đất liền đấu tranh và được chính quyền thực dân cho định cư ở giáo xứ Đất Hứa thuộc làng An Hoà (Nay thuộc xã Hoà Điền).

Năm 1941, phát xít Nhật thiết lập căn cứ quân sự trên đảo Phú Quốc, họ đưa một số nhân công từ Trung Hoa sang làm phu để xây dựng sân bay Cửa Cạn và một số công trình khác. Đến năm 1949, hơn 40.000 tàn quân Quốc dân đảng Trung Hoa được Mỹ đưa đến Phú Quốc tị nạn, sau đó rút về Đài Loan, một bộ phận quân Quốc dân đảng cũng ở lại thành cư dân Phú Quốc.

Số người đến Phú Quốc định cư trong nửa đầu thế kỷ 20 được coi là lớp cư dân thứ ba của đảo.

Sau năm 1954, chính quyền Sài Gòn thành lập trại giam tù binh Cây Dừa, giam giữ có lúc lên đến 40.000 tù binh; bộ máy quản lý của chúng cũng rất đông, đồng thời chính quyền Ngô Đình Diệm đưa dân Miền Bắc di cư về thành lập ấp chiến lược Hưng



Bến cảng An Thới

Văn. Trước năm 1975, một số tù binh vượt ngục đã ở lại đảo chiến đấu. Sau năm 1975, một số gia đình binh sĩ nguy cũng ở lại trở thành cư dân trên đảo.

Đầu năm 1975, nguy quyền Sài Gòn “di tản chiến thuật” khi miền Trung thất thủ, nguy quyền đưa rất đông dân miền Trung về đảo Phú Quốc sinh sống, tỵ nạn. Số này hầu hết đã trở về quê hương khi hoà bình lập lại, nhưng cũng có một bộ phận đã tìm được kế sinh nhai ổn định trên đảo.

Khi cuộc chiến tranh biên giới kết thúc, tình hình vùng biển Tây Nam đã ổn định, nhân dân khắp nơi trong đất nước đã về Phú Quốc khai thác và chế biến hải sản, làm dịch vụ cho nghề biển. Đây là lớp cư dân thứ tư làm biến động dân cư lớn nhất của đảo.

Với lịch sử tụ cư khá đa dạng và không kém phần phức tạp, người dân Phú Quốc đã mang về đây các luồng văn hoá dân gian của hầu hết các vùng miền trong cả nước và một phần của văn hoá Trung Hoa. Cái vốn văn hoá dân gian từ cội nguồn dân tộc hoà nhập vào nhau, cộng với điều kiện tự nhiên của đảo đã hình thành nên sắc thái văn hóa dân gian đặc thù của Phú Quốc.

*Theo “Văn hóa dân gian Phú Quốc”
của tác giả Trương Thanh Hùng*

PHÚ QUỐC TRONG HÀNH TRÌNH LỊCH SỬ

Trên tiến trình khai mở đất phương Nam, với vai trò là một trấn từ năm 1708 và một tỉnh từ năm 1900, Hà Tiên là điểm dừng chân cuối cùng của người Việt trong việc khẳng định chủ quyền của đất nước Việt Nam.

*“Gắm vóc non sông một dải liền,
Từ Nam Quan cho đến Hà Tiên”*

Người xưa đã từng nói như thế, Phú Quốc và các hòn đảo phụ cận là những tụ điểm dân cư rất quan trọng để hình thành trấn Hà Tiên.

Từ đó đến nay, Phú Quốc đã phát triển cả về kinh tế, văn hoá, xã hội, đồng thời có vị trí là một đảo tiên tiêu trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Trong tiến trình phát triển của mình, Phú Quốc đã dung nạp khá nhiều thành phần cư dân, đồng thời là dung nạp và chuyển hoá các nền văn hoá khác nhau để tạo nên cho mình một sắc thái văn hoá dân gian riêng biệt, tạo nên một Phú Quốc đặc thù như chúng ta đã biết.

Từ khi có cư dân sinh sống, Phú Quốc là một hòn đảo khá êm đềm, nhân dân chỉ thú làm ăn. Nhưng phía bên ngoài biển thì thường xuyên có những biến cố vì nó là nơi dừng chân của tàu thuyền qua lại và bọn cướp biển cũng dựa vào nơi đây để hoành hành, cướp bóc, không ít tàu buôn các nước bị bọn hải tặc đánh cướp bỏ xác ngoài biển khơi xung quanh đảo.

Có thể nói rằng từ thế kỷ thứ 15 - 16, trên đảo Phú Quốc đã có các cụm dân cư khai thác tài nguyên thiên nhiên, tuy chưa hình thành nên làng xóm, nhưng các nhóm cư dân ban đầu này đã có một bước ổn định cuộc sống, nhất là ở Cửa Cạn, Hàm Ninh là những nơi gần với đất liền hơn. Cho đến cuối thế kỷ thứ 17, Phú Quốc được coi là một trong 7

tụ điểm cư dân để thành lập Trấn Hà Tiên do Mạc Cửu làm Tổng binh. Trong suốt thế kỷ thứ 17, cuộc sống của người dân khá êm đềm, phát triển các ngành nghề khai thác hải sản và lâm sản, trong đó việc khai thác huyền và trầm hương có thể coi là ngành nghề khá đặc biệt mang lại thu nhập cao cho người dân.

Đến cuối thế kỷ thứ 18, Phú Quốc đã chứng kiến cuộc thư hùng của Tây Sơn và Nguyễn ánh. Không ít lần Nguyễn ánh đã đến đây vì sự truy đuổi của Tây Sơn, cũng có lúc Tây Sơn đã chiếm đảo nhưng sau đó bị Nguyễn ánh đánh trả và chiếm lại.

Đến những năm 90 của thế kỷ XVIII, bọn hải tặc Mã Lai thường mang quân đến đảo cướp phá, làm xâm hại đến tính mạng và tài sản của nhân dân Phú Quốc. Trước tình hình đó, Nguyễn ánh đã cho quân đánh tan bọn hải tặc (vào khoảng tháng 8 - 1795), bắt 15 chiếc tàu và 80 tên cướp, thu nhiều vũ khí, kể cả súng đại bác. Sau trận đánh này, trong một thời gian dài, bọn hải tặc Mã Lai không còn dám xâm phạm Phú Quốc nữa.

Có thể nói người dân Phú Quốc vốn là thần dân của Chúa Nguyễn trong một thời gian dài gần cả thế kỷ, do quan niệm trung quân của chế độ phong kiến mà người dân Phú Quốc đã hết lòng cưu mang, ủng hộ Nguyễn ánh. Sau khi lật đổ Tây Sơn, lập lại vương quyền, vua Gia Long (Nguyễn Ánh) đã có những chính sách ưu đãi đối với hòn đảo xa xôi này, cho phép nhân dân tự do khai thác, làm ăn, miễn sưu thuế. Phú Quốc dần phát triển khá toàn diện.

Tuy nhiên, dưới thời vua Minh Mạng và Thiệu Trị, chiến tranh giữa Việt Nam và Xiêm La, Cao Miên đã làm cho Phú Quốc bị ảnh hưởng, nhiều người dân bị bắt đi, một số chạy đi nơi khác lánh nạn hay vào rừng sâu. Cũng trong thời gian này, bọn hải tặc Mã Lai, giặc Tàu Ô lợi dụng tình hình phức tạp đến đây quấy nhiễu cuộc sống của người dân.

Khi thực dân Pháp chiếm ba tỉnh Miền Tây Nam kỳ, Phú Quốc là căn cứ địa cuối cùng của nghĩa quân Nguyễn Trung Trực. Sau trận tấn công tiêu diệt đồn Kiên Giang của Pháp ngày 16 - 6 - 1868, quân Pháp tái chiếm, đánh lui nghĩa quân, Nguyễn Trung Trực đã rút về Hòn Chông rồi ra đảo Phú Quốc lập căn cứ kháng chiến. Tháng 9 - 1868, thực dân Pháp đưa quân đánh Phú Quốc. Ngày 27 - 10 - 1868, Nguyễn Trung Trực bị giặc bắt và bị tử hình ở Rạch Giá. Tinh thần bất khuất của nghĩa quân và vị lãnh tụ Nguyễn Trung Trực đã để lại cho nhân dân Phú Quốc cảm tình sâu đậm. Một phần dân Phú Quốc hiện nay là hậu duệ của nghĩa quân, họ vẫn còn mang dòng máu bất khuất, kiên cường trong công cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

Từ năm 1868, thực dân Pháp đặt ách cai trị lên đảo cuộc sống của người dân qua thời gian chống đối ban đầu đã dần ổn định trở lại và đảo có sự phát triển khá toàn diện, nhất là trong phát triển kinh tế. Tuy nhiên, ý thức của người dân và những phong trào chống thực dân Pháp xâm lược vẫn được duy trì một cách âm ỉ, những hội kín xuất hiện nhưng không có hoạt động nào đáng kể.

Đến năm 1930, sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, ý thức giành độc lập dân tộc được khơi dậy, nhân dân bắt đầu tham gia vào những hoạt động yêu nước, chống thực dân. Từ năm 1941, khi quân Nhật vào Đông Dương, tình hình xã hội của Phú Quốc

có sự biến động nhất định. Nhất là việc Phát xít Nhật đưa quân ra đóng và thành lập sân bay Cửa Cạn để làm căn cứ cho việc đánh chiếm các nước Đông Nam á. Đến năm 1945, cùng với cả nước, nhân dân Phú Quốc đã tự mình đứng lên giành lấy chính quyền trong tay phát xít Nhật. Tỉnh lỵ Hà Tiên cướp chính quyền thành công ngày 28 - 8 - 1945, nhưng phải đến đầu tháng 9 - 1945, Phú Quốc mới tổ chức biểu tình cướp chính quyền trên tay phát xít Nhật, thành lập chính quyền nhân dân quận Phú Quốc. Sau đó, Tỉnh uỷ Hà Tiên cử người ra thành lập Ban Cán sự Đảng Phú Quốc. Ban Cán sự đã đẩy mạnh hoạt động, kết nạp đảng viên mới, đưa tổ chức Đảng của huyện ngày càng đi vào nền nếp và lãnh đạo nhân dân kháng chiến.

Ngày 20 - 01 - 1946, thực dân Pháp tái chiếm Hà Tiên, nhưng phải đến ngày 15 - 4, chúng mới đưa quân ra chiếm Phú Quốc. Lực lượng trên đảo lúc này còn rất non yếu nên phải rút lui, thực dân Pháp thiết lập lại bộ máy cai trị trên đảo.

Có Đảng lãnh đạo, nhân dân Phú Quốc đã tiến hành cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược và cùng cả nước giành lấy thắng lợi sau cùng. Từ năm 1945 đến 1954, tình hình xã hội của Phú Quốc có sự biến đổi rất nhanh chóng, nhất là ý thức bảo vệ độc lập dân tộc, bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Tám, đoàn kết chống ngoại xâm. Nhiều tấm gương hy sinh vì sự nghiệp cách mạng làm cho nhân dân cảm phục.

Lực lượng cách mạng phát triển, liên tục tấn công, phục kích... làm cho quân Pháp phải co lại trong nội ô thị trấn Dương Đông, vùng giải phóng được hình thành, phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược càng sôi nổi hơn và giành thắng lợi ngày càng lớn để đến năm 1954, Phú Quốc cùng cả nước hoàn toàn thoát khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp.

Sau năm 1954, huyện Phú Quốc được giao cho tỉnh Rạch Giá. Trước đó thuộc tỉnh Long Châu Hà.

Năm 1953, quân Quốc dân đảng Trung Hoa rút đi thực dân Pháp sử dụng căn cứ của họ ở Cây Dừa thành lập trại giam tù binh gọi là “Căng Cây Dừa” (Camp = trại), giam giữ ở đây khoảng 7.000 tù binh Việt Minh. Đảng bộ và quân dân Phú Quốc tiến hành một cuộc đấu tranh mới rất phức tạp, lãnh nhiệm vụ giải thoát cho tù binh. Dù rất khó khăn, nhưng Phú Quốc đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.



Cửa sông Hàm Ninh

Ngày 20 - 7 - 1954, Hiệp định Genève lập lại hoà bình trên toàn cõi Đông Dương được ký kết, quân đội cách mạng ở Miền Nam tập kết ra Bắc, từ vĩ tuyến 17 trở vào tạm thời giao cho Liên hiệp Pháp quản lý để hai năm sau hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Nhưng chính quyền Ngô Đình Diệm do Mỹ dựng lên không thi hành hiệp định. Nhân dân Miền Nam và Phú Quốc phải đương đầu với cuộc đấu tranh mới suốt hơn 20 năm ròng rã.

Sau năm 1954, Mỹ nguy chiếm đóng, đặt ách cai trị mới lên đảo, đồng thời là sự phát triển về khoa học kỹ thuật, phương tiện đánh bắt hải sản và giao thông được cơ giới hoá. Song song đó là cuộc chiến tranh do Mỹ phát động đã gây ra nhiều đau thương, mất mát cho nhân dân Phú Quốc. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược trên đảo càng lúc càng dâng cao, hình thành hai vùng khá rõ rệt: Vùng giải phóng và vùng bị địch tạm chiếm. Dân số Phú Quốc tăng nhanh do Mỹ nguy đưa quân đội và gia đình họ về đảo, nhất là trại giam tù binh cộng sản và bộ máy quản lý tù.

Trong những năm 1955 - 1956, bộ máy tay sai của chính quyền Ngô Đình Diệm đã tiến hành các thủ đoạn rất dã man, tàn bạo để đàn áp, khống chế nhân dân, trả thù, trả oán những người kháng chiến cũ. Trước tình hình đó, Đảng bộ Phú Quốc đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi thi hành hiệp định Genève, tiến tới hoạt động vũ trang đánh đuổi quân xâm lược và tay sai. Từ tháng 8 - 1960, lực lượng vũ trang tập trung của huyện đã hình thành, tiến hành nhiều cuộc chiến đấu rất ác liệt để bảo vệ nhân dân, bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được trong cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược.

Cùng với cả nước, quân dân Phú Quốc đã giành được những thắng lợi quan trọng trong cao trào Đồng Khởi. Căn cứ địa kháng chiến của Đảng bộ và quân dân Phú Quốc được hình thành ở Khu Tượng thuộc xã Cửa Dương. Các xã trong huyện lúc bấy giờ như Dương Tơ, Hàm Ninh cũng có những lõm căn cứ làm chỗ dựa cho lực lượng hoạt động cách mạng.

Cuộc đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và quân dân trên đảo chống lại nguy quân và nguy quyền diễn ra rất ác liệt. Nhất là từ sau cao trào Đồng Khởi năm 1960. Bắt đầu từ năm 1961, Chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện quốc sách áp chiến lược, dồn dân ở rải rác vào các khu tập trung, hình thành các ấp chiến lược mà hiện nay nhiều người dân vẫn còn định cư trên các khu ấp chiến lược ấy. Tuy nhiên, trong những năm 60, việc tách dân ra khỏi ruộng vườn để vào ở trong những khu tập trung là việc làm trái với lòng dân, nên nhân dân Phú Quốc đã đấu tranh phá ấp chiến lược để về ở và sản xuất gắn với ruộng vườn của mình. Cuộc đấu tranh chống phá ấp chiến lược (Sau năm 1965 gọi là ấp tân sinh) diễn ra dai dẳng, từ phá về hình thức như đốt hàng rào đến phá về nội dung, khống chế những tên chủ ấp làm cho bọn chúng không - còn đàn áp nhân dân. Dần dần ấp chiến lược chỉ còn là hình thức, nội dung kèm kẹp, tách dân ra khỏi phong trào cách mạng gần như không còn hiệu lực.

Để khống chế vùng biển, nguy quân cho đặt bộ chỉ huy Hải quân vùng IV với số lượng tàu thuyền rất lớn tại Phú Quốc. Các loại tàu chiến từ BCF đến chiến hạm loại nhỏ và vừa hoạt động ngày đêm, vừa khống chế vùng biển, vừa phối hợp với các binh chủng khác bắn pháo vào đảo.

Tháng 7 - 1967, ngụy quyền Sài Gòn tái lập trại giam tù binh Cộng sản tại Cây Dừa. Đây là trại giam tù binh lớn nhất Việt Nam, có lúc tù nhân lên đến 40.000 người.

Đến cuối năm 1967, ngụy quyền đã gom gần 15.000 dân vào 6 ấp chiến lược tại Hàm Ninh, Cửa Cạn, Cây Dừa, Dân Tiến (tại thị trấn Dương Đông), Phước An (còn gọi là ấp Nùng, nơi Ngô Đình Diệm đưa người dân tộc Nùng đến định cư) và 2 xóm qui khu tại thị trấn Dương Đông. Như vậy, gần hết số dân trên đảo đều bị gom vào ấp chiến lược dưới sự kèm kẹp rất gắt gao của bộ máy chính quyền Sài Gòn.

Cuộc chiến ngày càng ác liệt, nhất là vào thời điểm ký kết hiệp định Paris và chiến dịch lần đất, giành dân cho đến ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng. Ngụy quân, ngụy quyền ra sức đánh phá, đóng thêm đồn bót để kèm kẹp, quản lý nhân dân, khống chế hoạt động cách mạng. Lực lượng cách mạng, Đảng bộ và quân dân trên đảo cũng cương quyết giữ vững căn cứ địa cách mạng và liên tục tấn công tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch. Những cuộc tấn công, càn quét của quân đội Sài Gòn rất dữ dội, tuy nhiên lực lượng vũ trang cách mạng trên đảo lại thông thuộc địa hình rừng núi nên kháng cự lại rất có hiệu quả. Cho đến ngày giải phóng, căn cứ địa cách mạng Khu Tượng vẫn vững vàng.

Trong những ngày cả nước bước vào chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Đảng bộ và quân dân Phú Quốc cũng phấn đấu dốc toàn lực phối hợp với chiến trường cả nước. Lúc này Phú Quốc là một huyện thuộc tỉnh Long Châu Hà. Lực lượng quân đội Sài Gòn trên đảo Phú Quốc còn rất lớn, nhưng do ảnh hưởng cục diện chung nên tinh thần đã rệu rã. Sau khi tổng thống ngụy quyền Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, lực lượng ngụy quân, ngụy quyền trên đảo Phú Quốc hoang mang và tháo chạy. Việc giải phóng đảo diễn ra khá thuận lợi, không có những xung đột đổ máu. Nhưng ngay sau đó, bọn Khmer đỏ đổ quân lên Bắc đảo đánh chiếm gây ra nhiều thiệt hại cho nhân dân trên đảo. Lực lượng của tỉnh Long Châu Hà và hải quân vùng 5 cùng lực lượng địa phương phải khá vất vả mới đẩy lùi chúng về Campuchia.

Sau khi cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ và tay sai kết thúc, Miền Nam hoàn toàn giải phóng, nhân dân Phú Quốc được sống trong hòa bình và ra sức lao động sản xuất xây dựng cuộc sống mới; nhất là sau khi có đường lối đổi mới, Phú Quốc chuyển mình một cách nhanh chóng, dân số tăng nhanh, các xã mới được hình thành, giao thông, kinh tế, văn hoá xã hội phát triển một cách toàn diện, đời sống nhân dân được cải thiện, từng bước xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu.

Hiện nay, Phú Quốc đang thực hiện các đề án phát triển trong một cơ chế riêng được Chính phủ cho phép nhằm thu hút đầu tư để biến Hòn đảo này thành một vùng du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng chất lượng cao.

*Theo “Văn hóa dân gian Phú Quốc”
của tác giả Trương Thanh Hùng*

PHÚ QUỐC - DI TÍCH DANH THẮNG

T*rái qua nhiều thế kỷ tồn tại và phát triển, người dân Phú Quốc đã tạo nên những giá trị văn hóa - tinh thần mang bản sắc riêng, góp phần bồi tụ vẻ đẹp cội nguồn ở vùng biển đảo nổi tiếng đẹp giàu.*

DINH CẬU - NƠI GỬI GẮM ĐỨC TIN

Dinh Cậu được xây dựng năm 1937 bắt nguồn từ tín ngưỡng của người dân trên đảo đối với những vị thần che chở giúp đỡ họ khi tàu bè đi biển gặp nạn. Theo con đường lát đá thoai thoải dẫn đến Dinh Cậu, vào bên trong, du khách sẽ được chiêm ngưỡng nhiều tuyệt tác về kiến trúc cổ với những đường nét sắc sảo, các



hiện vật quý giá gắn liền với truyền thống lịch sử hình thành cư dân trên đảo. Chính diện Dinh Cậu nhìn ra biển cả mênh mông, bên trái là bờ cát trắng mịn với hàng dừa reo trong gió, bên phải là bến đậu ghe thuyền chen chúc. Từ Dinh Cậu, du khách có thể ngắm cảnh biển lúc bình minh hoặc lúc hoàng hôn, khi nắng dần tắt cũng là lúc những chiếc thuyền câu mực bắt đầu thấp lên những ngọn đèn giăng kín một góc trời, trông xa xa như một thành phố trên biển.

Nằm trên bãi biển Dương Đông, Dinh Cậu được xem là thắng cảnh nổi tiếng nhất trong những thắng cảnh của Phú Quốc. Không chỉ cuốn hút bằng truyền thuyết, Dinh Cậu còn thu hút du khách bằng nét đẹp rất riêng của mình.

SÙNG HƯNG CỔ TỰ

Chùa cổ Sùng Hưng được xây dựng vào những năm đầu của thế kỷ XX. Theo tài liệu còn lưu lại trước kia nơi đây là nghĩa địa có 2 chùa Sùng Nghĩa và Hưng Nhân, về sau được hợp lại là một; cổng quay về hướng Bắc, mặt chính của chùa nhìn ra chợ, khuôn viên trải dài trên một diện tích rộng lớn từ chân lên đỉnh núi. Kiến trúc cổ kính của chùa đặt trong tổng quan hài



hòa: lên cao dần theo từng bậc thang, xung quanh cây cỏ tươi xanh tươi, có tường rào bao bọc. Cổng chính xây kiểu tam quan, rất đường bệ. Giữa sân đặt tượng Đức Phật Quan Thế Âm Bồ Tát trắng tinh hiền từ, phổ độ, vào sâu hơn nữa là chánh điện được trang trí hoành tráng và trang nghiêm với nhiều tượng bằng gỗ, đồng, thạch cao được điêu khắc hết sức tinh vi sắc sảo, bày bố theo thứ tự từ thấp đến cao.

Trong chùa hiện còn lưu giữ nhiều hiện vật có giá trị khác như Đại Hồng Chung, các câu đối, liễn, sơn son thiếp vàng và những hình ảnh sống động thuật lại bước đường Tây du của thầy trò Đường Tăng. Sùng Hưng Cổ tự không chỉ là ngôi chùa lớn và cổ, mà còn là một iến trúc độc đáo nhất đảo, là điểm du lịch nổi tiếng.

ĐÌNH THẦN DƯƠNG ĐÔNG - NƠI TƯỞNG NHỚ CÁC TIỀN NHÂN

Trong điều kiện khắc nghiệt của vùng đất mới, lưu dân người Việt đến Phú Quốc lập nghiệp thường quần tụ để dễ dàng tương trợ nhau lúc khó khăn. Lâu dần dân cư đông đúc, họ xây dựng làng xã, đình miếu... Theo truyền thống, khi đến bất kỳ vùng đất mới nào, việc đầu tiên của cộng đồng người Việt là bắt tay lập một ngôi đình. Đình làng là trung tâm hành chính, cũng là nơi thờ những anh hùng có công với đất nước được triều đình phong sắc. Đình làng còn là nơi sinh hoạt văn hóa, nơi diễn ra những cuộc hội hè.

Tại Phú Quốc, đình thần Dương Đông là một trong những ngôi đình được nhiều người biết đến, xây dựng từ năm 1959 và sớm lập thành hội quán nhằm quy tụ các sắc



thần của 9 ngôi làng, thuận tiện cho các hoạt động tín ngưỡng, thờ thần Thành Hoàng Bổn Cảnh và các vị tiền nhân. Hàng năm vào ngày mùng 10 tháng giêng và ngày rằm tháng 7 âm lịch, tại đình thần, nhiều nghi lễ được tổ chức long trọng trong không khí trang nghiêm để tưởng nhớ những người có công lớn trong công cuộc khai khẩn. Vào các ngày này, nhân dân quy tụ về đây rất đông để dâng lễ tạ ơn đồng

thời cầu xin được thần linh phù hộ, che chở. Đây là nét đẹp văn hóa truyền thống thể hiện tinh thần đoàn kết của cư dân trên đảo và cũng là dịp để du khách phương xa đến chứng kiến và chiêm ngưỡng vẻ đẹp cổ kính của ngôi đình.

CHÙA CAO CAO ĐÀI HỘI THÁNH

Đến Phú Quốc chúng ta không thể không đến Chùa Cao, một ngôi chùa nằm phía trên đình Thần Dương Đông. Đây chính là nơi phát tích của đạo Cao Đài.

Trong thập niên 20 của thế kỷ XX, viên quận trưởng quận Phú Quốc, đốc phủ sứ Ngô Minh Chiêu thường xuyên ra Dinh Cậu ngôi ngẫm nghĩ sự đời, ông cũng thường xuyên đến chùa Quan Âm phía trên đình Thần Dương Đông. Một hôm, ở Dinh Cậu ông mơ màng nhìn thấy một con mắt rất lớn và thần bí. Con mắt ấy cứ thường xuyên xuất hiện mỗi khi ông lên Dinh Cậu, ông cho rằng đây là một hiện tượng thần tiên nên cầu nguyện nếu là duyên thì cho ông nhìn thấy được tiên cảnh. Sau đó, ông mơ màng thấy được cảnh bông lai và được một vị tiên tự xưng là Cao Đài Tiên Ông dạy ông phải thờ thiên nhân, truyền cho giáo lý để lập đạo Cao Đài. Cùng lúc ấy, nhiều viên chức trí thức cũng được Cao Đài Tiên Ông



truyền đạo. Từ đó đạo Cao Đài được khai sáng với 12 phái Tiên Thiên, Ngô Minh Chiêu được phong làm anh cả. Từ đó chùa Quan Âm, nơi ông tu hành được xem là nơi khai sáng đạo Cao Đài. Hiện chùa Cao vẫn chỉ là một ngôi chùa bình thường, khiêm tốn, nhưng chứa trong đó là huyền thoại phát tích của một mối đạo.

LĂNG ÔNG NAM HẢI - TÍN NGƯỠNG BIỂN CẢ

Cuộc sống ngư dân ở đây gắn liền với biển cả, sinh mạng họ thật mong manh trước những cơn sóng to, gió lớn. Niềm tin là điểm tựa duy nhất để họ đứng vững với những hiểm nguy hàng ngày. Ngoài vị thần trị vì sông nước, họ còn tin tưởng vào những điều linh thiêng khác, có thể giúp đỡ họ trong cơn hoạn nạn. Đó là Lăng Ông Nam Hải, nằm rải rác ven các bờ biển của đảo Phú Quốc. Những nơi này, đều là nơi thờ cá voi. Nhiều người kể lại rằng, trong lúc chìm ghe, đuối sức họ như có vật gì đưa họ vào bờ. Họ tin rằng, chính mình đã được cá Ông cứu vớt, do vậy rất biết ơn và kính trọng, xem cá Ông như thần hộ mệnh, gọi là Nam Hải Tướng Quân. Khi cá Ông chết dạt trôi vào bờ, làng chài lấy đó làm vinh dự. Người gặp đầu tiên đứng ra làm tang chủ, cùng bà con chài lưới lo chôn cất hết sức quan trọng. Sau đó lập miếu, lấy bộ xương thờ gọi là Lăng Ông Nam Hải. Ngày nay, đi dọc bờ biển Dương Đông - An Thới du khách bắt gặp nhiều lăng ông: lăng ông Dương Tơ, lăng ông Dương Đông, mũi Đất Đỏ...



DINH BÀ KIM GIAO VÀ DẤU VẾT NGƯỜI KHAI KHẨN

Dinh Bà Kim Giao nằm trên hữu ngạn sông Cửa Cạn. Trước kia dinh làm bằng mái tranh vách ván rộng lớn, nhưng trải qua nhiều tháng năm bị tàn phá bởi chiến tranh sau đó trùng tu, tái tạo nhiều lần, ngày nay dinh được xây mới bằng tường xây vôi, mái ngói khang trang, bên trong thờ bà Kim Giao. Hàng năm dân chúng tổ chức cúng tế vào rằm tháng Giêng âm lịch.

Đến Phú Quốc du khách không thể bỏ qua nơi thờ Kim Giao Thần Nữ - được xem là người đầu tiên khai khẩn ra vùng đất này. Người dân Phú Quốc rất tôn kính bà, họ coi bà như người tiên phong khai phá đảo. Hiện bài văn tế đọc trong dịp cúng đình còn nhắc đến tên Bà (Kim Giao chi vị), đây là sự ghi ơn của người dân Phú Quốc đối với Bà.

Đọc theo sông Cửa Cạn còn lưu lại một địa danh gọi là Búng Dinh Bà, nơi mà Bà Kim Giao xưa kia lập dinh trại trên bờ Búng. Búng là vũng nước sâu khoét theo bờ sông. Về sau dòng họ bà phục lại để nghiệp nên bà trở về Cao Miên, có người nói bà chết ở Cửa Cạn sau đó vua Miên cho người đem hài cốt về đất Miên. Một thuyết khác lại cho rằng bà chết ở hòn Phú Dự. Truyền thuyết dân gian kể, bà giúp lương thực cho vua Gia Long trong thời gian nhà vua lưu ở đảo để tránh Tây Sơn, điều này có thể đúng vì vua và bà ra hải đảo cùng một thời gian. Hiện nay ở Cửa Cạn còn đền thờ bà Kim Giao gọi là dinh Bà Trong, vì cạnh bờ biển có dinh thờ bà Thủy Long Thánh Mẫu gọi là dinh Bà Ngoài. Bà Kim Giao, khi về lại đất Miên có để lại hai cặp trâu đực cái, sau này sinh sản rất đông.



BÀ LỚN TƯỚNG LÊ KIM ĐỊNH

Bà Lê Kim Định là phu nhân của anh hùng Nguyễn Trung Trực, tên thường gọi là bà Điều, vợ cả nên dân địa phương gọi là Bà Lớn Tướng. Ông Nguyễn Trung Trực và nghĩa quân sau khi chiếm Rạch Giá, từ Hòn Chông đã dùng tàu vượt biển sang Phú Quốc, đóng tại Hàm Ninh. Với toan tính xâm chiếm toàn bộ lãnh thổ miền Nam nước Việt, năm 1867, Pháp cho quân đổ bộ vào Hàm Ninh. Nguyễn Trung Trực đưa nghĩa quân sang Giếng Tiên thuộc Dương Đông rồi chuyển sang Cửa Cạn. Theo nghĩa quân có bà Lê Kim Định, mẹ và em gái. Ba mẹ con bà Điều là người Rạch Giá đã tổ chức kháng Pháp trên đảo Phú Quốc trước khi nghĩa quân Nguyễn Trung Trực kéo sang.

Ngày nay, mộ của Bà Lớn nằm bên trái sông Cửa Cạn, ban đầu chỉ là ngôi mộ đất, xung quanh bao bọc gỗ cây trai. Đến ngày 27-4-1968, mộ được xây bằng đá và



trùng tu lại vào ngày 4-6-1980. Ngôi mộ trở nên khang trang, được lát bằng gạch men, nằm trong vòng thành rộng lớn, bia mộ có dòng chữ trang trọng “Bà Lớn Tướng Lê Kim Định”. Du khách đến tham quan khu di tích này sẽ được nghe nhiều

câu chuyện về bà. Theo truyền thuyết, vào những đêm trăng sáng, thỉnh thoảng dân làng thấy bà đi thuyền từ căn cứ ra làng, thuyền có che lọng xanh, thuyền bà lướt đi êm đềm trên mặt nước. Người gặp bà liền quỳ lạy và xin bà phù hộ nhân dân Phú Quốc được cuộc sống an lành và làm ăn sung túc. Người dân Phú Quốc lưu truyền câu chuyện này với nhiều đức tin và lòng đầy kính trọng. Giỗ của bà được tổ chức hàng năm vào ngày 19-8 âm lịch. Người dân khắp nơi về đây chiêm bái rất đông.

TRUÔNG AM

Truông Am nằm cạnh con đường Dương Đông - Bắc đảo, cách thị trấn chừng 1km (ngã ba đường đi suối Đá Bàn).

Xa trông Truông Am như hòn non bộ đứng cheo leo. Được tạo thành bởi nhiều tảng đá cao vách hiểm trở, chồng chất lên nhau. Thêm vào đó những thân cây cằn cỗi mọc lên từ đá. Ngôi Am nhỏ được cất tựa vào vách đá, nơi cao nhất. Lan can làm bằng xi măng, sơn vôi trắng bao quanh, làm nổi hẳn mái ngói đỏ tươi và màu rêu phong của đá.



Truông đá cao, con đường đất đỏ vắt ngang dưới chân và con rạch uốn quanh sát đó, làm cho vách truông càng thêm cheo leo.

Gọi là Truông Am vì trên truông núi này có ông lão tóc râu bạc trắng, cất am thờ tiên và tu tịnh.



NHÀ LAO CÂY DỪA

Nhà lao Cây Dừa ở phía Nam đảo Phú Quốc, trên diện tích rộng khoảng 400ha, gồm 4 khu A, B, C, D với hàng trăm nhà giam. Đây là trại giam tù binh lớn nhất và tàn bạo nhất của chế độ Mỹ ngụy. Cũng tại trại giam này, có rất nhiều sự tích hào hùng của các tù nhân khi bị giam cầm tại

đây, thể hiện ý chí ngoan cường, bất khuất và lòng yêu nước nồng nàn của các chiến sĩ cách mạng. Thời điểm cao nhất có đến 40.000 tù binh bị giam cầm tại đây (từ năm 1967-1972).

Hiện nay, Nhà lao Cây Dừa đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là Di tích lịch sử.

GÀNH DẦU

Sử sách kể rằng: khi đó rừng Phú Quốc còn rất nhiều thú dữ. Trâu và heo rừng là hai mối hiểm họa của người dân, nhà cửa bắt buộc phải làm hàng rào. Người dân đi từ nơi này đến nơi khác trên đảo thường nơm nớp lo sợ. Nếu chẳng may gặp phải thú rừng, khách bộ hành chỉ còn biết cách nằm áp bụng xuống đất nín thở giả vờ chết, để cho chúng đi qua.

Ngoài ra, người ta còn thấy vài ba con cạp ở hòn Nặng. Những chú cạp này thỉnh thoảng vượt biển đến đảo Phú Quốc tìm mồi. Nhưng một lần đang bơi ngang biển, chẳng may bị cá mập ăn cụt mất một chân. Từ đó, cạp trở nên hiền lành và luôn ở trên đảo.



Nhiều lần cạp xuống núi, đến làng cư dân, khi ra đi để lại dấu chân trên đất mới, lều vườn tiêu, nhưng không bắt gia súc hay phá hại dân làng. Người dân cho cạp đã tu nên kính trọng tôn làm thần núi và lập đình thờ gọi là đình HỔ (ở xóm 1 ấp Cửa Lấp xã Dương Tơ).

KHU TƯỢNG

Đến Phú Quốc, chắc chắn chúng ta được nghe nói về khu tượng như là niềm tự hào của Đảng bộ và nhân dân huyện đảo. Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Khu Tượng luôn là căn cứ địa cách mạng vững chắc, là một vùng giải phóng, mọi chủ trương của Đảng bộ thường xuất phát tại đây. Quân đội Mỹ và Sài Gòn đã mở nhiều cuộc hành quân với quy mô rất lớn, mà điển hình là cuộc hành quân “Ba lượn sóng thần” kết hợp cả hải, lục, không quân đánh vào Khu Tượng. Quân và dân Phú Quốc, bằng tinh thần dũng cảm, trí thông minh sáng tạo đã đánh bại các cuộc hành quân càn quét của Mỹ ngụy, làm tiêu hao sinh lực địch, bảo vệ vững chắc căn cứ địa của Đảng.

Tên gọi Khu Tượng được hình thành do địa thế của núi như hình một con voi đứng, mà điểm cao là đầu của voi. Nhưng cũng có thể ngày xưa nơi đây là một vùng có dấu vết của voi, cũng như Giếng Tượng ở Hà Tiên vậy.

SUỐI TRANH



Từ khá lâu, Suối Tranh là một địa danh nổi tiếng của Phú Quốc, nằm bên cạnh đường Dương Đông đi Hàm Ninh, gần ngã ba về An Thới.

Suối Tranh được hình thành từ những khe suối nhỏ trên dãy núi Hàm Ninh tập hợp lại thành con suối lớn. Trên dòng chảy của mình, Suối Tranh có thác, có ghềnh tho mộng xuyên qua rừng núi rất hữu tình, có những chỗ rộng rãi cho du khách tắm mát. Bên

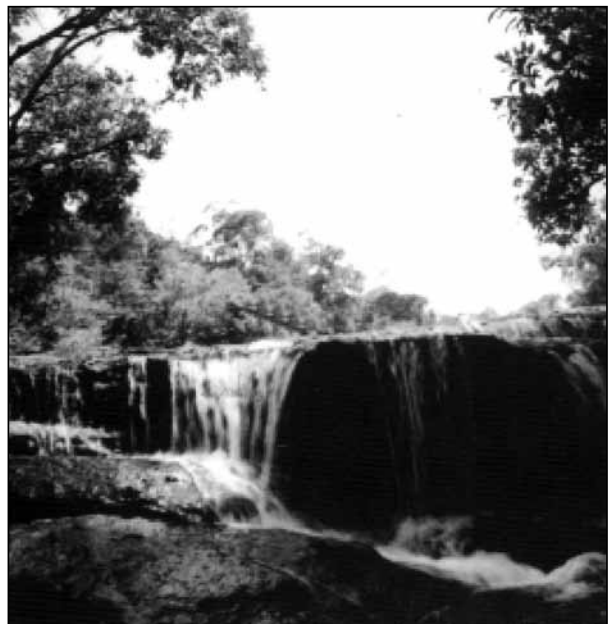
cạnh suối là con đường mòn đi lên thượng nguồn.

Tên gọi Suối Tranh được hình thành là do khu vực này có khá nhiều tranh mà dòng suối đi ngang qua.

SUỐI ĐÁ BÀN

Trên đường lên Bắc đảo, cách thị trấn Dương Đông khoảng 1km có một con đường đất đỏ rẽ về tay phải, đi độ 6km sẽ đến Suối Đá Bàn.

Cũng như Suối Tranh, Suối Đá Bàn được hợp thành bởi những dòng chảy nhỏ rồi đổ ra một vùng có những tảng đá lớn và bằng phẳng như những cái bàn đá thiên nhiên.

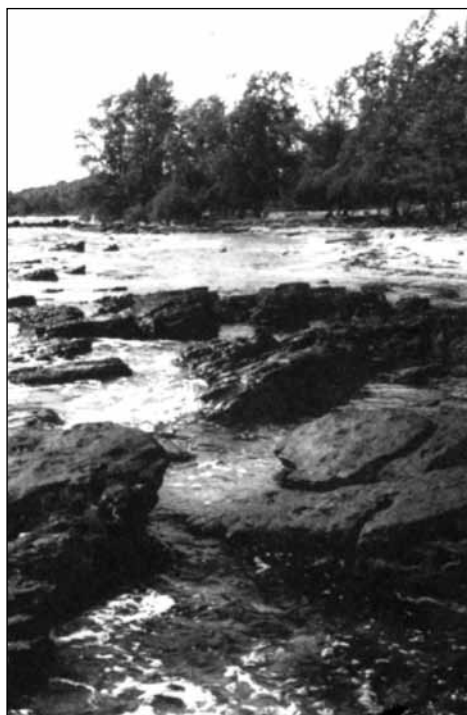


GIẾNG NGỰ

Khởi hành từ trung tâm xã An Thới, 2km đường rừng ven biển. Bất ngờ trước

mặt vùng nước xanh trong vắt hiện ra. Bãi cát trắng phau, lượn vòng chân núi như muốn ôm trọn những con tàu đánh cá đang thả mình nghỉ ngơi ven rừng. Núi biển trập trùng, sương mây quấn quít. Đền thờ nho nhỏ hiện ra trước mặt, trên những tảng đá cheo leo, dấu vết một chiếc ghế đá uy nghi màu hồng quay lưng với biển, hướng về cánh đồng bao la gọi là ngai vua.

Dân truyền rằng, đó là những gì chúa Nguyễn để lại sau nhiều lần trốn chạy quân Tây Sơn. Trong cơn quẫn bách, không còn nước ngọt cho quân, Nguyễn ánh đã giậm chân chỉ mũi kiếm thần vào lòng đất, làm bắn ra một dòng nước ngọt ngào mà đến nay vẫn còn tuôn chảy, dấu giày xưa nay còn khắc sâu trên đá và gọi là giếng Ngự, giếng Tiên hay giếng Gia Long.



MŨI ÔNG ĐỘI



Mũi Ông Đội là nơi đất cuối cùng, đồng thời là điểm kéo dài nhất của đảo. Đây là một thắng cảnh nổi tiếng, nơi chứa đựng những huyền thoại về vua Gia Long.

Truyền rằng: trong thời gian lưu trú trên đảo, thuyền Nguyễn ánh đang neo đậu trên mũi đất thì bất ngờ quân

Tây Sơn tiến đánh. Trong hoàn cảnh cấp bách mà neo thuyền lại vướng vào đá ngầm. Có viên cai đội dũng cảm vội lặn xuống gỡ neo cho thuyền kịp thoát. Khi gỡ neo xong thì viên cai đội cũng bị nước cuốn trôi mất xác.

Lần sau trở lại, Nguyễn ánh nhớ ơn cứu mạng thuyền lệnh tổ chức lễ truy điệu, và đặt tên mũi đất này là Mũi Ông Đội.

(Bài biên soạn từ nhiều nguồn)

PHÚ QUỐC

KHÚC TRÁNG CA HÀO HÙNG



Trong lịch sử tồn tại và phát triển của mình, Phú Quốc luôn phải gồng mình trước bao gian nan thử thách, đặc biệt là trước sự tàn bạo của kẻ thù xâm lược. Nhưng cũng chính từ những thử thách khốc liệt ấy, bản lĩnh và ý chí của người Phú Quốc đã được tôi rèn và khẳng định, viết nên những trang vàng truyền thống, tạo nên những giá trị lớn lao thấm đẫm chất anh hùng ca bất diệt.



Phú Quốc là một đảo lớn, là “đất giàu” theo tên gọi và cũng là đất dữ với kẻ thù xâm lược. Mảnh đất kỳ thú giữa biển khơi ấy như một Việt Nam thu nhỏ, có núi, có rừng, có sông, có biển... và có cả cư dân từ mọi miền đất nước về đây sinh sống.

Phú Quốc từ lúc “khai thiên lập địa” - suốt mấy thế kỷ qua, đã trải qua bao thăng trầm, bao biến cố cùng lịch sử hào hùng của dân tộc. Đất và người Phú Quốc luôn kiên cường trước kẻ thù hung bạo; lắm lúc cũng cô đơn đầy, nhưng không bao giờ cô độc; Con người nơi đây luôn chân tình, thuần phác; luôn rộng lòng và mến khách.

Và Phú Quốc chứa đựng bao điều có thể gọi là Huyền thoại, xứng đáng để cho ta tìm hiểu, cho ta ngưỡng mộ, yêu quý, thán phục và say lòng.

Huyền thoại Phú Quốc gắn liền với bao dấu tích xa xưa và với truyền thống đấu tranh quật cường của người dân nơi đây. Đó có thể là dấu tích Dinh Cậu - Một ngôi đền thờ cậu Tài và cậu Quý, đại diện cho sông nước cai quản cửa biển, luôn phù hộ cho ngư dân khi gặp giông bão, mà thực chất là thờ một vị quan nào đó đã có công lớn đối với nhân dân địa phương. Đó còn là các vị nhân thần được thờ trong Đình Thần Dương Đông, đã có công khai khẩn và tạo lập cuộc sống trên đảo từ xa xưa... Đặc biệt là những dấu tích hào hùng của người anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực và những năm tháng đau thương và bất khuất của hàng vạn chiến sĩ cách mạng trong nhà tù Phú Quốc - Nơi lòng dũng cảm, ý chí quật cường đối chọi với tội ác dã man, sự khốc liệt của kẻ thù tàn bạo.

Huyền thoại Phú Quốc không phải là điều gì đó mơ hồ, hư cấu theo dòng thời gian mà chính là những con người thật, câu chuyện thật, địa danh thật... tạo nên vóc dáng thâm trầm hào khí của một vùng đất đảo xa xôi.

PHÚ QUỐC TRUYỀN THỐNG HÀO HÙNG

NHỮNG ĐẦU ẮN ĐẦU TIÊN...

Cuối tháng 6 năm 1867, thực dân Pháp đưa quân đánh chiếm tỉnh Hà Tiên, một tỉnh trong “Nam Kỳ Lục tỉnh”, hoàn thành việc chiếm 3 tỉnh miền Tây và hoàn thành việc chiếm trọn đất Nam Kỳ.

Sau gần 1 năm, kể từ khi thực dân Pháp chiếm tỉnh Hà Tiên, đêm 16-06-1868, Nguyễn Trung Trực cùng nghĩa quân đánh úp đồn Kiên Giang, diệt hơn 70 tên giặc, trong đó có tên chủ tỉnh người Pháp. Nghĩa quân chiếm đồn và làm chủ nơi này suốt 5 ngày đêm (từ 16 đến 21 - 6 - 1868), nhưng sau đó trước sự phản công mạnh của quân Pháp, Nguyễn Trung Trực cùng nghĩa quân phải rút khỏi Rạch Giá, về Hòn Chông rồi sau đó ra Phú Quốc. Tại đây Nguyễn Trung Trực đã lập căn cứ để chống Pháp... Gần 3 tháng sau, quân Pháp cùng với đạo quân của tên việt gian Huỳnh Công Tấn tiến đánh Phú Quốc. 300 nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Nguyễn Trung Trực đã kiên cường chiến đấu chống giặc, tiêu biểu là 2 trận đánh tại Hàm Ninh, máu của nghĩa quân đã đổ quyết chiến với quân thù. Đến ngày 27-10-1868, do sức yếu, thể cô, Nguyễn Trung Trực bị giặc bắt. Tuy vậy, giặc Pháp vẫn rất khâm phục ý chí và tinh thần quả cảm của Ông. “Trong lúc bị bắt ông không phút nào mất tinh thần, mạnh dạn và hiên ngang... Ông chỉ yêu cầu một ân huệ là được xử tử hình ngay tức khắc”⁽¹⁾.

Trước khi bị giặc đưa đi hành hình, Ông đã hiên ngang nói thẳng vào mặt giặc Pháp: “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây”.

Để cai trị và bóc lột nhân dân Phú Quốc, giặc Pháp lập trên đảo một bộ máy cai trị, đứng đầu là tên chủ quận người Pháp. Mục đích cai trị của thực dân Pháp là nhằm khai thác, vơ vét các nguồn lợi để phục vụ cho lợi ích của chúng. Người Việt chủ yếu

(1) Monographie de la province de Ha Tien, 1929-1930

sống bằng nghề làm biển (đánh cá, câu thè...), làm nước mắm. Một số ít làm vườn rẫy, mua bán và làm thuê, làm mướn để sống như đi bán lưới hoặc đi bán nước mắm với chủ. Ngoài những việc bị chính quyền thực dân gây khó dễ, những người sản xuất nước mắm ở Phú Quốc còn gặp khó khăn do bị các thương nhân trong đất liền chèn ép.

Mặc dù cuộc khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực bị thất bại, nhân dân Phú Quốc vẫn luôn chất chứa nỗi khát khao độc lập, tự do nhưng chưa có điều kiện bùng dậy mà chỉ là những đốm lửa nhỏ, chưa đủ làm thành một đám cháy lớn.

Giữa năm 1929, cô giáo Trần Thị Lệ (thường gọi là cô giáo Lư) từ Cao Lãnh đặt chân đến đảo Phú Quốc. Cô bị chính quyền thực dân tỉnh Sa Đéc chuyển đến đảo vì bị tình nghi hoạt động “quốc sự” có thể làm phương hại cho nhà cầm quyền. Đến đảo, cô vẫn tiếp tục dạy học và thường khơi gợi cho học sinh về tình yêu quê hương, đất nước. Trên cơ sở đó mà tuyên truyền, giáo dục tinh thần đấu tranh chống ngoại xâm... cho học sinh và nhân dân ở đảo. Nhưng thời gian hoạt động của cô ở đảo không bao lâu thì đầu năm 1930, cô bị Pháp bắt đưa về giam ở Khám Lớn - Sài Gòn rồi sau đó đày ra Côn Đảo... Hình ảnh của cô mãi mãi ghi sâu trong lòng người dân nơi đây.

Năm 1931, ở Phú Quốc xuất hiện một phong trào gọi là “hội kín”⁽¹⁾. Hội này tập hợp hội viên chủ yếu là người gốc Hoa, phần đông là những người nghèo. Có thể nói, đây là một tổ chức tự phát của người nghèo, giúp đỡ nhau trong cơn hoạn nạn, chống lại bọn cường hào và nếu có dịp thì nổi lên chống lại bọn cầm quyền ở địa phương.

Do ảnh hưởng sâu sắc của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới ở chính quốc, nhiều tên tư sản thực dân ở thuộc địa liên tiếp bị phá sản. Tác động tình hình đó càng làm cho cuộc sống hết sức cơ cực; lại luôn bị áp bức nên tháng 5 năm 1932, số công nhân này đã tổ chức đấu tranh. Trước thái độ kiên quyết của công nhân, bọn chủ thực dân buộc phải chấp nhận những yêu sách chính đáng, cải thiện công ăn việc làm cho họ.

Cuộc đấu tranh giành được thắng lợi, có tiếng vang trong các tầng lớp nhân dân trên đảo, nhất là các công nhân đồn điền, gây cho họ ý thức đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ. Cuộc đấu tranh này còn gây tiếng vang lớn ra khắp miền Tây. Và rất có ý nghĩa trong thời kỳ này, thời kỳ cách mạng nước ta gặp vô vàn khó khăn trước sự đàn áp, khủng bố trắng của thực dân, đế quốc; đồng thời vạch trần bản chất vô nhân đạo của chúng, cổ vũ tinh thần đấu tranh của các tầng lớp nhân dân.

Đến cuối năm 1936, tại đồn điền Cây Dừa, Phú Quốc, tiếp tục xảy ra cuộc nổi dậy của công nhân chống lại sự hà khắc, bóc lột của bọn cai ký. Một số công nhân đã cùng nhau bắt trời tên Diễn, giữ ở Suối Lớn (Cây Dừa) suốt mấy ngày đêm; buộc hắn phải làm tờ cam đoan không được hà hiếp, những loạn công nhân thì mới được tha. Hắn phải chấp nhận và từ đó không còn dám lộng hành như trước.

(1) Nhân dân thường gọi nhầm là “Thiên địa Hội”

Cuối năm 1940, quân Nhật đến Phú Quốc. Nhân dân ta sống lầm than trong cảnh “một cổ hai tròng”, ngày càng cơ cực, phát xít Nhật còn tàn ác hơn cả thực dân Pháp. Chúng ra sức vơ vét của cải và bóc lột sức người phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược của chúng bằng những biện pháp rất tàn ác.

Trong tình hình đó, những năm 1941-1944, ở Phú Quốc có thầy giáo Đoàn Phong từ đất liền ra đảo dạy học. Thầy khơi dậy tinh thần yêu nước, yêu quê hương, truyền thống chống ngoại xâm của nhân dân ta cho thanh niên. Một số thanh niên được thầy giáo dạy, sau đó trưởng thành, sớm đứng vào hàng ngũ cách mạng và trở thành những người cộng sản lớp đầu của đảo.

VÙNG LÊN GIÀNH CHÍNH QUYỀN

Ngày 09-03-1945, phát xít Nhật hất cẳng thực dân Pháp để độc chiếm Đông Dương. Giữa tháng 3-1945, Nhật đem hơn 100 quân đổ bộ lên Bãi Dinh (Dương Đông) để đánh Pháp, chiếm Phú Quốc.

Phát xít Nhật nhanh chóng sắp xếp lại bộ máy cai trị trên đảo, với lực lượng quân sự làm nòng cốt. Một mặt, chúng vơ vét tài lực trên đảo, lo củng cố hậu cần để chuẩn bị tiếp tục đánh nhau với quân Đồng Minh ở một số mặt trận phía Tây Nam; mặt khác, chúng huyênh hoang tuyên truyền trong dân chúng về thuyết “Đại Đông á”, “Đồng văn, Đồng chủng” (cùng văn hóa, cùng chủng tộc)...

Tháng 8 năm 1945, phong trào cách mạng do Mặt trận Việt Minh lãnh đạo đã ảnh hưởng sâu rộng trong nhân dân và thu hút đông đảo quần chúng vào hàng ngũ cách mạng. Phong trào Thanh niên Tiền phong, do thầy giáo Nguyễn Ngọc Lầu phát động, được chủ tịch Tạ Trung Cang ủng hộ, phát triển mạnh. Một số thanh niên, học sinh... của Phú Quốc, có tham gia hoặc hiểu biết về phong trào này đã trở về đảo tuyên truyền, vận động làm bùng lên một không khí mới trong nhân dân. Tại Dương Đông, một số người như Huỳnh Văn Thanh, Nguyễn Văn Xê... đã đứng ra thành lập tổ chức Thanh niên Tiền phong. Các cuộc sinh hoạt tập thể, các hoạt động xã hội của Thanh niên Tiền phong đã lôi cuốn được nhiều quần chúng, nhất là lớp trẻ trên đảo.

Ngày 09-08-1945, Liên Xô tuyên chiến với phát xít Nhật. Ngày 15-08-1945, Nhật chính thức đầu hàng. Đảng ta đã chớp thời cơ, phát động toàn dân vùng lên khởi nghĩa thắng lợi, giành chính quyền từ tay phát xít Nhật.

Ở Phú Quốc, giữa tháng 8 năm 1945, khi biết đã đại bại, trung đội lính Nhật ở Dương Đông không có hành động gì. Chúng cuồn cờ rồi đi bộ qua Hàm Ninh, lấy ghe về Hà Tiên, qua Cămpuchia rồi về Sài Gòn. Số tay sai của chúng còn lại như rắn mất đầu, hoang mang và tê liệt. Nhân dân trên đảo rất phấn khởi vì bộ máy cai trị của địch đã tan rã.

Ngày 28-08-1945, tại thị xã Hà Tiên, nhân dân giành được chính quyền một cách thuận lợi, trọn vẹn mà không đổ máu. Được tin này một số thành viên tích cực trong Thanh niên Tiền phong ở Phú Quốc quyết định vận động tổ chức một cuộc mít tinh lớn của quần chúng tại Dương Đông. Đầu tháng 9 năm 1945, hàng ngàn người từ Hàm Ninh, Bãi Bồn kéo sang, từ Cửa Cạn, Ông Lang kéo xuống, từ Dương Tơ, Bàng Qui kéo lên... với băng cờ, khẩu hiệu, gậy gộc, dao kiếm... rầm rộ tiến về Dương Đông. Đoàn người kéo đến dinh quận và nhà làng, giương cao những khẩu hiệu viết chữ đủ màu trên những tấm đệm buồm đan bằng lá buông trắng, hô vang các khẩu hiệu: “Đả đảo Nhật - Pháp”, “Việt Nam độc lập muôn năm”... Cả rừng người với cờ, băng, khẩu hiệu tạo nên một khí thế tung bừng chưa từng có trên đảo. Đó cũng là sự biểu dương lực lượng của toàn dân trên đảo.

Sự kiện này là một bước ngoặt lịch sử, đánh dấu việc nhân dân Phú Quốc đã giành được độc lập tự do trên đất đảo thân yêu. Điều đó có nghĩa là cùng với toàn dân Việt Nam, nhân dân Phú Quốc đã được đổi đời; từ thân phận người dân nô lệ trở thành người tự do, làm chủ biển cả, núi rừng, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình.

CÙNG CẢ NƯỚC THAM GIA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

Giữa tháng 01-1946, sau khi xâm chiếm nước ta một lần nữa, giặc Pháp tiếp tục mở rộng vùng lấn chiếm ở miền Tây Nam Bộ.

Tại Phú Quốc, những ngày đầu tháng 4 năm 1946, không khí giặc già bao trùm lên đảo.

Gần 80 năm sống dưới ách nô lệ của thực dân Pháp và chỉ mới hơn nửa năm được sống trong độc lập - tự do, tuy việc xây dựng quê hương, xây dựng cuộc sống mới trên đảo chưa đạt được như mong muốn, nhưng nhân dân Phú Quốc vô cùng thấm thía giá trị của độc lập tự do. Vì vậy, bất kể già trẻ, trai gái đều hăng hái tham gia luyện tập chiến đấu, tổ chức canh gác, cùng lực lượng vũ trang chuẩn bị chống thực dân Pháp khi chúng trở lại xâm lược đất đảo. Mặc dù giặc Pháp đã gửi “tối hậu thư” ra Phú Quốc kêu gọi quân dân trên đảo buông vũ khí, đầu hàng. Nhưng nhân dân đã tổ chức một cuộc mít tinh tuyên án tử hình bọn Việt gian, biểu thị tinh thần bất khuất, quyết tâm chiến đấu bảo vệ nền độc lập tự do vừa giành được.

Ngày 14-04-1946, thực dân Pháp sử dụng tiểu đoàn 1 bộ binh cơ động (BM/1RTA) cùng 10 tàu lớn, nhổ ra đánh Phú Quốc. Rạng sáng hôm sau, 15-04-1946 (ngày 14-03 âm lịch), giặc Pháp đổ bộ, tái chiếm quận lỵ Phú Quốc. Khi chiếm được quận lỵ, giặc Pháp cho truy lùng bắt bớ nhiều người. Trong đó có đồng chí Trần Ngọc Tấn và Trần Quang Du ở bộ phận Binh công xưởng... Giặc Pháp đem một số người, trong đó có đồng

chí Trần Ngọc Tấn và đồng chí Trần Quang Du ra xử bắn tại nơi chúng đóng quân (gần cầu Đuan). Hai đồng chí Tấn và Du trước khi hy sinh đã đồng dạc hô to: “*Đả đảo giặc Pháp xâm lược*”. “*Hồ Chí Minh muôn năm*”. Sự hy sinh anh dũng của các đồng chí Tấn và Du đã để lại trong lòng người dân đảo sự khâm phục khí phách hào hùng của người cộng sản.

Đồng chí Phan Nhung là đảng viên từ đất liền ra đảo. Ngày 5 tháng 6 năm 1946, sau khi liên hệ được với một số cán bộ, đảng viên, đồng chí quyết định tổ chức diệt tên quận trưởng Arriguit tại nơi làm việc của hắn. Nhưng do đạn lép, đồng chí phải rút lui. Sau khi hoàn hồn, tên quận trưởng đuổi theo và bắn đồng chí Phan Nhung. Trước khi hy sinh, đồng chí Phan Nhung còn kịp hô lớn: “*Hồ Chí Minh muôn năm!*”, “*Việt Nam độc lập muôn năm!*”. Sự hy sinh của đồng chí đã gây được tiếng vang, cổ vũ tinh thần kháng chiến trong các tầng lớp nhân dân trên đảo⁽¹⁾.

Tháng 8-1946, đồng chí Huỳnh Thành Nghĩa cùng một số đồng chí như: Ba Nghĩa, Tư Lượng, Tư Tên, Ba Hiệp, Ba Bùa, Hai Moon... đã quyết định thành lập lực lượng vũ trang của Phú Quốc với 4 súng mít, cùng 40 viên đạn (số vũ khí này tịch thu từ tay bọn áp giải tù). Đơn vị do đồng chí Huỳnh Thành Nghĩa chỉ huy. Có thể nói lực lượng vũ trang của Phú Quốc, trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, từ đây được chính thức ra đời.

Ngày 04-10-1946 (10-9 âm lịch), đơn vị vũ trang của Phú Quốc đã tổ chức đánh hăng Cây Dừa (đồn điền dừa ở Cây Dừa). Chỉ sau vài tiếng súng của ta bọn lính đã bỏ đồn trốn chạy. Quân ta đốt đồn, thu được 10 súng và một số đạn, đồng thời tịch thu kho lương thực, đường, muối, vải... đem chia cho một số gia đình công nhân. Ta thiêu hủy tất cả giấy tờ, sổ sách của đồn điền; đặc biệt tuyên bố giải tán đồn điền, giải phóng số công nhân lao động ở đây... Một số thanh niên công nhân đã hăng hái tình nguyện gia nhập vào đơn vị “*Bộ đội Phú Quốc*”. Sau đó, hầu như toàn bộ công nhân và gia đình đã rời Cây Dừa về xây dựng cuộc sống mới ở vùng Dương Tơ, Khu Tượng. Những khu vực hoang sơ, vắng vẻ trước đó như Suối Cau, Cầu Cũ... lúc này bắt đầu hình thành những cụm dân cư mới với một số từ Cây Dừa chuyển lên và một ít từ thị trấn Dương Đông tản cư ra.

Đêm 06-10-1946 (tức 12-9 âm lịch), một đơn vị, với quân số gần 1 trung đội, hầu hết đều giỏi võ thuật, do đồng chí Diệp Văn Dân (Ba Dân) chỉ huy, quyết định tập kích đồn Hàm Ninh để lấy súng bổ sung trang bị cho lực lượng. Trận này ta thu được 14 súng trường, 1 trung liên, hơn 1.000 viên đạn và lựu đạn cũng như toàn bộ quân trang, quân dụng trong đồn. Chiến thắng đồn Hàm Ninh gây được tiếng vang về lực lượng vũ trang Phú Quốc, gần như tay không, đoạt được đồn giặc.

Như vậy, lúc này, Phú Quốc có hai đơn vị vũ trang hoạt động độc lập, một đơn vị ở tại đảo “*Bộ đội Diệp Văn Dân*” và một đơn vị ở hòn Sơn Rái: “*Bộ đội Huỳnh Thành Nghĩa*”.

(1) Sau đó, tên của đồng chí được đặt tên cho Đảng bộ Quận: “*Quận bộ Phan Nhung*”(trong kháng chiến chống Pháp).

Cuối tháng 10 năm 1946, tại địa điểm Cầu Cũ, Dương Tơ, Trung đội 2 Vệ quốc Đoàn Phú Quốc được thành lập trên cơ sở sáp nhập 2 đơn vị vũ trang kể trên, do đồng chí Huỳnh Thành Nghĩa làm Trung đội trưởng.

Sáng 25-10-1946, hàng ngàn quần chúng từ các làng trong quận tập hợp tại địa điểm Cây Sô 3, đường Hàm Ninh - Dương Đông, tổ chức diễu hành ra chợ Dương Đông, nơi đóng trụ sở cơ quan đầu não của địch và mít tinh tại đây. Kết thúc cuộc mít tinh, đoàn người nối nhau dài hàng cây số, đã làm thành cuộc tuần hành biểu dương lực lượng. Quần chúng vừa đi vừa trưng băng cờ và hô vang các khẩu hiệu: *“Hoan nghênh Tam ước 14-09”*, *“Hoan nghênh tinh thần Việt - Pháp thân thiện”*, *“Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm”*...

Sau cuộc biểu dương lực lượng vào cuối tháng 10 năm 1946 và nhất là sau một loạt chiến thắng của các lực lượng vũ trang của ta, giặc Pháp trên đảo thực sự hoang mang. Phong trào kháng chiến của đảo tiếp tục phát triển.

Tuy vậy, trước những hành động xâm lược của giặc Pháp, ngày 18 và đêm 19-12-1946, Hội nghị Trung ương Đảng quyết định phát lệnh *toàn quốc kháng chiến*.

Đêm 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước kháng chiến. Sáng ngày 20-12-1946, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh được truyền đi khắp đất nước*: *“... Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”*.

Hưởng ứng *Lời kêu gọi* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân dân Phú Quốc càng ra sức kháng chiến.

Tháng 11 năm 1947, được tin báo giặc càn quét, cướp phá xóm làng, Trung đội 2 của huyện đang ở Khu Tượng, liền hành quân tức tốc xuống đón giặc tại Đường Bàu tiêu diệt và làm bị thương một lúc hàng chục tên. Chúng hốt hoảng, rối loạn, quân ta xung phong tiêu diệt địch. Có ba tên lợi ra biển định trốn, nhưng sau đó hai tên bị du kích xã Dương Tơ bắt được tại Dương Cờ, tên còn lại bị đơn vị nữ dân quân Dương Tơ bắt tại Bàu Phong. Giữa lúc trận đánh đang căng thẳng, đồng bào Bàng Quý kẻ dao người mác tự đến tiếp viện, hò reo cổ vũ, làm tăng thêm khí thế chiến đấu của quân ta.

Kết quả trận này ta diệt gọn một trung đội giặc, trong đó có tên Vệ Tòng, thu 21 súng cùng nhiều đạn dược. Đồng bào rất phấn khởi trước việc bọn gian ác bị trừng trị đích đáng. Các cơ quan, từ ủy ban nhân dân, Mặt trận đến các đoàn thể quận, làng và đông đảo nhân dân biết tin chiến thắng đã đến chung vui, mừng thắng lợi.

Đây là một trận thắng có ý nghĩa rất lớn. Với trận này, ta đã cơ bản đập tan âm mưu của địch dùng lực lượng Cao Đài Tây Ninh vũ trang chống phá phong trào kháng chiến của quân dân ta trên đảo.

Với điều kiện địa lý của đảo, Đảng bộ và quân dân Phú Quốc ra sức phát huy tinh thần tự lực, tự cường xây dựng thực lực để tiếp tục đẩy mạnh cuộc kháng chiến.

Phong trào quần chúng phát triển khá mạnh. Cùng với cấp huyện, các xã đều có tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Mặt trận Liên - Việt. Xã Dương Tơ còn có Hội giải liên (Hoa kiều Giải phóng Liên hiệp Hội). Hội phụ nữ thành lập được Ban chấp hành ở xã và Ban cán sự ở ấp, cùng phối hợp với một số tổ chức quần chúng vận động hội viên tham gia các công tác tiếp tế gạo, thuốc men, lạc quyền... chuyển vào vùng kháng chiến. ở xã, còn có những hình thức tổ chức tập hợp quần chúng theo sở thích hoặc công việc như hội đình, hội chùa, hội dinh, hội đá bóng, hội vô lăng (bóng chuyền)... Thiết thực nhất là tổ chức vận vắn đôi công, đồng bào giúp nhau trong sản xuất, công việc hàng ngày; tích cực góp phần xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn. Đặc biệt Hội Mẹ chiến sĩ hoạt động có nhiều kết quả với nhiều tấm gương điển hình về chăm lo, săn sóc, động viên cán bộ, chiến sĩ, nhất là thương binh, bệnh binh...

Các xã cũng đều có xã đội, có trung đội du kích bán thoát ly, có nhiều trung đội dân quân, nam và nữ. Phần lớn các ấp có ấp đội. Lực lượng nữ dân quân không kém gì nam giới, cũng hăng hái luyện tập chiến đấu, đào mương, đắp lộ, canh giữ xóm làng.

Với những hoạt động như vậy, Đảng bộ và quân dân trên đảo đã làm thất bại chính sách bao vây, phong tỏa về kinh tế của thực dân Pháp đối với cuộc kháng chiến của quân dân trên đảo.

Gần cuối năm 1949, giặc Pháp cho tăng cường các biện pháp canh phòng nghiêm ngặt vùng biển Rạch Giá - Hà Tiên để tiếp tục phong tỏa Phú Quốc, ngăn cắt đảo với đất liền cũng như ngăn ngừa sự tiếp viện của ta từ nước ngoài về. Đồng thời với việc phong tỏa kinh tế trên đảo, giặc vừa tìm cách bưng bít thông tin về tình hình kháng chiến của quân dân ta trong đất liền. Do bị giặc phong tỏa gắt gao, vùng tự do của ta có nguy cơ bị nạn đói. Bấy giờ, nhiều cán bộ có cùng nhận xét: “được ăn một bữa cơm giống như được ăn một đám giỗ!”.

Huyện ủy có cuộc hội nghị mở rộng nhằm giải quyết tình hình trên; phân công cán bộ đi vận động các phương tiện tư nhân tìm cách tiếp tế gạo cho ta, từ cả vùng địch tạm chiếm chuyển vào; phát động cán bộ, chiến sĩ và nhân dân tăng gia sản xuất, vỡ đất làm rẫy nhưng đồng thời phải giữ rừng... Thực hiện chủ trương này, huyện đã khuyến khích, tạo điều kiện cho một số tư nhân chở gạo từ đất liền ra bán cho đảo. Gạo và một số hàng hóa đã được chở ra từ Miệt Thứ, Lại Sơn, cả từ Cao Miên được ta dự trữ, cất giấu ở Hàm Ninh. Các xã Dương Tơ, Cửa Dương xuống Hàm Ninh mua và nhận gạo. Mặt khác, một số gạo không nhỏ đã được quần chúng và cơ sở cách mạng vận chuyển vào qua một số binh lính ở các đồn bót mà ta tranh thủ được. Điều này cho thấy lực lượng cách mạng ở Phú Quốc đã biết dựa vào dân để giải quyết những khó khăn, nhất là trong thời điểm khắc nghiệt của cách mạng.

Nhưng cũng trong gian đoạn lịch sử này, có thể nói, từ hai bàn tay trắng, nhân dân Phú Quốc đã nhanh chóng tạo dựng cho mình một thực lực khá căn cơ và vững chắc, nhất là về tổ chức Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang, các đoàn thể quần chúng... từng bước lớn mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của địa phương cũng như trực tiếp góp

phần với đất liền, với các cấp trên và ngày càng giành được những thắng lợi có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn đầu kháng chiến của huyện đảo. Bên cạnh đó, phong trào cách mạng của Phú Quốc trong giai đoạn này đã sớm được sự quan tâm hỗ trợ, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Khu ủy, Quân khu, ban ngành các cấp... tạo đà cho sự trưởng thành, phát triển đi lên của Đảng bộ, quân dân Phú Quốc trong buổi đầu mới mẻ, còn nhiều khó khăn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Năm 1950, cùng với 30.000 tàn quân Quốc dân Đảng được đưa đến đảo, thực dân Pháp triển khai việc xây dựng đảo Phú Quốc thành một căn cứ mà chúng gọi là “Biệt khu Phú Quốc” nhằm moi viện trợ của đế quốc Mỹ để tiếp sức cho chúng tiếp tục chiến tranh và uy hiếp thường xuyên hậu phương ta ở địa bàn Khu 9. Chỉ trong mấy ngày, tương quan lực lượng trên đảo đã thay đổi một cách đột ngột và quá chênh lệch. Đảng bộ và quân dân huyện đảo Phú Quốc phải đối mặt trước một tình hình hết sức gay go, phức tạp và bất lợi.

Thời gian này, tuy tình hình có nhiều khó khăn phức tạp nhưng Đảng bộ Phú Quốc quyết tâm khắc phục, kiên trì ứng phó linh hoạt, đã nắm được một số sĩ quan, phân hóa nhiều tên trong hàng ngũ của chúng; ngăn chặn được nhiều hành động cướp bóc, càn quấy vào vùng căn cứ kháng chiến của ta, làm thất bại nhiều cuộc lung sục của chúng vào vùng giải phóng. Ta cũng đã sử dụng được khá đông lực lượng của chúng để làm thuê cho nhân dân trong công việc sản xuất: lật đất đồng tranh để trồng khoai, đậu, hoa màu... Đặc biệt, ta đã thỏa thuận được với chúng đưa đại diện lập mối quan hệ giữa đôi bên; thông qua thương lượng, đàm phán mà ngăn chặn được các cuộc xung đột, trong khi chúng thường tìm cơ để gây hấn với ta... Nhờ đó, ta bảo vệ được lực lượng, bảo vệ được dân, bồi dưỡng, giữ vững được phong trào kháng chiến trong suốt thời gian chúng có mặt trên đảo trong điều kiện tương quan lực lượng giữa ta và chúng rất chênh lệch, rất bất lợi cho ta. Đảng bộ đã biết phát huy sức mạnh của nhân dân, vừa tranh thủ, vừa đấu tranh và cả lợi dụng những mâu thuẫn của địch, kiên trì đấu tranh và giành được nhiều kết quả tốt. Đây là một thắng lợi đặc biệt và to lớn của Đảng bộ, quân dân Phú Quốc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Đến ngày 23-05-1953, gần 30.000 tàn quân Quốc dân đảng rút đi. Nhưng ngay sau đó, thực dân Pháp đưa ra Phú Quốc một số tù binh - vốn là cán bộ, chiến sĩ ta bị địch bắt trong các trận đánh, các cuộc hành quân càn quét, ruồng bỏ... giam tại Căng (trại giam) Cây Dừa. Nơi này là doanh trại cũ của bọn Quốc dân đảng, thực dân Pháp cho sửa sang lại để làm trại giam. Từ tháng 7 năm 1953 đến cuối tháng 10 năm 1953, số lượng tù nhân được đưa đến từ 3.000 đã tăng lên đến 7.000 người. Vừa đến nơi, lợi dụng lúc địch còn sơ hở trong việc canh phòng, chi bộ tù nhân (được thành lập từ lúc còn trong đất liền) đã lãnh đạo, tổ chức vượt ngục. Trong vòng 3 tháng đã vượt ra được hơn 100 người.

Thời gian này, khi bọn địch ở Dương Đông phải lo đối phó với các hoạt động của ta ở khu vực tiếp giáp Gành Gió, sân bay Dương Đông, thì vào ngày 27-10-1953, bộ đội ta từ căn cứ Cửa Dương vòng qua Dương Đông bí mật lườn sâu xuống Nam đảo phục

kích tại rừng cao su Cây Dừa, diệt gọn một trung đội tuần tra của địch, thuộc tiểu đoàn 505 khinh quân, bắt sống 9 tên, thu 14 súng (có 1 trung liên, 2 garant, 2 carbine và 9 thompson). Trận này vừa gây được tiếng vang lớn, vừa có ý nghĩa báo tin cho cán bộ, chiến sĩ ta đang bị địch giam giữ trong nhà lao Cây Dừa biết có hoạt động kháng chiến của quân dân trên đảo; đồng thời là một trận thắng lớn, có ý nghĩa cổ vũ quân dân toàn huyện ra sức lập công.

Đầu tháng 5 năm 1954, chiến trường cả nước sôi động bước vào thời điểm cuối của Chiến dịch Đông - Xuân. Đặc biệt mặt trận Điện Biên Phủ đã giành thắng lợi vang dội: toàn bộ tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương này bị quân ta tiêu diệt hoàn toàn vào ngày 07-05-1954.

Ở Phú Quốc, tin chiến thắng Điện Biên Phủ lan về càng cổ vũ phong trào kháng chiến của nhân dân. Theo lời kêu gọi của Đảng, của Mặt trận Liên Việt, nhân dân nào nức góp công, góp của ủng hộ kháng chiến.

Tóm lại, trong giai đoạn 1950-1954, Đảng bộ Phú Quốc đã gặp khó khăn tưởng chừng khó có thể vượt qua được, nhất là thời kỳ đầu khi tàn quân Quốc dân đảng đến đảo... Đây là một cuộc “đương đầu lịch sử” của nhân dân Phú Quốc. Nhưng bằng tình yêu quê hương vô bờ bến, với ý chí tự lực tự cường, tinh thần bất khuất, sáng tạo, quyết đoán, được sự quan tâm lãnh đạo cũng như trực tiếp chỉ đạo của cấp khu, tỉnh, Đảng bộ và quân dân Phú Quốc đoàn kết một lòng, gắng sức vượt qua khó khăn, từng bước giành lấy thắng lợi cuối cùng, hoàn thành một cách vẻ vang cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược trên quê hương đất đảo.

KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC, ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN PHÚ QUỐC KIÊN CƯỜNG VƯỢT QUA BÃO GIÔNG

Sau khi thực dân Pháp bị thất bại, buộc phải rút về nước, Đế quốc Mỹ đã nhảy vào miền Nam, dựng lên chính quyền tay sai hòng chiếm nước ta phục vụ mưu đồ đen tối của chúng.

Đầu năm 1955, địch bắt đầu thực hiện chính sách “tổ cộng, diệt cộng”⁽¹⁾, mà sau đó chúng đã nâng lên thành “quốc sách”. Để thực hiện chính sách này, Mỹ - ngụy đã lập bộ máy chỉ đạo từ trung ương xuống đến tận cơ sở, ấp. Cấp trung ương có “Hội đồng chỉ đạo tổ cộng”; cấp tỉnh có “ủy ban chỉ đạo tổ cộng”; xã, ấp có các “Đoàn công dân vụ” gồm một số tên ác ôn được huấn luyện kỹ. Bọn này dựa vào hội tề, dân vệ, cảnh sát xã, tổng đoàn dân vệ, bảo an... tiến hành lùng sục, càn quét, bắt bớ. Đối tượng mà chúng sẵn

(1) Chiến dịch “tổ cộng, diệt cộng” được Mỹ - Ngụy thực hiện từ ngày 1955 đến 1958; ác liệt nhất là những năm 1956- 1957.

lòng để “tố”, để “diệt” là những đảng viên cộng sản, những người từng tham gia trong bộ máy chính quyền cách mạng, trong các đoàn thể cách mạng, những gia đình có người thân tham gia kháng chiến, đi tập kết, các gia đình cơ sở cách mạng, và tất cả những ai ủng hộ hòa bình, thống nhất đất nước, chống chế độ Ngô Đình Diệm...

Bằng chính sách “tố cộng, diệt cộng”, địch muốn tiêu diệt tận gốc cách mạng, gây sự chia rẽ, nghi ngờ trong các tầng lớp nhân dân, trong từng gia đình... gây một không khí bất ổn, căng thẳng trong xóm làng, trong toàn xã hội, thậm chí trong từng gia đình.

Tại Phú Quốc, từ tháng 2 năm 1955, địch có những thay đổi về mặt tổ chức hành chính và quân sự. Về hành chính, địch cho tái nhập Phú Quốc về tỉnh Hà Tiên và là một quận của tỉnh này. Về quân sự, địch lập Phú Quốc thành một “phân khu biệt lập”, do tên thiếu tá Lê Văn Thông, từng làm quận trưởng cho Pháp trước đây, làm phân khu trưởng kiêm quận trưởng, thay cho thiếu tá Trần Vĩnh Đắc. Chúng cho tay chân đến từng xóm ấp để họp dân, tuyên truyền, xuyên tạc về cuộc Kháng chiến chống Pháp, về Hiệp định Giơnevơ.

Trước sự đánh phá ác liệt và thâm độc của địch, cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước, yêu hòa bình bị đặt trước những thử thách lớn lao chưa từng có, nhưng đa số vẫn kiên trung với cách mạng.

Ở Phú Quốc, Huyện ủy chủ trương cho cơ sở ở các xã và thị trấn tổ chức lấy chữ ký của nhân dân gửi quận trưởng, tỉnh trưởng đòi ngụy quyền phải tổ chức hiệp thương, thi hành đúng Hiệp định Giơnevơ. Trong cuộc vận động đấu tranh này các Chi đoàn Thanh lao (Đoàn Thanh niên Lao động) ở các xã đã đóng vai trò nòng cốt, hoạt động rất tích cực. Như ở Dương Tơ, Chi đoàn thanh niên đã thực hiện căng dán 20 băngrôn, 60 áp phích, đốt 6 hình nộm Ngô Đình Diệm... Tại Dương Đông, cơ sở ta tổ chức rải, dán nhiều truyền đơn, áp phích... ở nhiều nơi trong thị trấn, ngay cả tại trụ sở làm việc của bọn tề làng Dương Đông (Nhà Làng).

Đi đôi với việc lãnh đạo quần chúng dùng nhiều hình thức đấu tranh với địch, cơ sở ta còn tổ chức đưa được một số quần chúng nòng cốt vào bộ máy ngụy quyền, như Ngô Văn Diễn (Năm Diễn), làm thư ký xã Lộc Hòa (Dương Tơ), Phạm Văn Huyện (Tám Huyện), làm Chủ tịch Hội đồng xã Dương Đông... cung cấp tin tức, lèo lái, hạn chế bọn tề, đỡ khó khăn cho dân. Ngoài ra, một số quần chúng tốt biết nghề may cũng được ta bố trí ra thị trấn mở tiệm may làm nút liên lạc hợp pháp...

Cuối năm 1955, ngụy quyền Sài Gòn cho lập một trại giam mà chúng gọi là “Trại huấn chính Cây Dừa” (còn gọi là nhà lao Cây Dừa) tại địa điểm cảng Cây Dừa cũ (An Thới). Đầu tháng 1 năm 1956, địch đưa 598 tù nhân mà chúng cho là “Việt cộng” hoặc “thân Cộng”, có quê quán thuộc 33 tỉnh thành của miền Nam, đến giam tại trại giam này.

Huyện ủy có chủ trương chỉ đạo cho chi bộ xã Dương Tơ tìm mọi cách liên lạc với các đồng chí bị giam giữ trong trại giam; tìm cơ hội để giải thoát cho anh em. Đặc biệt, trong một thời gian ngắn, bằng công tác binh vận, các đồng chí trong chi bộ Dương

Tơ đã xây dựng được trên 10 cơ sở trong hàng ngũ binh lính trại giam. Từ tháng 2 năm 1956, đã có nhiều cuộc vượt ngục lẻ tẻ và tập thể, có vụ cả chục người.

Có thể nói, năm 1956 ở Phú Quốc là năm địch tập trung thực hiện hàng loạt chủ trương và thủ đoạn nhằm tiêu diệt Đảng và xóa phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng. Chúng vừa dùng sức mạnh quân sự, bộ máy chính quyền, nhà tù... vừa mị dân, kể cả các biện pháp phát xít để đánh phá và đánh phá liên tục phong trào và cơ sở cách mạng trên đảo. Những nơi chúng không kiểm soát được chặt, chúng cho gom dân, đối tượng chính là những gia đình có người đi tập kết, tham gia cách mạng, nuôi chứa cách mạng...

Đầu năm 1957, địch đặt Phú Quốc trực thuộc tỉnh Kiên Giang và là một quận gồm hai xã: Dương Đông (38 ấp) và Hàm Ninh (87 ấp). Cả hai xã đều có hội đồng xã nhưng đều làm việc ở thị trấn Dương Đông. Khi triển khai được đồn bót, địch mới cho lập một số tề ấp. Thời gian này đối với vùng địch tạm chiếm, Huyện ủy chủ trương phải hết sức lợi dụng mọi khả năng hợp pháp và bán hợp pháp để tuyên truyền, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, giành thắng lợi từng ngày, dù nhỏ, hạn chế thiệt hại thấp nhất cho cách mạng.

Lúc này, địch cũng ra sức phong tỏa Phú Quốc nhằm cô lập đảo với đất liền để dễ bề tập trung đánh phá, tiêu diệt phong trào cách mạng trên đảo. Chúng cố tách cán bộ, đảng viên ra khỏi nhân dân bằng cách quy khu, dồn dân, đuổi nhà, bắt học “tổ cộng, diệt cộng”... Chúng càn quét, đánh vào điểm ăn ở, đường đi lại của cán bộ, nút giao liên, cơ sở quần chúng mà ta thường quan hệ. Đồng thời chúng lừa mị, mua chuộc tác động cán bộ, đảng viên, đoàn viên cũng như quần chúng chiêu hồi, chiêu hàng, làm chỉ điểm hoặc dẫn lính đi phục kích, biệt kích để diệt cán bộ, cơ sở của ta. Đặc biệt tàn bạo, với luật 10/1959, địch thẳng tay giam cầm, giết hại nhân dân, quyết dập tắt phong trào cách mạng ở miền Nam nói chung và ở Phú Quốc nói riêng.

Lửa thử vàng, gian nan thử sức, trước tình hình khó khăn căng thẳng này, đa số các đồng chí cán bộ, đảng viên vẫn kiên định tinh thần chiến đấu, vững vàng tư tưởng.

Trạm giao liên ở vùng
Bắc đảo trong
kháng chiến chống Mỹ

Ảnh: TL



Dù bị địch khủng bố, đàn áp nhưng cán bộ cách mạng và quần chúng yêu nước vẫn giữ vững ý chí chiến đấu bất khuất, chấp nhận tra tấn, tù đầy, hy sinh thân mình để bảo vệ cán bộ, bảo vệ Đảng.

Lúc này huyện thành lập bộ phận quân y, khắc phục nhiều khó khăn, cho người móc nối vào vùng địch mua sắm y cụ, thuốc men... phục vụ cho cán bộ chiến sĩ ta.

Cuối tháng 6 năm 1960, đơn vị vũ trang huyện ra quân trận đầu tiên, tổ chức phục kích chặn đánh một tiểu đội địch hành quân từ ấp Ông Lang về Cửa Cạn tại đoạn đường gần Đồng Cửa Cạn. Lực lượng ta có một tiểu đội. Do hỏa lực yếu, súng kém và lựu đạn không nổ, nên sau khi diệt được 1 tên và làm bị thương 2 tên khác, đơn vị phải rút. Một đồng chí của ta bị thương. Tháng sau, đơn vị đánh trận thứ hai, tại ấp 3, Cửa Cạn. Trận này ta rải truyền đơn, dụ địch ra để đánh. Nhưng do chúng đi không đúng hướng như ta dự định nên ta chỉ làm chúng bị thương một số tên... Tuy những trận này không thu được kết quả lớn, nhưng có ý nghĩa quan trọng: lực lượng vũ trang cách mạng của huyện bắt đầu công khai hoạt động và trưởng thành; đưa mũi tấn công quân sự vào và dần dần làm nòng cốt cùng với các mũi chính trị và binh vận phối hợp giáp công đánh địch, giành nhiều thắng lợi lớn.

Ngày 20-12-1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các dân tộc, các đảng phái, các tôn giáo, các đoàn thể và nhân sĩ yêu nước, không phân biệt xu hướng chính trị nhằm đấu tranh đánh đổ ách thống trị của Mỹ - Diệm. Cương lĩnh chính trị của Mặt trận đã có tác dụng tập hợp mọi tầng lớp nhân dân yêu nước ở miền Nam đứng lên chống Mỹ Diệm.

Đầu tháng 3 năm 1961, Mặt trận Giải phóng tỉnh Rạch Giá được thành lập. Tiếp đó, Mặt trận Dân tộc Giải phóng huyện Phú Quốc cũng được hình thành, do đồng chí Hồ Văn Giàu (Năm Nhất) làm Chủ tịch. Lễ ra mắt được tổ chức tại Đồng Te Te, thuộc ấp Khu Tượng, xã Cửa Dương, có mặt hơn 1.000 người từ các xã ấp vùng ta và vùng địch kiểm soát, kể cả thị trấn Dương Đông, về dự lễ...

Tại ấp Bãi Bồn bấy giờ địch có một trung đội Bảo an thường xuyên đi phục kích, khống chế con đường từ Hàm Ninh về căn cứ phía bắc đảo. Mặc dù trung đội địa phương quân của huyện chưa đầy 2 tiểu đội, trang bị còn kém, nhưng Huyện ủy ra Nghị quyết là trong một thời gian ngắn phải tìm cách đánh diệt bọn này, khai thông con đường huyết mạch của ta.

Đêm 29-04-1961, đúng như kế hoạch, bọn địch lọt vào ổ phục kích của quân du kích. Dưới ánh trăng, quân ta nhìn rõ từng tên địch và đồng loạt nổ súng. Địch không kịp trở tay, bị dồn xuống mé biển. Quân ta diệt gọn tiểu đội bảo an địch (trong đó có 1 thiếu úy và 1 trung sĩ ác ôn), bắt sống 3 tên, giáo dục tại chỗ rồi thả. Ta thu chiến lợi phẩm, trong đó đáng kể có 3 khẩu tiểu liên Thompson, 5 khẩu súng trường (Max.36), 1

súng ngắn (Colt.9) là nguồn bổ sung quý giá cho hỏa lực của đơn vị. Sau trận đánh đơn vị hành quân vào ấp. Đồng bào trong ấp hân hoan mở cửa đón mừng.

Với chiến thắng Bãi Bồn, quân dân Phú Quốc rất vui mừng phấn khởi. Đường lên xuống Hàm Ninh và Bắc đảo được thông thương. Sau trận này, địch không dám đưa quân đi mật phục như trước. ở thị trấn Dương Đông, đánh địch để lấy vũ khí trang bị cho mình cũng là nhiệm vụ được lực lượng vũ trang cách mạng tích cực thực hiện. Ngày 8-11-1961, đơn vị đang mai phục thì địch dẫn xác đến. Trong khi chờ quan sát tình hình quân địch triển khai đội hình, thì một chiến sĩ của ta vô ý để súng cướp cò nên bị lộ. Trước tình huống bất ngờ đơn vị buộc phải nổ súng. Quân địch đông lại còn gọi thêm tiếp viện, vì vậy đồng chí Nguyễn Văn Nhị quyết định cho đơn vị rút lui để bảo toàn lực lượng. Khi đơn vị rút lui, đồng chí Nguyễn Văn Nhị và đồng chí Phạm Văn Đờm (Ba Trung) ở lại cản địch. Đồng chí Tám Nhị bị thương cả hai tay nên ra lệnh cho đồng chí Đờm phải rút, còn đồng chí ở lại chờ trời tối sẽ tìm cách rút sau.

Ngay sau đó địch đưa quân trở vào lòng vực và bắt được đồng chí Nguyễn Văn Nhị. Chúng biết anh là một cán bộ chỉ huy, nên dùng mọi cách dụ dỗ. Địch yêu cầu anh nói với đồng bào, đồng chí mình những lời cải hối, do chúng viết sẵn. Chúng tin là anh sẽ làm theo ý chúng nên cho truyền thanh trực tiếp lên các loa phóng thanh trong thị trấn. Đồng chí Nguyễn Văn Nhị đã hô lớn: “Mỹ Diêm là kẻ thù không đội trời chung. Hãy đoàn kết tiêu diệt chúng!”, “Mặt trận Dân tộc Giải phóng muôn năm!”, “Hồ Chí Minh muôn năm!”. Bọn địch như bị một cái tát mạnh vào mặt. Chúng xông vào đánh đập đồng chí Nguyễn Văn Nhị. Và rạng sáng ngày 9-11-1961, địch lên lút đưa đồng chí Nguyễn Văn Nhị đi xử bắn tại Bà Kèo (Dương Đông). Anh hy sinh lúc mới 25 tuổi, nhưng khí tiết kiên cường bất khuất của Anh, một đảng viên cộng sản, một cán bộ quân sự, một Huyện ủy viên, sống mãi trong lòng Đảng bộ, quân dân huyện đảo.

Các cuộc đốt phá hàng rào “áp chiến lược” được quần chúng sáng tạo và phổ biến. Tại Bến Tràm, dựa vào địa hình quen thuộc, địa phương quân cùng quân dân ấp Bến Tràm huy động và sử dụng các loại vũ khí có trong tay để đánh địch. Các thứ chông mìn, cạm bẫy... được dịp phát huy và mang lại nhiều hiệu quả. Cùng với ấp Bến Tràm, dân quân du kích trong xã (Cửa Dương) phối hợp chặn các mũi tiến quân của địch... Qua một ngày chiến đấu, trên 20 tên địch bị quân dân ta loại khỏi vòng chiến đấu, 1 máy bay L.19 bị bắn rơi tại ấp Ông Lang. Trận cản của địch bị đập tan. Sau thắng lợi này, phong trào chiến tranh nhân dân nói chung và lực lượng vũ trang nói riêng của Phú Quốc phát triển mạnh hơn.

Cuối năm 1964, chiến thắng Vĩnh Thuận (4 năm 1964), chiến thắng Lục Phi (7 năm 1964)... lan rộng trong cả miền Tây Nam Bộ, vang dội đến Phú Quốc, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần chiến đấu của quân dân trên đảo. Bây giờ, vùng giải phóng của huyện được mở rộng. Địch co cụm ở Dương Đông, An Thới, Hàm Ninh, Cửa Cạn...

Trung tuần tháng 10 năm 1964, tên Nguyễn Khánh, Quốc trưởng ngụy quyền đi máy bay ra Phú Quốc để thị sát đảo. Theo kế hoạch đã chuẩn bị, địa phương quân huyện

dùng 2 khẩu súng cối loại 61 mm bắn vào sân bay Dương Đông, diệt 10 tên địch và phá hủy 1 xe quân sự. Sân bay Dương Đông bị hư hại. Nguyễn Khánh bị chết hụt, phải đi bằng tàu về đất liền. Vài ngày sau, từ Sài Gòn địch đưa 1 tiểu đoàn quân dù, mà chúng tự xưng là “Thiên thần mũ đỏ”, đến Phú Quốc mở cuộc càn dài ngày vào xã Cửa Dương nơi có “hoạt động mạnh của Việt Cộng”. Với hàng trăm bãi chông, mìn do du kích xã và địa phương quân huyện cài đặt khắp nơi để bảo vệ vùng căn cứ, nay có dịp phát huy tác dụng. Bằng lối đánh du kích và tinh thần chiến đấu kiên cường dũng cảm, quân dân Cửa Dương dồn địch vào thế “tiến thoái lưỡng nan”, loại khỏi vòng chiến đấu trên 50 tên địch. Sau 23 ngày đêm, tiểu đoàn “tinh nhuệ” của địch phải chấm dứt cuộc càn.

Với thắng lợi này, quân và dân Phú Quốc được Bộ Chỉ huy Quân sự miền Nam tặng thưởng Huân chương Chiến thắng hạng Nhì. Khí thế cách mạng của quân dân trong vùng căn cứ giải phóng dâng cao. Các cơ sở Đảng, Đoàn và các đoàn thể quần chúng phát triển mạnh. Thanh niên hăng hái gia nhập vào lực lượng vũ trang huyện, xã.

Sau cuộc tiến công mùa hè 1965 của quân dân miền Nam, chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ đã bị phá sản hoàn toàn. Sự sụp đổ cuối cùng của chế độ tay sai Sài Gòn là không tránh khỏi. Trước tình hình đó, Mỹ đã đưa một lực lượng quân sự lớn, bao gồm quân viễn chinh Mỹ và chư hầu vào miền Nam Việt Nam tiếp tay với quân ngụy chặn đà tiến công của quân dân ta; thực hiện kế hoạch chiến lược “tìm và diệt” nhằm phá hủy toàn bộ cơ cấu tổ chức của cách mạng miền Nam.

Tháng 10 năm 1966, nhằm thực hiện kế hoạch chiến lược “tìm và diệt”, tiếp tục thực hiện âm mưu bình định Phú Quốc, Mỹ ngụy mở cuộc hành quân lấy tên “Ba lượn sóng thần”, sử dụng lực lượng bộ binh cấp trung đoàn với 2 tiểu đoàn chủ lực, 1 tiểu đoàn bảo an địa phương; không quân có 2 máy bay L.19, 4 phản lực F.105, 12 trực thăng...; hải quân có 7 tàu các loại cùng hàng chục khẩu pháo yểm trợ tấn công vào vùng căn cứ Khu Tượng. Huyện ủy và Huyện đội đã chủ động chỉ đạo bố trí thế trận xã áp chiến đấu để chống địch.

Qua 8 ngày đêm chiến đấu, ta diệt và làm bị thương 120 tên địch, bắn cháy 1 máy bay F.105 và 1 máy bay “đầm giã” (L.19). Quân dân ta bẻ gãy hoàn toàn cuộc càn quét lớn của địch. Căn cứ Khu Tượng vẫn được giữ vững.

Chiến thắng này có ý nghĩa lớn lao. Đây là trận đụng đầu lịch sử giữa vũ khí thô sơ của cán bộ chiến sĩ ta trong vùng căn cứ với các loại vũ khí hiện đại của Mỹ.

Việc liên lạc với cấp trên, giữa đảo với đất liền, vẫn trong tình trạng bị địch ngăn cắt. Ngày này qua ngày khác, địch quyết tâm cắt đứt Phú Quốc với đất liền, ngăn chặn, bóp nghẹt phong trào kháng chiến của Đảng bộ, quân dân Phú Quốc.

Trước yêu cầu bức xúc của tình hình và nhằm nối lại liên lạc giữa đất liền và Phú Quốc, giữa Tỉnh ủy với huyện đảo, Tỉnh ủy Rạch Giá thống nhất đưa một đoàn cán bộ tìm cách mở đường ra đảo, do đồng chí Lâm Kiên Trì, Phó Bí thư Tỉnh ủy, tổ chức và dẫn đầu. Để thực hiện chuyến đi, đoàn đã chuẩn bị một cách công phu, vất vả. Bởi mục

đích của chuyến đi này không chỉ nhằm nối lại cho được liên lạc, kết hợp tiếp tế trước mắt cho đảo một số vũ khí (K2, Cối 82mm...) gạo, hoá chất, điện đài, mà còn nhằm xây dựng đường dây giao thông liên lạc cho cả lâu dài sau này.

Việc đoàn cán bộ của Tỉnh uỷ vượt vòng vây địch về đến đảo đã đánh một dấu mốc mới trong lịch sử Đảng bộ huyện đảo: nối lại được mạch máu với đất liền, nối lại sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ đối với Đảng bộ Phú Quốc. Nhiều cán bộ, đảng viên trên đảo xem sự kiện này như “*nắng hạn gặp mưa rào*”. Đảng bộ Phú Quốc như được hưởng luồng gió mới, tăng thêm sức chiến đấu.

Xuân Mậu Thân 1968, do tình hình ngăn cản và do điện đài bị hư hỏng nên Phú Quốc không kịp thời nhận được mệnh lệnh của cấp trên. Nhưng qua theo dõi Đài phát thanh Giải phóng của ta và Đài phát thanh Sài Gòn của địch. Đảng bộ, quân dân Phú Quốc cũng nắm được một số tình hình chung đang diễn ra trên toàn miền Nam trong những ngày lịch sử hào hùng ấy. Từ mừng 6 tết, bằng khả năng thực tế của mình, Đảng bộ đã lãnh đạo quân dân trong huyện tấn công địch, ra sức hoà nhịp với phong trào chung của toàn miền. Qua các đợt tấn công quân sự, quân dân Phú Quốc đã loại khỏi vòng chiến đấu 261 tên địch (có 4 tên Mỹ), triệt phá lô cốt Hàm Ninh, bắn hư hỏng 4 máy bay (2 trực thăng, 1 Dakota và 1 C.130), 1 xe cam nhông, thu 18 súng và 3.170 viên đạn các loại. Hai trung đội Hắc Báo của địch bị xoá sổ. Riêng mũi đầu tranh chính trị, đã phát động quần chúng đấu tranh chính trị kết hợp với binh vận chống địch đánh phá, chống bọn Hắc Báo khủng bố, thăm sát, kết hợp cả 3 mũi tấn công, như ở Suối Đá, làm cho địch chùn bước. Kết quả phần lớn các cuộc đấu tranh của quần chúng đều giành được thắng lợi với những mức độ khác nhau.

Ở các xã Cửa Dương, Dương Tơ, Hàm Ninh, quần chúng được vận động đã tham gia đào hầm, làm công sự tránh pháo; đào công sự chiến đấu, gài trên 200 lựu đạn, bom bi cải tiến theo các con đường địch thường hành quân; gài trên 700 chông cây và gần 1.500 chông hầm, tích cực xây dựng xã ấp chiến đấu.

Thời gian này cơ sở Đảng và tổ chức quần chúng được giữ vững, có bước củng cố và phát triển; huy động được toàn lực đảng viên, đoàn viên xông lên tấn công địch. Các đơn vị vũ trang bám vững địa bàn hoạt động và chiến đấu tốt trong điều kiện khó khăn, thiếu thốn của huyện đảo. Cơ sở cách mạng ở thị trấn được củng cố. Các chi bộ xã, nhất là Cửa Dương bám chặt dân, phát động quần chúng tấn công địch. Cán bộ cơ sở nói chung đều bền bỉ chịu đựng gian khổ, bám đất bám dân, hoạt động và chiến đấu.

Đảng bộ, quân dân trên đảo đã nỗ lực vượt qua những khó khăn ác liệt, dù còn thiếu thốn, còn phải ăn khoai rừng (củ mài, củ nằng...), thiếu vũ khí... nhưng vẫn dũng cảm, đoàn kết quyết tâm đánh địch giành nhiều thắng lợi.

Những tháng cuối năm 1968, nhằm thực hiện âm mưu “bình định cấp tốc”, tại Phú Quốc, ở Dương Đông, lực lượng Mỹ có 189 tên (bộ chỉ huy bảo an có 8 tên, nhà thương có 1 tên, đài radar phi trường Dương Đông có 180 tên). Từ tháng 1 đến tháng 12 năm

1968, chúng rút về đất liền 176 tên, còn lại 13 tên làm cố vấn cho bọn bảo an. Trong khi rút quân, Mỹ rút cả đài radar ở phi trường Dương Đông cùng một số phương tiện chiến tranh khác. Đồng thời chúng tăng cường chuyển xăng dầu, bom đạn đến cung cấp cho trực thăng, pháo binh... dồn sức đánh phá ta. Song song với các hoạt động này, địch đánh phá ta về kinh tế cũng không kém phần gắt gao. Chúng cấm không cho đem gạo về nông thôn, hạn chế cả thức ăn, vật dùng đối với quần chúng ở nông thôn. Cùng với phong toả kinh tế, địch còn ra sức phá hoại kinh tế của ta bằng cách dùng phi pháo, bắn phá vườn rẫy, nhà cửa, heo bò... đặc biệt là dùng chất độc khai hoang, phá hoại hoa màu, tiêu diệt cây cối, rừng rậm, cũng là vừa nhằm mục đích là “xoá nơi ẩn nấp và sào huyệt của Việt Cộng”. Thời kỳ này hai bên trực lộ Dương Đông - Hàm Ninh, Dương Đông - Cây Dừa bị địch khai hoang hoàn toàn trống trải nhằm hạn chế ta tiếp cận, tấn công chúng.

Tháng 12 năm 1968, địch thành lập tổ chức Ủy ban Phụng hoàng quận Phú Quốc, do tên thiếu tá quận trưởng Nguyễn Như Hoa làm chủ tịch, nhằm “ngăn chặn và tiêu diệt tận gốc rễ thành phần hạ tầng cơ sở Cộng sản” như chúng nói.

Thời gian này, toàn Đảng bộ Phú Quốc có 16 chi bộ (ở xã vùng kìm 3 chi bộ, vùng giải phóng 3 chi bộ, ở cơ quan dân, chính, Đảng 7 chi bộ và trong lực lượng vũ trang 3 chi bộ), với tổng số 164 đảng viên (riêng lực lượng vũ trang có 28 đảng viên).

Địa phương quân huyện có 95 người, không còn tập trung thành trung đội mà phân tán thành tiểu đội, vừa đánh địch vừa lo tự túc lương thực. Có một đội biệt động 24 đồng chí, một tiểu đội trinh sát đặc công, du kích xã có 45 người, du kích ấp có 33 người.

Các đơn vị vũ trang đã bám sát địa bàn vùng ven, đánh địch 34 trận, diệt một cao điểm (đồn đòi Cây Thông) của địch, bắn rơi một máy bay trinh sát L.19, loại khỏi vòng chiến đấu 186 tên (trong đó diệt một đoàn binh địch ở Ông Lang, bắt sống 8 tên, có một tên thiếu úy), thu 15 súng các loại, 2 máy PRC.25 cùng một số đạn dược và đồ dùng quân sự, giữ vững địa bàn và mở rộng quyền làm chủ. Với lý do, vì “mất an ninh” và vì “không còn dân cư”, ngày 8-4-1969, địch bỏ ấp Dương Tơ và ấp Kiến Văn...

Về đấu tranh chính trị, gần 900 lượt quần chúng đấu tranh với địch đòi các quyền lợi về dân sinh dân chủ, nhất là đòi được đi lại làm ăn giữa 2 vùng... Phong trào đấu tranh còn được mở rộng trong các tầng lớp trung gian và nhất là trong binh sĩ và gia đình binh sĩ.

Cuối năm 1969 đầu năm 1970, sau khi thất bại trong kế hoạch “bình định cấp tốc” địch triển khai thực hiện kế hoạch “bình định đặc biệt” nhằm chiếm đóng toàn bộ vùng nông thôn Nam Bộ.

ở Phú Quốc, quân dân huyện đảo vẫn giữ vững căn cứ Khu Tượng - Cửa Dương, bám đất, bám địa bàn ra sức chống địch bình định. Năm 1970, địch tiếp tục thực hiện chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, âm mưu bình định lần chiếm, gom dân, bắt lính và vơ vét kinh tế, đánh phá phong trào quần chúng. Tại thị trấn, chúng có 14 đồn và 7 lô cốt, 4 đại đội bảo an với quân số gần 300 tên, 3 trung đội dân vệ, 17 liên toán phòng

vệ dân sự (425 tên), 1 trung đội thám kích, 1 trung đội pháo binh và 1 đoàn bình định (10 tên)... Dịch tăng cường đánh phá nhằm lần chiếm vùng giải phóng của ta, củng cố lại vùng ven, đóng đồn, gom dân trên tuyến lộ Dương Đông - Hàm Ninh; tập trung đánh vào Dương Tơ tăng cường thêm đồn bót tuyến phòng thủ ngoài cho đặc khu Cây Dừa, thị trấn Dương Đông. Chúng tăng cường đánh phá bằng bộ binh, phối hợp chặt với do thám, gián điệp đánh thọc sâu vào vùng ta và đánh điểm bằng biệt kích.

Chấp hành sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện đội, các lực lượng vũ trang của huyện đảo quyết tâm đánh địch trong từng trận tấn công cũng như chống địch càn quét; khắc phục gian khổ, khó khăn về vật chất để tấn công địch giành nhiều thắng lợi. Chỉ riêng trong năm 1970 đã đánh gần 70 trận (pháo kích 20 trận, tập kích 4 trận, chống càn 28 trận, đánh đồn bót 4 trận...) loại ra khỏi vòng chiến đấu 414 tên (trong đó tiêu diệt 112 tên...), thu 38 súng (có 16 khẩu AR. 15, 4 khẩu M.79, 10 Colt...), trên 5.000 viên đạn, 20 lựu đạn, phá huỷ 2 xe quân sự, san bằng 3 lô cốt...

Về đấu tranh chính trị năm 1970, trên 1.500 quần chúng đã tham gia gần 50 cuộc đấu tranh (riêng quần chúng ở thị trấn chiếm hơn một nửa các cuộc đấu tranh) trong đó có 12 cuộc quần chúng kéo lên quận, 15 cuộc ở xã, hàng chục cuộc quần chúng đấu tranh với bọn chỉ huy và lính đồn, trạm gác. Kết quả là địch phải thả 18 quần chúng bị địch bắt, 16 thanh niên khỏi bị bắt lính, 175 nhà được tự do đào hầm trú ẩn, 48 gia đình được tự do đi lại làm ăn giữa hai vùng... Ta huy động tốt sức người, sức của của quần chúng, chủ yếu là của nhân dân trong vùng giải phóng...

Bây giờ, địch đưa tù binh đến trại giam Cây Dừa ngày càng nhiều. Tù nhân được đưa đến đây hầu hết là các cán bộ, chiến sĩ thuộc các lực lượng vũ trang cách mạng, vì thế trong trại giam luôn có các cuộc đấu tranh, nhiều lúc phát triển với khí thế rất sôi nổi, nhưng có lúc quá tả khuynh nên bị địch đàn áp dã man.

Đội phẫu thuật
quân y trong vùng
căn cứ ở trên đảo

Ảnh: TL



Huyện ủy Phú Quốc cũng rất quan tâm đến trại giam Cây Dừa nên đã chỉ đạo cho các cơ quan, đơn vị có liên quan, tìm cách báo cho anh em tù binh biết ở Phú Quốc cũng có lực lượng cách mạng hoạt động. Như đầu năm 1969, cho treo cờ Mặt trận trên đỉnh núi gần Bãi Khem. Tù binh ở nhiều phân khu giam nhìn thấy rất xúc động vì cảm thấy cách mạng vẫn ở bên mình; các đồng chí ở bên ngoài đang quan tâm đến mình, làm cho anh em củng cố thêm niềm tin cách mạng và càng quyết tâm tìm cách vượt ngục. Nhiều cuộc đào thoát khi đi lao động bên ngoài trại giam, nhiều cuộc vượt rào, đào hầm... đã thường xuyên diễn ra làm cho địch phải tăng cường đối phó...

Vào mùa khô năm 1972, bọn chỉ huy vùng IV chiến thuật của địch chủ trương phá các kế hoạch chuẩn bị cho chiến dịch mùa khô của ta. Chúng tích cực ngăn chặn biên giới và hành lang vận chuyển, đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện các mục tiêu bình định đã đề ra. ở Phú Quốc, địch tiếp tục tăng cường các cuộc hành quân càn quét, ra sức phong tỏa tuyến biên giới giữa đảo với đất liền, kể cả vùng biển Việt Nam và Campuchia.

Giữa năm 1972, lực lượng vũ trang địa phương của đảo đã phát triển khá mạnh với đại đội địa phương quân, phân đội phòng không, phân đội pháo 82mm, trung đội đặc công 135 chiến sĩ, trong đó đại đội của huyện có trên 50 chiến sĩ. Du kích áp, dân quân tự vệ khoảng 200 chiến sĩ. Trang bị vũ khí đáp ứng được cho chiến đấu. Công trường của huyện cũng tích cực sưu tầm bom đạn, pháo lép của địch, cải biến thành các loại vũ khí như phi lôi, lựu đạn gài, mìn định hướng, thủ pháo... cung cấp thêm cho các đơn vị vũ trang trong huyện.

Như vậy, giai đoạn 1968-1972 là một giai đoạn lịch sử có ý nghĩa lớn, quan trọng trong lịch sử của Đảng bộ và quân dân Phú Quốc. Không chỉ dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, mà phong trào kháng chiến của Đảng bộ, quân dân Phú Quốc còn được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy. Một số đồng chí Tỉnh ủy viên được phân công đã vượt bao hiểm nguy ra với huyện đảo cùng Huyện ủy trực tiếp chỉ đạo, khơi dậy phong trào.



*Biểu diễn văn nghệ
trong vùng
giải phóng vào
địp tết Nguyên đán*

Ảnh: TL

Từ trong ngục tù của địch ở trại giam Cây Dừa cho đến vùng căn cứ giải phóng hoặc trong vùng địch kiểm soát, Đảng bộ, quân, dân Phú Quốc đã tỏ rõ truyền thống bất khuất, kiên cường vượt qua khó khăn thiếu thốn, cả về lương thực, vũ khí... chống địch đàn áp, bắt bớ, khủng bố, đánh địch hành quân càn quét với lực lượng lớn, đánh địch đóng quân dã ngoại, đánh đồn bót, đánh cả vào sào huyệt của chúng... giành những thắng lợi lớn; góp phần chiến công của huyện đảo vào thắng lợi chung của tỉnh và toàn miền Nam trong giai đoạn lịch sử đầy khó khăn, thử thách này.

Ngày 27-01-1973, Hiệp định Paris được ký kết về chấm dứt cuộc chiến tranh tại Việt Nam. Đây là một thắng lợi quan trọng của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Việc ký Hiệp định Paris đã tạo ra một thế đi lên vững chắc để nhân dân ta có thể giành thắng lợi hoàn toàn.

Nhưng ở Phú Quốc, thế giằng co giữa ta và địch vẫn diễn ra quyết liệt. Ngày 27-01-1973, lực lượng du kích xã Cửa Dương áp Gành Gió, Ông Lang, biệt động và địa phương quân huyện cùng một số ngành dồn sức ra phía trước, chiếm lĩnh địa bàn Gành Gió và Ông Lang. Địch ra sức phản kích, sử dụng cả hải, lục, không quân để tái chiếm. Ngày 28-01-1973, du kích xã Dương Tơ đánh địch đi càn ở Cửa Lấp, diệt 2 tên. Đồng thời gài chất nổ diệt 14 tên và làm bị thương 6 tên khác. Từ ngày 10 đến ngày 17-02-1973, địch mở đợt 2 chiến dịch càn cò để giành dân, chiếm đất bị quân dân ta đánh trả quyết liệt. Ngày 22-02-1973, địch càn vào tháo cò của ta ở Xóm Ba (Cửa Cạn) bị ta gài lựu đạn, nổ làm bị thương 3 tên. Địch luống cuống tự làm nổ lựu đạn chết 1 tên và bị thương thêm 3 tên khác. Những thắng lợi giành được trong đầu năm 1973 đã cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân và dân trên đảo.

Tuy vậy thời gian đó, nhằm mục tiêu đánh phá ta một cách toàn diện, địch tăng cường phân vùng, chia tuyến, ngăn cấm sự giao lưu, làm ăn của quần chúng từ thị trấn đến Khu Tượng. ở xã Dương Tơ, địch cấm liên 3 tháng không cho đồng bào đi làm vườn. ở xã Cửa Dương, chúng cấm từng đợt 5 ngày, 15 ngày; đặc biệt tháng 11 và 12 năm 1973, chúng cấm gần suốt mùa tiêu; nhân đó chúng lợi dụng làm tiền đối với số dân làm vườn tiêu nếu họ muốn lên vườn...

Năm 1974 khi nhận rõ ý định, mưu đồ chiếm cứ bắc đảo của địch, Huyện ủy Phú Quốc đã họp và nêu quyết tâm bằng mọi cách “cương quyết phá tan âm mưu địch chiếm cứ bắc đảo”. Huyện ủy đã phân công các đồng chí Thường vụ Huyện ủy như Trương Võ Sĩ, Du Quang Trứ... trực tiếp xuống các đơn vị vũ trang, giao liên và các xã Hàm Ninh, Cửa Dương chỉ đạo việc tổ chức phối hợp 3 mũi giáp công làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của địch.

Lực lượng vũ trang của huyện đã cùng với dân quân du kích các xã gài nhiều chông mìn, cấm nhiều “bằng tử địa” hạn chế địch vượt qua. Công xưởng của huyện đã sản xuất gần 1.000 lựu đạn, thủ pháo và mìn cung cấp cho một số đơn vị cũng như 3 xã Cửa Dương, Hàm Ninh và Dương Tơ để xây dựng các bãi lửa. Đồng thời hàng ngàn tờ truyền đơn được cơ sở ta đưa vào thị trấn Dương Đông và một số đồn bót để răn



*Quân và dân trong vùng
giải phóng trên đảo tổ chức
Lễ kỷ niệm lần thứ 20
hiệp định Giơ-ne-vơ(1974)*

Ảnh: TL

đe dọa: “Đi lên vùng bắc đảo là dẫn thân vào tử địa”. Các cơ sở ta ở vùng địch chiếm đóng còn tuyên truyền, rỉ tai đến tận gia đình binh sĩ ngụy về những cái chết oan uổng, vô ích... đánh vào tâm lý ham sống sợ chết để họ tìm cách tránh né, đấu tranh chống lại khi chồng con hay bản thân họ bị đưa đi vùng Bắc đảo... Bấy giờ, vùng giải phóng của huyện bao gồm một số ấp như Khu Tượng, Bến Tràm, ấp Mới (xã Cửa Dương) và Bãi Bồn (xã Hàm Ninh) với 776 dân; vùng tranh chấp với địch mà thế của ta còn yếu là ấp Ông Lang (454 dân) xã Cửa Dương...

Đầu năm 1974, Mỹ ngụy thực hiện một tội ác dã man là dùng thuốc độc để ám hại cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta trong vùng giải phóng. Chúng cho bọn chân tay bỏ thuốc độc vào thức ăn, nước uống, đánh thuốc độc vào sổ cán bộ lãnh đạo để làm tê liệt cơ quan đầu não; vào lực lượng vũ trang làm giảm sức chiến đấu của ta; đánh vào quần chúng, gây nhiễm độc nhiều người, làm hoang mang, rối loạn cuộc sống, sinh hoạt, đe dọa tính mạng buộc phải bỏ vùng giải phóng chạy ra vùng chúng kiểm soát. Thực hiện âm mưu này, địch hy vọng rằng sau khi bộ máy lãnh đạo của ta bị tê liệt, lực lượng vũ trang bị suy yếu, quần chúng hoang mang chúng sẽ dùng lực lượng quân sự tấn công, chiếm toàn bộ vùng giải phóng trên đảo một cách dễ dàng.

Để thực hiện ý đồ đó, địch đã dùng tiền mua chuộc cũng như cưỡng ép, lợi dụng một số tên tay sai còn ở trong vùng giải phóng. Bọn này thuộc 2 hệ thống chỉ huy điệp báo của “ban hai” và Thiên nga của ủy ban Phụng Hoàng.

Hơn 1.000 người đã bị ngộ độc, trong đó gần 1/3 là cán bộ, chiến sĩ ta.

Sau bước đầu lúng túng, ta đã tìm ra thủ phạm và lấy được thuốc độc (chất Asen - dẫn xuất chất thạch tín). Huyện ủy đã khẩn trương chỉ đạo cho các ngành và cơ quan chức năng triển khai ngay một số công việc như: Truy bắt hết thủ phạm, ngăn chặn hành động tội ác của chúng; Phát động quần chúng đề cao cảnh giác, rải truyền đơn tố cáo, lên án, gây thôi động trong hàng ngũ địch; Bộ phận Quân y tiếp tục cứu chữa và nghiên

cứu cách chữa trị có kết quả tốt nhất, ổn định tinh thần quần chúng. Tổ chức khám bệnh rộng rãi và điều trị cho quần chúng; hướng dẫn phòng chống độc và điều trị, giải độc bằng thuốc Nam; Giải thích cho quần chúng rõ âm mưu, thủ đoạn của địch và khẳng định là ta có thể điều trị khỏi hoàn toàn...

Chỉ hơn một tháng sau, với sự nỗ lực của địa phương, có sự giúp đỡ của y sĩ, bác sĩ do Ban dân y tỉnh Long Châu Hà cử ra, ta đã giải độc được cho những người bị ngộ độc; đồng thời bắt được hầu hết bọn tội phạm, lột trần âm mưu thâm độc, dã man của địch; làm thất bại mưu đồ đen tối và cực kỳ độc ác của địch đối với phong trào kháng chiến của quần dân huyện đảo.

Đầu năm 1975, hòa cùng khí thế tổng tấn công của toàn miền Nam, quân dân Phú Quốc dồn sức ra phía trước tấn công địch quyết liệt, nhất là tập trung bao vây, diệt đồn... với tinh thần “ở đâu giải phóng đó”. Chỉ trong vòng trung tuần tháng 1 năm 1975, quân dân trên đảo đã loại khỏi vòng chiến đấu 110 tên địch, làm rã ngũ 23 tên khác, diệt 1 đồn bảo an, bức rút 5 đồn khác, bắn sập 1 lô cốt và 2 tua gác, bắn hư hỏng 1 tàu khu trục, thu nhiều súng ống, đạn dược và nhiều quân trang, quân dụng. Thừa thắng xông lên, trong tháng 2 năm 1975, quân dân trên đảo đã liên tục vây ép, tấn công đồn Cửa Cạn và Hàm Ninh, pháo kích vào hậu cứ tiểu đoàn bảo an 506 của địch. Đặc biệt đêm 10-02-1975, Đội Đặc công của huyện thọc sâu, đánh hiểm tập kích diệt trung đội cảnh sát dã chiến đóng ở Gành Đá Bà Huyện (Công ty Du lịch của huyện bây giờ). Riêng tại đồn Cửa Cạn, trước sức vây ép của ta, bọn trong đồn yêu cầu bọn bên trên cho rút chạy nhưng không được chấp nhận, lệnh phải giữ đồn và hứa sẽ tiếp viện, giải vây. Ta liên tiếp bẻ gãy các mũi phản kích của địch từ Dương Đông đưa lên giải tỏa đồn Cửa Cạn. Qua 12 ngày đêm bị vây chặt, địch chết trong đồn không có chỗ chôn, ngày càng nao núng. Sau đó, do một mũi chặn địch của ta có sơ hở nên địch đưa quân thọc vào. Ta tạm thời rút ra, sau đó quay lại tiếp tục tấn công, bao vây địch... Địch ở Phú Quốc bấy giờ rất hoang mang và càng bị tác động mạnh trước những tin tức về thất bại nhanh chóng ngày càng lớn của nguy quân, nguy quyền trong đất liền.

*Trận đánh đồn ông
Lang (Cửa Dương)
6-1-1975*

Ảnh: TL





*Địch tháo chạy,
nhân dân tháo gỡ
san bằng
đồn bốt địch*

Ảnh: TL

Cuối tháng 3 năm 1975, Đảng bộ, quân dân Phú Quốc khẩn trương chuẩn bị, dồn sức cho cao điểm tháng 4 năm 1975, thực hiện chủ trương của Huyện ủy: “Học tập, phát động từ trong Đảng, Đoàn, các đoàn thể quần chúng và quần chúng nhằm nhận rõ ý nghĩa và nhiệm vụ của mình, vượt hết sức mình đồng loạt nổi dậy”. Quân dân trên đảo đã thực hiện chủ trương này với ý chí tự lực tự cường, quyết tâm cao bất chấp điều kiện về vật chất còn rất hạn chế.

Lực lượng du kích các xã vừa nhanh chóng củng cố, bồi dưỡng nâng cao sức chiến đấu vừa luân phiên nhau bám trụ địa bàn, bắn tỉa, bắn sẻ không cho địch nóng ra... Lúc này lực lượng vũ trang cách mạng trên đảo vững vàng hơn lúc nào hết để tấn công vào thị trấn Dương Đông.

Ngày 31-03-1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng hạ quyết tâm: “giành thắng lợi ngay trong tháng 4 năm 1975”.

Trong tình hình “nước sôi, lửa bỏng”, “1 ngày bằng 20 năm”, Trung ương Đảng cũng rất quan tâm, lo lắng cho Phú Quốc. Chiều 28-04-1975, Quân ủy Trung ương có gửi một bức điện cho Khu ủy và Quân khu ủy Khu Tây Nam Bộ đề cập đến vấn đề giải phóng Phú Quốc: “Nếu anh em chưa đủ sức thì Khu ủy và Quân khu cần có kế hoạch để đánh chiếm Phú Quốc sau khi ta đã giải phóng được một số tỉnh quan trọng ở trong đất liền...”.

Trong vùng căn cứ, do không có phương tiện và thời gian để triệu tập đầy đủ Ban Chấp hành, một số đồng chí Huyện ủy viên dưới sự chủ trì của đồng chí Phạm Văn Minh (Hai Phi), Bí thư Huyện ủy, đã họp khẩn cấp, xác định quyết tâm tập trung toàn lực của Đảng bộ quyết đánh đổ ngụy quyền, giải phóng huyện đảo bằng chính sức mình, bằng lực lượng tại chỗ, không chần chừ, do dự... Đơn vị địa phương quân huyện lúc này được phân làm 3 cánh quân, cấp tốc hành quân theo 3 hướng, đổ về thị trấn Dương Đông.

Chỉ vài tiếng đồng hồ, các đơn vị của ta đã đến các mục tiêu quy định, chiếm lĩnh các cơ quan quan trọng của địch như: Đồn cảnh sát, Hội đồng xã Dương Đông, ủy ban

hành chính quận, đài truyền thanh... Hàng ngàn đồng bào đứng dọc hai bên đường hoan hô chào đón các chiến sĩ cách mạng tiến vào thị trấn.

Đến 17 giờ ngày 30-04-1975, ta làm chủ hoàn toàn thị trấn Dương Đông, nơi đóng cơ quan đầu não của ngụy quyền Phú Quốc. Ngay trong đêm, với tinh thần cách mạng tiến công, ta đưa ngay một đơn vị vũ trang cùng một số cán bộ đi tiếp quản Hàm Ninh. Cũng trong đêm ta vận động nhân dân trong thị trấn huy động cả trăm máy may để may cờ, may được lá nào đem đi treo lá đó. Sáng ra, đường phố trong thị trấn Dương Đông rực rỡ màu cờ cách mạng.

Rạng sáng ngày 1-5-1975, huyện đưa quân xuống tiếp quản căn cứ hải quân vùng IV của địch ở Cây Dừa.

Phú Quốc được hoàn toàn giải phóng. Toàn bộ ngụy quân ngụy quyền trên đảo phải buông vũ khí, với gần 4.300 tên có cấp bậc từ đại tá trở xuống của 2 tiểu đoàn bảo an, đoàn 42 hải quân vùng IV chiến thuật, 1 đại đội công binh, 2 đại đội cảnh sát dã chiến, 9 trung đội nghĩa quân... cùng hàng trăm tấn vũ khí đạn dược, hàng ngàn tấn quân trang, quân dụng, gạo, xăng dầu... và nhiều loại phương tiện chiến tranh khác.

Như vậy là cả đảo, dù tách rời với đất liền, cũng đã tự mình tấn công và nổi dậy tự giải phóng cho mình rất sớm, ngay chiều ngày 30-04-1975, kịp thời hòa nhịp cùng toàn miền Nam, góp phần xứng đáng vào công cuộc giải phóng hoàn toàn miền Nam; hoàn thành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước một cách vẻ vang.

Trải qua hai cuộc kháng chiến, Phú Quốc có 342 gia đình liệt sĩ với 656 liệt sĩ, 176 thương binh. Quân dân Phú Quốc đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 10.000 tên địch, đánh tiêu diệt 5 trung đội và 2 đoàn binh định, đánh thiệt hại 1 tiểu đoàn, diệt và bức rút trên 30 lượt đồn bốt, bắn rơi 5 máy bay, bắn cháy 4 tàu, phá hủy 6 xe quân sự, thu trên 200 súng các loại... Đặc biệt quân và dân Phú Quốc đã hai lần gần như tay không lấy đồn giặc, hai lần diệt đầu sỏ địch tại sào huyệt của chúng, nhiều tên khác ở cấp trung ương của địch cũng nhiều phen chết hụt tại đất đảo này...

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, với những thành tích xuất sắc, Phú Quốc đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân cho 4 địa phương và đơn vị:

NHỮNG DANH HIỆU CAO QUÝ ĐƯỢC ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TRAO TẶNG

DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

- Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Quốc (6-11-1978).
- Dân quân du kích xã Dương Tơ (6-11-1978).
- Đội Trinh sát vũ trang Công an huyện (13-08-1980).

- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Cửa Dương (20-12-1994).

Huân chương, Huy chương:

- 02 Huân chương Thành đồng Tổ quốc.
- 04 Huân chương Chiến công Giải phóng.
- Hàng ngàn Huân chương, Huy chương các loại cho tập thể, đơn vị, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong huyện.

Đã có 9 người mẹ được tuyên dương danh hiệu **Bà mẹ Việt Nam Anh hùng**, đó là các bà mẹ: Lê Thị Ba; Trần Thị Bông; Lê Thị Đính; Trần Thị Huệ; Huỳnh Thị Mới; Lê Thị Nen; Lê Thị Nuôi; Lê Thị Ó; Phạm Thị Suối.

(Theo “Phú Quốc - những chặng đường cách mạng vẻ vang”)

NGƯỜI ANH HÙNG NGUYỄN TRUNG TRỰC TRÊN ĐẤT ĐẢO PHÚ QUỐC

**“BAO GIỜ NGƯỜI TÂY NHỎ HẾT CỎ NƯỚC NAM,
MỚI HẾT NGƯỜI NAM ĐÁNH TÂY”**

Nói tới truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Kiên Giang nói chung, nhân dân Phú Quốc nói riêng, không thể không nhớ tới người anh hùng Nguyễn Trung Trực với hào khí bất khuất của ông và nghĩa quân trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược những năm cuối thế kỷ XIX.

Ngay sau khi Nam Kỳ bị thực dân Pháp xâm chiếm, nhân dân ta đã anh dũng đứng lên chống lại sự đô hộ của bọn thực dân. Tiêu biểu là các cuộc nổi dậy do các trí thức, quan lại hay võ biên khởi xướng, đã chứng tỏ nhân dân ta không cam tâm làm nô lệ cho quân xâm lược. Điển hình nhất trong các phong trào yêu nước ở Nam Kỳ trong giai đoạn này là cuộc khởi nghĩa của Trương Công Định và sau đó là của Nguyễn Trung Trực.

Từ năm 1861, Nguyễn Trung Trực đã tập hợp nghĩa quân để kháng Pháp. Lúc đầu là ở Vũng Gù (tức tỉnh lỵ Tân An sau này). Sau đó, ông và nghĩa quân chuyển địa bàn hoạt động tới Hà Tiên, rồi về Rạch Giá. Sau chiến công vang dội đốt tàu *Espérance* của Pháp ở Nhật Tảo và nhiều chiến công khác ở Long An, Nguyễn Trung Trực được triều đình phong chức Quản Cơ và giao nhiệm vụ Thành thủ úy của tỉnh Hà Tiên. Sau đó thực dân Pháp



Đền thờ Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực



*Cửa Cạn - xưa kia từng
là căn cứ của nghĩa
quân Nguyễn Trung Trực*

Ảnh: TL

chiếm đóng 3 tỉnh miền Tây. Do không cam tâm làm việc dưới sự thống trị của thực dân Pháp nên ông đã trở về Hòn Chông chuẩn bị kháng chiến chống Pháp. Cũng từ đó, tiếng tăm của Nguyễn Trung Trực ngày càng sâu rộng trong nhân dân và số người đi theo nghĩa quân ngày càng nhiều. ở đâu, ông và nghĩa quân cũng được nhân dân giúp đỡ, hỗ trợ...

Rạng sáng ngày 16/6/1868, Nguyễn Trung Trực bất ngờ cho quân tấn công đồn Kiên Giang, giết chết bọn giặc trong đồn và giữ đồn trong suốt 4 ngày. Nhưng do lực lượng quá chênh lệch nên chiều 21 tháng 6 năm 1868, giặc Pháp đã tái chiếm lại đồn. Nghĩa quân phải rút và phân tán - Một bộ phận rút về Hòn Chông, sau đó ra đảo Phú Quốc vào tháng 8/1968. Tại Phú Quốc, tuy số quân còn rất ít (chỉ khoảng 300 người), nhưng ông Nguyễn Trung Trực vẫn tiếp tục củng cố lực lượng và kiên quyết chiến đấu chống bọn thực dân Pháp.

Hiều rõ những tác động sâu rộng của nghĩa quân Nguyễn Trung Trực, thực dân Pháp quyết truy nã đến cùng. Chúng cho Thông báo hạm Groeland do viên quan tư Bouchet Riviere chỉ huy đến Phú Quốc dò xét và ngày 19 tháng 9 năm 1868 hấn quay lại Hà Tiên đón tên đội Huỳnh Công Tấn cùng hàng trăm lính với trang bị đầy đủ vũ khí và đã được huấn luyện kỹ càng, ra bao vây, tấn công nghĩa quân ở Phú Quốc. ở đây, lực lượng nghĩa quân tuy ít, vũ khí hết sức thô sơ, nhưng Nguyễn Trung Trực đã chỉ huy chiến đấu đến cùng. Ông đã dùng chiến thuật “làm ít hóa nhiều” bằng cách cho nghĩa quân đi vòng vào rừng rồi lại đi ra bờ biển và cứ như vậy, khiến địch tưởng nghĩa quân rất đông. Lúc đầu do lo ngại không đánh được số lượng nghĩa quân đông như vậy nên quân Pháp không dám đổ bộ lên đảo. Chúng cho bắn đạn vào bờ. Trên bờ, nghĩa quân cũng bắn trả lại... Về sau địch đã tấn công đổ bộ lên Hàm Ninh. Cuộc chiến đấu kéo dài. Càng về sau lực lượng nghĩa quân càng trở nên mỏng manh hơn do vũ khí ít và thương vong tăng lên. Khi quân giặc đổ bộ lên đảo, đã diễn ra hai trận đánh vô cùng ác liệt trên đảo giữa nghĩa quân Nguyễn Trung Trực với giặc Pháp. Sau cùng vì thế đã yếu, bọn thực

dân lại hèn hạ tàn sát nhân dân trên đảo nên buộc nghĩa quân phải hạ vũ khí. Nguyễn Trung Trực, vì muốn cứu dân chúng khỏi nhanh vuốt của giặc và cứu mẹ của mình đang nằm trong tay giặc nên đã chịu để giặc bắt.

Tuy vậy, khí tiết của ông, lòng căm thù giặc của ông thì vẫn không một chút đổi thay, thậm chí còn được thể hiện rõ nét hơn. Hết dụ dỗ, lại tra tấn... giặc không thể khuất phục được Nguyễn Trung Trực. Ngày 22 tháng 10 năm 1868, giặc Pháp đã giết hại ông tại Rạch Giá. Trước khi hy sinh, Nguyễn Trung Trực còn khẳng khái với câu nói bất hủ: “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam mới hết người Nam đánh Tây”.

Khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực tuy bị thất bại, nhưng ảnh hưởng của nó thì rất lớn, có tác dụng động viên nhân dân đứng lên chống lại kẻ thù xâm lược. Ý chí bất khuất của người anh hùng Nguyễn Trung Trực còn sống mãi trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm hào hùng của dân tộc ta nói chung và của nhân dân Kiên Giang – Phú Quốc nói riêng.

Phú Quốc - nơi biển đảo xa xôi, nơi đầu sóng ngọn gió, từ 140 năm về trước đã chứng kiến cuộc chiến đấu không cân sức mà vô cùng ngoan cường, dũng cảm của đội quân nhỏ bé do Nguyễn Trung Trực chỉ huy: ý chí ấy nằm trong truyền thống quật cường của nhân dân Kiên Giang - Phú Quốc; Là niềm tự hào, là dấu ấn lịch sử vẻ vang của Phú Quốc hôm nay và mãi về sau.

ANH HÙNG NGUYỄN TRUNG TRỰC TRONG LÒNG NGƯỜI DÂN KIÊN GIANG - PHÚ QUỐC

Nhân dân đã dành cho Nguyễn Trung Trực nhiều huyền thoại, còn các thi nhân thì dựng cho ông những đài kỷ niệm thật xứng đáng. Nhưng có lẽ xúc động mãnh liệt nhất trước người anh hùng là hai nhà thơ yêu nước ở Nam Bộ: Huỳnh Mẫn Đạt và Trương Gia Mô. Trương Gia Mô đã thật sự khâm phục người anh hùng qua bài thơ trường thiên tứ tự:

*Sợ thay người dân chài ấy
Hùng thay bậc quốc sĩ này
Đốt thuyền trên vàm Nhựt Tảo
San bằng đồn lũy Kiên Giang
Căm thù giết quân xâm lược
Liều mình vì nước cũng cam
Ngàn năm khói hương nghi ngút
Ngời ngời lòng nghĩa trung cang.*

Trương Gia Mô đã gọi người anh hùng là “ngư nhân” (dân chài) và đã dùng từ đẹp nhất là “quốc sĩ” để biểu dương khí phách hào hùng và tinh thần bất tử của Nguyễn Trung Trực. Thông thường khi dùng chữ “Quốc sĩ” là người ta thường nghĩ đến bậc tài trí phi thường nổi danh thiên hạ như Hàn Tín, Trương Lương, Kinh Kha, Phạm Lãi... Mấy ai, hầu như chưa có ai, đem anh dân chài sánh với bậc quốc sĩ. Vậy mà ở đây lại có sự so sánh ấy. Đó chính là nét đặc biệt mà bài thơ dành cho người anh hùng.

Khi gọi Nguyễn Trung Trực là “quốc sĩ”, nhà thơ Trương Gia Mô hẳn đã coi đây là trường hợp ngoại lệ, rất đặc biệt, rất hạn hữu chứ không thấy rằng những quốc sĩ như thế ở đất nước này đâu phải chuyện hiếm.

Còn nhà thơ yêu nước tài hoa Huỳnh Mẫn Đạt lại viết về Nguyễn Trung Trực với hai câu thơ bất hủ:

Hỏa hồng Nhựt Tảo oanh thiên địa

Kiểm bặt Kiên Giang khóc quỷ thần⁽¹⁾.

Hai câu thơ tuyệt mỹ! Người Việt ta dù học ít hay nhiều đều có thể hiểu “thiên địa”, “quỷ khóc thần sầu”, “hỏa hồng” với “kiểm bặt”. Nhất là Nhựt Tảo, Kiên Giang với những địa danh này hầu như nằm trong lòng nhân dân cả nước, không chỉ tồn tại với khái niệm địa lý mà là mãi mãi song hành cùng dân tộc. Ngọn lửa Nhựt Tảo tiếp tục cháy sáng ở Điện Biên Phủ, ở chiến dịch Hồ Chí Minh, ngọn lửa hồng cháy lên từ những bếp lửa thời Hùng Vương, từ miệng lửa ngựa sắt Thánh Gióng, cháy suốt trường kỳ lịch sử đấu tranh của dân tộc, kể cả những lúc tối tăm và bi thương nhất, ngọn lửa truyền thống đó chưa bao giờ nguôi tắt.

(Theo sách “Anh hùng Nguyễn Trung Trực”)



Tượng đài Nguyễn Trung Trực

(1) Có tài liệu dịch là “khấp quỷ thần”, song trong văn cảnh này, hiểu đúng hơn là khóc quỷ thần chứ không phải là khấp. Vì khóc là khóc to, khấp là khóc không có tiếng.

DI TÍCH LỊCH SỬ TRẠI GIAM PHÚ QUỐC

D*i tích lịch sử trại giam Phú Quốc* là một chứng tích điển hình về tội ác của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ trong hai cuộc chiến tranh xâm lược của chúng đối với dân tộc ta. Đó còn là một “chiến trường không ranh giới” mà người chiến sĩ cách mạng không có vũ khí, cũng không một tác sắt, một cây gậy trong tay, hàng ngày hàng giờ phải trực tiếp đối mặt, trực tiếp đương đầu và chiến đấu vô cùng ác liệt với kẻ thù tàn bạo; giữa sự sống và cái chết chỉ là gang tấc. ở nhà tù Phú Quốc, địch đã giam cầm hàng vạn chiến sĩ ta; lúc cao nhất lên tới 4 vạn người, trong đó hơn 4000 đồng chí đã bị địch giết hại và thủ tiêu mà cho đến nay, nhiều hài cốt vẫn chưa tìm được. Nỗi đau và lòng căm thù thật khó nguôi ngoai!

Những chiến tích ở *Di tích lịch sử nhà tù Phú Quốc* cho dù mới chỉ thể hiện được một phần rất nhỏ hiện thực đã từng diễn ra ở đây suốt gần 2 chục năm trời kẻ thù gieo rắc, nhưng cũng đã khiến lòng ta xúc động vô cùng. “Chúng là một lũ “mặt người dạ thú”. “Sao chúng nó độc ác quá”... Với kẻ thù, ai cũng cùng một lời thốt lên như vậy! Còn điều này nữa đặc biệt hơn: Không ai là không cảm nhận được những nỗi đau đớn tột cùng cả về thể xác và tinh thần của các chiến sĩ ta trong những năm tháng bị địch giam cầm, hành hạ, tra tấn. Và cũng không ai là không khâm phục ý chí kiên cường, bất khuất, sự hy sinh chịu đựng lớn lao của các chiến sĩ cách mạng trong nhà tù. Họ chiến đấu vì nhân dân, vì độc lập tự do của dân tộc. Họ bị địch bắt và giam cầm nơi “địa ngục” cũng từ cuộc chiến đấu quyết liệt ấy. Lý tưởng cao đẹp – Vì Tổ quốc, vì nhân dân - đã giúp họ đương đầu và vượt qua mọi thử thách cam go, vượt qua những ngón đòn tàn bạo nhất của kẻ thù. Quả thật, nếu không có một ý chí ngoan cường, một quyết tâm sắt đá với một lý tưởng chiến đấu và niềm tin tuyệt đối vào thắng lợi thì không thể chịu đựng nổi cái khốc liệt ấy trong nhà tù Phú Quốc.

Thật kỳ diệu thay, bất chấp sự độc ác đến ghê tởm của giặc, các chiến sĩ cách mạng trong tù đã biến nhà tù đế quốc thành trường học cộng sản và chính trường học ấy đã

đào tạo cho đất nước, cho dân tộc bao người con ưu tú. Sau khi ra tù các đồng chí ấy đã có những cống hiến rất xứng đáng vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, góp phần vào chiến công chung.

Nói đến *Di tích lịch sử nhà tù Phú Quốc* cũng là nói tới một vùng đen đậm màu tang tóc mà thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã dựng nên trong thời kỳ chúng còn xâm chiếm nước ta. Ngay từ giữa năm 1953, lợi dụng một số nhà cửa có sẵn của trại tân binh quân Quốc dân Đảng Trung Hoa sau khi chúng rút đi, thực dân Pháp đã đầu tư xây dựng, củng cố và lập một trại giam tù binh trên một diện tích rộng gần 40hecta gồm 4 khu A-B-C-D, gọi là “Căng cây Dừa”. Tại đây, địch giam giữ những người yêu nước bị chúng bắt với tổng số khoảng 14.000 người. Hàng trăm người đã bị giặc giết hại chỉ trong hơn một năm đầu này.

Sau đó, từ cuối năm 1955, nằm trong mưu đồ xâm lược của đế quốc Mỹ, Nguyễn quyền Sài Gòn lại “nâng cấp” Căng Cây Dừa cũ thành một trại giam lớn hơn; Chúng đặt tên lúc đầu là “Trại huấn chính Cây Dừa”. Không lâu sau, tháng 1/1956, chúng đã đưa 598 người tù từ trong đất liền ra giam ở đây... Cho tới năm 1956, Mỹ - Nguyễn lại mở rộng trại giam ở Phú Quốc với việc xây dựng một trại giam ở thung lũng An Thới cách “Trại huấn chính Cây Dừa” cũ 2km, có diện tích rộng tới hơn 400 ha; bao gồm 12 khu, mỗi khu lại có 4 phân khu A-B-C-D với trên 400 nhà giam. Lúc này, tên gọi của nhà tù là “Trại giam tù binh cộng sản Việt Nam - Phú Quốc”. Từ năm 1967 - 1972, Mỹ - Nguyễn đã đưa ra Phú Quốc tổng cộng khoảng 40.000 người, phần lớn số đó là cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân ta; có một số ít là cán bộ dân - chính đảng và một số khác là dân thường bị địch bắt vì cho là dính líu đến hoạt động yêu nước...



Di tích lịch sử nhà tù Phú Quốc, hơn ở đâu hết, là nơi tố cáo những tội ác man rợ của bọn thực dân, đế quốc đối với con người: Chúng hành hạ, tra tấn tù binh bằng mọi cực hình từ kiểu “trung cổ” đến “hiện đại”. Công khai bắn giết tù binh, có lúc hàng trăm người bị chúng giết hại trong một vụ (như vụ đàn áp phân khu B8 ngày 6/5/1972). Người ta đã sơ bộ thống kê được hơn hai mươi hình thức tra tấn, hành hạ, đàn áp người tù, kể cả những hình thức ghê tởm thời trung cổ như: Ném người vào chảo nước sôi, nướng người, đóng đinh vào người, đục xương bánh chè, chôn sống... Âm mưu thâm độc của giặc không chỉ là giết hại người tù mà còn bằng mọi cách tiêu diệt cả ý chí lẫn tinh thần cách mạng của người tù. Chính vì thế mà chúng đã hành hạ, tra tấn người tù; tính chất dã man, tàn bạo của chúng không giấy mực nào tả hết.

Nhưng, chính trong sự ác liệt và một chế độ nhà tù tàn bạo bậc nhất ấy, các chiến sĩ cách mạng của chúng ta, những đảng viên trung kiên đã cùng nhau tìm mọi cách tập hợp lực lượng thành hạt nhân lãnh đạo và cổ vũ phong trào đấu tranh trong tù. Những cuộc đấu tranh gay go quyết liệt nhất như chống địch khủng bố, đàn áp đánh đập, tra tấn, giết hại tù binh; chống chiêu hồi, chống lập trại “Tân sinh hoạt”... liên tục xảy ra. Anh em còn dày công tổ chức các cuộc vượt ngục mà nổi tiếng là cuộc đào hầm 6 tháng để có một đêm vượt ngục của 42 người (23/12/1971). Có thể nói vượt ngục là một truyền thống của các tù nhân ở nhà giam Phú Quốc. Hàng trăm cuộc vượt trại đã được tổ chức. Thành công cũng nhiều mà tổn thất cũng có. Chỉ tính trong gần 5 năm kể từ ngày có trại giam tù binh Phú Quốc (6/1967 – 4/1972) đã có 31 cuộc tù binh tổ chức vượt ngục với tổng số trên 300 người. Trong đó, đã có 221 người về tới căn cứ cách mạng, số còn lại người thì bị bắt lại, người thì bị địch bắn chết, người thì chết trên đường đi...(Không kể thời kỳ thực dân Pháp chiếm đóng). Hầu hết anh em trở về được căn cứ đều tiếp tục tham gia nhiệm vụ chiến đấu và các công việc cách mạng khác trên đảo và trong đất liền, tiếp tục phát huy phẩm chất anh hùng của người chiến sĩ cách mạng đã được tôi luyện trong nhà tù của giặc.

Trại giam tù binh Phú Quốc là trại giam lớn nhất của Mỹ – Ngụy ở miền Nam. Xét về ý nghĩa đấu tranh và truyền thống yêu nước, trại giam có một tầm vóc lịch sử rất đáng trân trọng. Chính vì vậy, việc giữ gìn và xây dựng tại nơi đây một khu *Di tích lịch sử nhà tù Phú Quốc* là điều cần thiết nhằm làm cho các thế hệ sau hiểu rõ cuộc đấu tranh đầy hy sinh gian khổ vô cùng bất khuất, ngoan cường chống lại kẻ thù tàn bạo của các chiến sĩ cách mạng trong trại giam Phú Quốc; tô đậm thêm truyền thống của người chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam. Đó là cuộc đấu tranh quyết liệt, là một bộ phận gắn liền với lịch sử đấu tranh vẻ vang của quân đội ta, là một bộ phận không thể tách rời cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Những tài liệu, những hiện vật, những dụng cụ tra tấn, những diễn giải trong khu di tích quả thật chưa thể đầy đủ so với yêu cầu và thực tế đã xảy ra ở nhà tù trước đây. Song, chỉ mới thế thôi, cảm nhận về mức độ tàn bạo, dã man của địch và bản lĩnh ngoan cường, dũng cảm, kiên trung của các chiến sĩ cách mạng đã dâng đầy trong lòng mỗi

người khi có dịp tới đây. *Di tích nhà tù Phú Quốc* đã và sẽ là bản anh hùng ca về lòng yêu nước nồng nàn, về phẩm chất anh hùng, bất khuất của các thế hệ người tù ở đây “Dù hy sinh chứ không chịu đầu hàng” để thực hiện khát vọng chân lý “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Mặt khác, bề dày văn hóa, giá trị lịch sử từ Di tích trại giam Phú Quốc không phải đo bằng thời gian, năm tháng tồn tại mà chính là bằng xương máu, tính mạng và phẩm chất đạo đức của hàng vạn chiến sĩ cách mạng từng bị giam cầm nơi đây. Đó là một nguồn cảm hứng to lớn, là một di sản chung đáng tự hào, góp phần giáo dục truyền thống yêu quê hương, đất nước, yêu con người, yêu đồng loại cho các thế hệ người Việt Nam chúng ta.

Khu di tích lịch sử trại giam Phú Quốc đã và sẽ bao gồm một hệ thống với nhiều bộ phận như hành chính, tiếp tân, dịch vụ tổng hợp, nhà trưng bày hiện vật và chứng tích, những khu trại giam... Đặc biệt là khu tưởng niệm những người con ưu tú đã hy sinh vì nền độc lập dân tộc. ở đó, đến đó, ta như thể níu kéo thời gian để được trở lại ký ức, được “sờ tay” vào quá khứ đau thương và hào hùng; để cho niềm tin và lòng tự hào, ý thức trách nhiệm thấm vào tâm thức mỗi con người đang sống...

Với Phú Quốc, *Khu di tích nhà tù Phú Quốc* đã và mãi mãi là một điểm nhấn sâu đậm trên hòn đảo trù phú và anh hùng.

XUÂN LONG

TỪ “CĂNG CÂY DỪA” DƯỚI THỜI THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC...

TRẠI GIAM “CĂNG CÂY DỪA” (1953 - 1954)

Trên một diện tích gần 40 héc ta ở Phú Quốc, tháng 7 năm 1953, thực dân Pháp đã lập một trại giam với tên gọi “Căng Cây dừa”, gồm có 4 khu giam theo thứ tự A, B, C, D. Số người bị giam tại đây khoảng 1.400 người, chủ yếu là tù binh.

Mặc dù thời gian tồn tại chưa đầy 2 năm, nhưng “Căng Cây dừa” không hề mất đi tính chất tàn bạo của một nhà tù thực dân, đế quốc hồi giữa thế kỷ XX. Hàng nghìn tù nhân không chỉ bị giam cầm, bị cùm kẹp, ăn đói nhịn khát mà còn bị đánh đập, tra tấn dã man. Do vậy, người tù luôn đấu tranh chống lại chúng, bất chấp hiểm nguy.

...Tháng 7 năm 1953, địch đưa chuyến tàu đầu tiên trên 300 người bị bắt giam ở các nhà tù Nam Bộ vào giam giữ ở trại A, một khu nhà đã có hàng rào dây kẽm gai bao quanh. ở đó có những ngôi nhà gỗ cao rộng, lợp tranh, thiết kế theo kiểu Tàu.

Vào trung tuần tháng 8 năm 1953, địch chuyển chuyến tàu thứ hai, chở trên 700 người vừa là tù chính trị vừa là tù binh ở cảng Đoạn Xá - Hải Phòng ra đảo.

Ngay từ những ngày đầu ấy, tổ chức Đảng đã được thành lập (tổ chức ngay từ trên các chuyến tàu) và lãnh đạo anh em tù đấu tranh với địch. Chi ủy đã cố gắng đưa anh em vào tổ chức để có thể điều hành mọi mặt trong đời sống tù binh; đồng thời lấy đơn vị tính, thành là đơn vị để sắp xếp chỗ ăn ở và ghép thành từng gia đình để có sự đoàn kết, tương thân, tương ái, trợ giúp lẫn nhau; ngoài ra còn tổ chức các tổ chuyên: thợ mộc, nề, may, hớt tóc v.v...

Mặt khác, với tinh thần trách nhiệm của mình, chi ủy chuyến tàu ở cảng Đoạn Xá vào tìm cách chấp mối liên lạc với các đồng chí ở Miền Nam để thống nhất sự chỉ đạo

mọi mặt trong cuộc sống hàng ngày. Tổ chức cho anh em học tập văn hóa, chính trị và võ thuật, rồi tổ chức những cuộc đấu tranh với địch như: đòi địch phải cung cấp đủ tiêu chuẩn gạo và thực phẩm cho tù binh, đình công không đi lao động khổ sai để phản đối địch vô cớ bắn chết tù binh. Đã có lần anh em đấu tranh mạnh địch phải dùng máy bay tiếp tế thực phẩm cho tù binh.

Thời gian đầu việc bố phòng canh gác của địch còn sơ sài, lực lượng binh lính mới có một trung đội lính Maroc. Tư tưởng chỉ đạo của Đảng bộ trại lúc này là ai có điều kiện trốn được thì cứ trốn không chờ đợi tổ chức qui mô. Nhưng rồi càng về sau, địch liên tiếp chuyển hết chuyển tàu này đến chuyển tàu khác, đưa anh em tù binh ra đảo với số lượng quá đông. Tuy vậy, Chi bộ Đảng trong tù vẫn cho tiến hành đào hầm ở gian đầu nhà số 2 ở trại A qua hàng rào dây kẽm gai sang khu nhà trại B sau này. Khi đường hầm đào gần xong, do có sơ suất khi địch vào trại yêu cầu lấy thêm người đi lao động ngoài trại nửa chừng, không quản lý được, kẻ xấu trà trộn vào đi làm rồi báo cho bọn Pháp biết, ngay lúc đó anh em đã kịp thời cho lấp phá hầm, trước khi bọn Pháp vào khám xét. Rồi còn tổ chức nhiều vụ vượt ngục khác, có khi thành công, có vụ không thành công...

Sau những vụ việc này, địch tăng cường đàn áp tù binh.

Vào cuối tháng 9 năm 1953, địch san bớt 1.000 người ở trại A sang trại B cùng với các chuyển tàu chúng chuyển tiếp ở các trại trong đất liền tới, lúc này tuy có sự xáo trộn trong tổ chức cả về nội bộ Đảng và bộ máy chính quyền tự quản tù binh, nhưng anh em tù đã nhanh chóng ổn định tổ chức và tiến hành Đại hội Chi bộ, bầu cấp ủy thống nhất toàn Căng Cây Dừa. Đồng chí Nguyễn Đức Dụ làm Bí thư thay đồng chí Văn Tân. Khi đó đồng chí Văn Tân cùng đồng chí Phan Vinh (trong Chi ủy cũ), đồng chí Hưng và 3 người nữa được phân công cắt hàng rào dây kẽm gai dưới lòng mương, giáp ranh giữa trại A và B trốn ra thắng lợi, có trách nhiệm báo cáo tình hình mọi mặt với Trung ương Cục Miền Nam, Tỉnh ủy Long Châu Hà và Thường vụ huyện ủy Phú Quốc.

Tỉnh ủy Long Châu Hà đã phân công đồng chí Lê Phú Hữu là Thường vụ Tỉnh ủy - Trưởng ty công an ra đảo thành lập ban chỉ huy giải phóng tù chính trị và tù binh Căng Cây Dừa và tổ chức đường dây liên lạc giữa bên ngoài với tổ chức Đảng trong nhà tù. Tuy vậy, công tác chấp nối liên lạc với Đảng bộ nhà tù rất khó khăn, không thể gửi thư ngay ở thị trấn Dương Đông vào nhà tù được và cũng không thể nhận thư của Đảng bộ trong nhà tù gửi ra thị trấn Dương Đông, vì địch sẽ phát hiện được ngay.

Vào khoảng tháng 12 năm 1953 bọn Pháp bàn giao Căng Cây Dừa cho bọn lính ngục cai quản toàn bộ. Lúc đầu bọn ngục còn ve vãn dụ dỗ, nhưng không được, bọn chúng bèn lật đổ chính quyền tự quản của tù binh, chúng đưa tay chân của chúng lên nắm quyền, và bắt hàng trăm cán bộ đảng viên của ta, đưa giam vào trại biệt lập và tra tấn cực kỳ dã man để khai thác cơ sở Đảng trong nhà tù này. Thất vọng không khai thác được gì và bọn tay chân chúng nắm quyền lại không lãnh đạo được tù binh, nên địch đành phải xoa dịu và trả lại chính quyền tự quản của anh em tù binh như trước. Từ đó,

cơ sở ở trong tù lại tiếp tục được củng cố và giữ vững vai trò lãnh đạo toàn bộ cho đến ngày toàn thắng.

Theo thống kê sơ bộ, tổng số anh em tổ chức vượt ra nhiều đợt cho đến ngày có lệnh đình chiến là: 327 anh em, trong số này có nhiều cán bộ chủ chốt của tỉnh, huyện đại đội, tiểu đoàn, trung đội, tiểu đội v.v... Số anh em vượt ra có trên hai tiểu đội nhập vào bộ đội huyện Phú Quốc, một số tham gia vào Ban, Ngành xung quanh huyện, một số làm công tác ở Ban chỉ huy, một ít anh em làm giáo viên cấp I ở các xã, và số đông được đưa về đất liền, rồi tiếp tục vào bộ đội, và làm công tác ở các ngành, Ban giúp bạn Campuchia và về tỉnh, cũng có đồng chí về công tác ở tổ chức Trung ương Cục.

Cách vượt ngục của các chiến sĩ ta cũng rất đa dạng, thể hiện lòng dũng cảm, sự mưu trí và đặc biệt là khát vọng được hoạt động, được tiếp tục chiến đấu chống kẻ thù xâm lược. Có thể kể một số vụ tiêu biểu:

- Vụ tổ chức đánh cướp súng của địch khi đi lao động ở bên ngoài trại giam diễn ra chiều 8/9/1953 - Đã có 54 người thoát ra, nhưng thực tế chỉ thoát được 51 người; thu 8 súng. (Trong số 3 người không thoát được, có 2 người bị hy sinh, 1 người bị địch bắt lại).

- Cuộc vượt rào đêm 17/9/1953, có 20 đồng chí thoát ra, nhưng 01 đồng chí bị hy sinh ngay tại hàng rào.

- Cuộc đánh úp bọn lính, cướp súng (khi đi lao động ở ngoài trại) diễn ra ngày 17/01/1954, đã thoát được 20 người. (Nhưng sau đó 4 người đã hy sinh trên đường tìm về căn cứ)...

Rất nhiều đồng chí sau khi vượt ngục thành công, đã ở lại Phú Quốc, cùng quân và dân trên đảo chiến đấu. Nhiều đồng chí đã nêu gương sáng về lòng dũng cảm, thà hy sinh chứ không chịu khuất phục trước kẻ thù.

Trước những thử thách đấu tranh một mất một còn với địch để bảo vệ lực lượng Cách mạng, lực lượng kháng chiến của ta đã liên tục đấu tranh kiên cường dũng cảm và liên tiếp giành thắng lợi cơ bản trong cuộc đấu tranh ở trận tuyến đặc biệt này. ý chí ấy được thể hiện nổi bật ở mấy điểm:

Trước tiên là bằng mọi cách để xây dựng tổ chức Đảng ở nhà tù và luôn luôn phát huy vai trò lãnh đạo đấu tranh với địch trong mọi tình huống. Mặt khác, do nắm vững được tình hình và âm mưu thủ đoạn xảo quyệt của địch, nên Chi bộ Đảng đã đề ra mục tiêu, phương hướng chính xác và các hình thức đấu tranh thích hợp, có lý, có lợi, có chừng mực và vận dụng uyển chuyển, linh hoạt phù hợp với những tình huống khác nhau.

Ngay từ tháng 6-1953, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Long Châu Hà và Huyện ủy UBKCHC huyện Phú Quốc, tổ chức cách mạng trên đảo đã có kế hoạch chuẩn bị đón tiếp anh em tù ở Căng Cây Dừa vượt ra. Huyện ủy đặt vấn đề dựa vào dân, giáo dục

nhân dân ý thức thương yêu những người tù vượt trại ra. Do đó, anh em tù vượt trại ra là được sự ủng hộ hết lòng của bà con, cô bác. Nhờ vậy mà nhân dân, đồng bào thương quý anh em thực lòng như con em mình và anh em cũng coi đồng bào như cha mẹ, anh chị mình vậy.

Điều hết sức quý báu là, hàng ngũ cán bộ đảng viên trước khi bị địch bắt giam đã được Đảng, Bác Hồ kính yêu giáo dục và rèn luyện. Nên tại trận địa đặc biệt này, anh em tự đứng lên tập hợp lực lượng, biến sức mạnh tinh thần thành sức mạnh vật chất và đấu tranh quyết liệt, đầy gian khổ trong mọi tình huống. Và đội ngũ cán bộ đảng viên này, có tinh thần gương mẫu, có đức hy sinh, kể cả khi khó khăn nguy hiểm, cũng như khi thắng lợi và có quyết tâm cao tất cả cho sự nghiệp của cách mạng của Đảng và của nhân dân. Chính từ những đức tính đó mà đã có những hành động cụ thể trong nhà tù cũng như khi ra ngoài và đã góp phần giành nhiều thắng lợi cho sự nghiệp cách mạng.

NGUYỄN VĂN

(Cựu tù binh Phú Quốc)

CĂNG CÂY DỪA Ý CHÍ VÀ HÀNH ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA NGƯỜI CHIẾN SĨ

... Nhìn lại 14 tháng tồn tại căng Cây Dừa thời thực dân Pháp chiếm đóng (từ tháng 7 - 1953 đến hết tháng 8 - 1954) ta có thể khái quát mấy nét như sau:

1. Căng tù binh Cây Dừa “sinh sau đẻ muộn” nhất so với mọi nhà tù trên cõi Đông Dương, tính đến tháng 7-1954. Nó ra đời trong bối cảnh địch đang thua đau trên chiến trường chính và là một cuộc “chạy tù” vào tuyến sau của địch. Cùng với mục đích chạy tù, nó còn nhằm mục đích thực hiện âm mưu thâm độc là bắt lính để lấy người Việt đánh người Việt lâu dài.

2. Địa điểm căng tù ở Cực Nam Đảo Phú Quốc với địa thế ba bề là biển cả, thuận lợi cho việc phòng vệ của địch, còn về phía bắc gần với đất đảo, nhưng ngăn cách với dân bởi một hành lang không người ở, sâu gần chục cây số, có bót Cây Cày án ngữ. Vì vậy rất khó cho việc chấp nối liên lạc trong - ngoài căng, và lao tù vượt ngục chỉ có một hướng tẩu thoát, nếu địch tập trung ngăn chặn thì tù nhân khó thoát.

3. Căng tù binh Cây Dừa trải qua hai kẻ cầm quyền: Bọn Pháp trực tiếp từ tháng 7 - 1953 đến tháng 11-1953, bọn ngụy thay thế từ tháng 12-1953 đến tháng 8-1954. Bọn Pháp thiên về canh giữ tù, tâm lý thất bại chi phối; bọn ngụy tích cực cả mặt giam giữ và mặt bắt lính, nuôi ý đồ theo Mỹ. Tuy ý đồ chúng khác nhau nhưng tội ác thì không thua kém nhau. Ngoài những hành động đánh đập, bắt làm khổ sai cực nhọc, bắn giết lê tẻ, tội ác của bọn Pháp bộc lộ tập trung trong tháng 9-1953 là bắt tù ăn gạo mục và cá khô thối, không cung cấp rau quả hàng tháng trời, khiến bệnh dịch ỉa chảy, kiết lỵ, tê phù phát sinh lan tràn làm chết 3-4 chục người trong vòng một tháng. Còn tội ác của bọn ngụy tập trung nhất trong chiến dịch “lật đổ, khủng bố và bắt lính” bằng tra tấn khủng bố ngày

đêm suốt hai tháng liền từ trung tuần tháng 1 -1954 đến trung tuần tháng 3-1954. Tổng số người tù bị sát hại bởi hai kẻ thù này là hơn 100, thiết tưởng không phải là ít.

4. Số lượng tù binh ở đây tăng nhanh và liên tục. Đến tháng 4 năm 1954 là đỉnh điểm cao nhất, tổng số lên tới 14.000 người. Đồng nhất so với các nhà tù khác trên toàn Đông Dương thời ấy, và đông gấp 30 lần so với quân địch cai quản và bảo vệ ở đây.

5. Lực lượng tù binh vừa đông, vừa tương đối mạnh mẽ về chất; 60% là bộ đội và quân dân du kích, gần 30% là cán bộ chính trị, và nghiệp vụ các cấp, các ngành, chỉ có trên 10% là dân thường. ở các nhà tù họ bị phân làm nhiều loại, nhưng ra đây họ đều là tù binh (PIM), ăn ở lẫn lộn trong 4 trại, theo cùng một chế độ. Bị đày ra đây là “cây số cuối cùng”, họ đứng trước một trong hai sự lựa chọn: Hoặc là quyết sống chết vượt lên để tồn tại và chiến thắng; hoặc là “nhắm mắt đưa chân” buông mình trôi theo số phận. Ngã đường thứ hai này sẽ dẫn đến cạm bẫy của địch, sa vào có thể trở thành phản bội Tổ quốc. ý nguyện số đông là đi theo ngã thứ nhất. Nhưng đi ngã này thì rất gian khổ và nhất thiết phải có bộ tham mưu sáng suốt, vùng lên lãnh đạo thì mới thành công.

Có thể coi những nét trên đây là đặc điểm của Cánh Cây Dừa thời chống Pháp. Nó có thể trở thành thuận lợi nếu chúng ta biết khai thác các khả năng trong đó; nhưng trái lại, nếu không biết phát huy thuận lợi đó, sẽ có thể phát sinh nhiều khó khăn, tổn thất do con thú dữ cùng đường điên cuồng phản ứng gây nên. Đảng bộ của tù binh Cánh Cây Dừa đã giải quyết được bài toán đó, hoàn thành sứ mạng mà lịch sử trao cho trong hoàn cảnh không có sự chỉ đạo của cấp trên và sự chi viện từ ngoài cảng. Tập thể tù binh Cây Dừa, dưới sự lãnh đạo của tổ chức Đảng nhà tù, đã dũng cảm đi theo ngã đường thứ nhất và giành thắng lợi vẻ vang, hòa nhịp với chiến công chung của dân tộc và quân đội.

Thắng lợi đó là gì?

1. Việc địch “chạy tù” là để tiếp tục thực hiện giam giữ những người kháng chiến bị chúng bắt, nhằm vô hiệu hóa một bộ phận không nhỏ lực lượng kháng chiến của ta đồng thời bảo toàn vốn liếng chính trị phòng khi phải hội đàm trao đổi tù binh. Nhưng Cánh Cây Dừa thì hơn một vạn người vẫn ngày đêm học tập, rèn luyện để nâng cao mình. Họ không bị vô hiệu hóa, vẫn kiên cường, bất khuất, vẫn tỉnh táo trước mọi âm mưu, thủ đoạn của địch và đấu tranh chống lại, vẫn làm công tác địch vận để đánh địch từ phía sau... Gần 200 anh em tù vượt ngục thắng lợi đã lập tức tham gia cùng huyện đảo Phú Quốc và tỉnh Long Châu Hà, chiến đấu lập chiến công xuất sắc, phối hợp tốt với chiến trường chính. Hơn một vạn con người ở nhà tù này sau khi được trao trả về, lập tức tham gia công cuộc chống Mỹ cứu nước và xây dựng miền Bắc, chính là bằng chứng của thắng lợi của tù binh trong nhà tù Cây Dừa trước đó.

2. Mục đích thứ hai không kém quan trọng là địch muốn nhào nặn cả vạn con người tù ở đây thành những kẻ dễ sai bảo và cuối cùng sẽ cuốn hút vào hàng ngũ binh lính, làm tay sai cho chúng chống lại kháng chiến, chống lại nhân dân. Nhưng trải qua các thủ đoạn dụ dỗ không kết quả, địch huy động tổng lực đánh phá cơ sở và ép buộc

được 500 người đi huấn luyện tân binh. Đến khi có Hiệp nghị Genève, quần chúng đã hưởng ứng sự chỉ đạo của Đảng bộ nhà tù, đấu tranh quyết liệt, đòi được gần 400 anh em trong số 500 người đó trở về với tù binh để được trao trả. Chỉ còn lại khoảng 100 người là bọn ác ôn, có tội với tù binh và có nợ máu với nhân dân, nay không muốn và cũng không dám quay về với nhân dân, cố tình bám gót giặc lần nữa. Thắng lợi này của Đảng bộ và tù binh Căng Cây Dừa rất có ý nghĩa: trong thời điểm địch thay thầy đổi chủ, anh em tù đã khua vang hồi chuông cảnh tỉnh cho tất cả những ai đã và đang rấp tâm bán nước và bán rẻ danh dự mình lần thứ hai.

14.000 người tù được trao trả, vẫn còn mạnh cả thể chất lẫn tâm hồn để bước vào mặt trận chống Mỹ cứu nước, điều đó không may do địch đối xử nhân đạo, mà chính là thành tích quan trọng của Đảng bộ và quần chúng tù binh Căng Cây Dừa tự lực tự cường đấu tranh bền bỉ, quyết liệt để xây dựng, chăm lo đời sống và bảo vệ lẫn nhau. Có được thành tích ấy là do mấy nguyên nhân sau đây:

1. Đảng bộ Trại tù binh Cây Dừa thời ấy vững mạnh, đủ năng lực và uy tín tập hợp quần chúng tù binh, có tầm nhìn và các chủ trương đúng đắn, hành động khôn ngoan, có tinh thần tự lực tự cường, chủ động, sáng tạo, ý thức trách nhiệm cao.

2. Có đội ngũ cán bộ tuyệt đối trung thành với Đảng và nhân dân, tin tưởng sắt đá vào Bác Hồ, Trung ương và Chính phủ, hết lòng hết dạ phục vụ quần chúng tù binh, năng động, sáng tạo, ý thức trách nhiệm và tổ chức kỷ luật cao.

3. Đảng bộ và quần chúng đoàn kết chặt chẽ, tin tưởng lẫn nhau, nhất hô bá ứng. Chính sách đại đoàn kết của Hồ Chủ tịch, của Đảng và Chính phủ được mọi người thấm nhuần và nghiêm chỉnh thực hiện.

Đó là những nguyên nhân trực tiếp tạo nên thắng lợi của tù binh trong Căng Cây Dừa những năm 1953-1954, song song với các thắng lợi của quân dân ta ở bên ngoài, cũng là bài học quý giá của anh em trong tù. Các nguyên nhân đó hòa quyện và tác động lẫn nhau, phát huy sức mạnh tổng hợp mà làm nên chiến thắng, theo kịp với đà chiến thắng bên ngoài.

Trong thực tiễn nhà tù ngay cả ở nơi không gặp đồng chí quen biết, thì cứ xem xét quần chúng xung quanh, ai là người sống có tư cách - trong hoàn cảnh nhà tù thiếu thốn, khổ cực nhưng không vì miếng ăn miếng uống, chỗ nằm... mà hạ phẩm giá con người, thì đó có thể là đối tượng để ta xem xét, thử thách, tiến tới bắt liên lạc. Không nên để ám ảnh một nỗi nghi ngờ, sợ bắt mối nhằm phải bọn xấu. Trong giai đoạn chiến tranh này, trong nhà tù của giặc, ít có kẻ tay sai địch dám hy sinh quyền lợi vật chất, giả danh Cách mạng, chịu khổ chịu cực để chiếm lòng tin của mọi người, hòng chui sâu, leo cao phá hoại tổ chức, phá hoại Đảng ở đây. Hơn nữa ở đây có hàng trăm hàng ngàn cán bộ, Đảng viên, bộ đội, công an và quần chúng giác ngộ, bọn xấu nếu có cũng không thể che giấu bộ mặt và hành vi của chúng. Cho nên có niềm tin ở đồng chí và quần chúng, thận trọng nhưng mạnh dạn, sáng suốt thì dù khó khăn, vẫn bắt mối liên lạc được với người

tốt để đưa vào tổ chức. Đó là nói trường hợp đặc biệt khó khăn, chứ thực tế trong nhiều nhà tù, có nhiều cán bộ, Đảng viên đã quen biết nhau từ trước khi bị bắt, hoặc từ khi bị bắt, bị tù đã chứng kiến tinh thần, khí tiết của nhau qua các cuộc bị tra tấn, hỏi cung hay đấu tranh chống đàn áp khủng bố, thì việc điều tra bắt mỗi với nhau có nhiều thuận lợi. Thế nên đến thời điểm này hầu hết các nhà tù trên nước ta đều có cơ sở Đảng, các đoàn tù từ đất liền ra đảo đều có chi bộ Đảng bí mật lãnh đạo. Ra đảo, vấn đề còn lại là làm thế nào các chi bộ này bắt mỗi được với nhau cho đúng. Thực tế cũng không quá khó. Bởi đoàn tù nào đã có chi bộ thì tất yếu chi bộ đó phải tìm mọi cách đưa cho được một Đảng viên hoặc quần chúng tin cậy của chi bộ làm trưởng hoặc phó đại diện để công khai quản lý anh em và trực tiếp là đầu mối liên lạc với nhà cầm quyền, và chi bộ thông qua người đó mà đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với Đoàn (song song với vai trò đầu tàu gương mẫu, tiên phong chiến đấu của các đảng viên trong Đoàn đó). Tập trung lên đảo rồi các chi bộ của các đoàn tù thường là ít có quan hệ quen biết sẵn, thì phải khai thác nhiều khả năng, tìm mọi cách để phát hiện ra đầu mối liên lạc, kể cả dựa vào đại diện, phó đại diện của đoàn hay của trại. Cơ sở để có thể tin tưởng nhau ở đây không phải là giấy giới thiệu, cũng chẳng có mật hiệu, mã hiệu để liên lạc - mà là phải nhìn vào thực tế cái tập thể tù binh mới gặp gỡ ấy có đoàn kết thân ái, sống có kỷ luật, trật tự, vệ sinh không? Tư cách số đông cao thượng hay thấp hèn, là có thể đánh giá cái hạt nhân lãnh đạo nó là vàng hay thau để quyết định thái độ. Tổ chức Đảng trong Cánh Cây Dừa đã không phạm sai lầm về công tác này.

Đảng bộ Nhà tù Cây Dừa xây dựng lực lượng mạnh cả về Đảng, chính quyền tự quản và các tổ chức quần chúng công khai và bí mật nhằm với tới mọi mặt của đời sống tù binh; đồng thời không ngừng đấu tranh. Trong xây dựng thì coi trọng cả chính trị tư tưởng và tổ chức, nâng cao trình độ văn hóa, hiểu biết chính trị, nâng cao tinh thần đoàn kết tương trợ, xây dựng con người cho yêu cầu trước mắt và cho mai sau, tạo nên không khí lạc quan tin tưởng trong khắp các trại. Đấu tranh thì từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao tùy tính chất vụ việc, âm mưu và thái độ kẻ địch. Cả hai mặt xây dựng và đấu tranh đều nhằm mục đích, yêu cầu thiết thực, mức độ thiết thực, hình thức, phương pháp thì uyển chuyển, không cứng nhắc, cốt đạt được kết quả thiết thực. Ra sức xây dựng lực lượng, chống địch đàn áp, khủng bố, chăm lo đời sống tù binh, kiên trì công tác địch vận, tích cực tranh thủ thời cơ vượt ngục. Đó là những nhiệm vụ Đảng bộ trong Cánh lãnh đạo tù binh tiến hành đồng thời, không coi nhẹ mặt nào.

Nét đặc thù của Cánh Cây Dừa là địch không đủ sức quản lý sâu vào các trại tù nên tuyên bố cho tù hưởng chế độ tự quản, địch chỉ nắm qua ban đại diện công khai với địch. Chính quyền tự quản của tù nhân Cánh, vì thế rất mạnh, bộ máy đủ sức với tới mọi mặt trong sinh hoạt vật chất và tinh thần của tù binh, tiến hành các hoạt động trong trại một cách rất dân chủ, có hiệu lực và rất được quần chúng tù binh tin tưởng và tuân thủ.

Chính quyền ấy đã làm được chức năng công cụ của Đảng, nó thực sự là chính quyền của tù binh, do tù binh và vì tù binh. Nhưng cũng vì vậy mà đầu năm 1954 địch

tập trung đánh phá tổ chức Đảng và tổ chức chính quyền tự quản trong trại; xoá chế độ đại diện, lập chế độ trại trưởng, cuộc giằng co kéo dài suốt hai tháng trời, nhưng cuối cùng trước sự chống trả quyết liệt của anh em tù, địch phải nhượng bộ, chấp nhận trở lại chế độ đại diện; tù binh lại phục hồi chính quyền tự quản của mình và nắm vững nó cho đến khi trao đổi tù binh (8-1954).

Đảng bộ trong tù ở Cánh Cây Dừa ngày ấy tồn tại và phát triển được trong điều kiện không có sự chi viện trực tiếp từ bên ngoài, sự chỉ đạo cụ thể của cấp trên và độc lập chiến đấu, là nhờ sự tin tưởng và nắm chắc đường lối chính sách của Đảng - đặc biệt là thâm nhuần lời dạy của Bác Hồ về tư tưởng đại đoàn kết - Cán bộ trong tổ chức Đảng gắn bó chặt chẽ với quần chúng. Đảng bộ trong tù rất tin quần chúng, nhận thức quần chúng là vĩ đại, quần chúng cũng rất tin tưởng và làm theo cán bộ, Đảng viên, Ban đại diện và tổ chức địa phương, gia đình của mình trong mỗi trại, sáng tạo nhiều hình thức hoạt động rất tốt, rất phong phú. Thật đáng tự hào có tới hơn 99% của hơn 1 vạn tù binh Cây Dừa đã đoàn kết chặt chẽ, không phân biệt Bắc - Trung - Nam, tôn giáo, dân tộc đã quy tụ trong một tổ chức cách mạng của Đảng... Nhờ vậy, mà tạo nên sức mạnh đấu tranh thắng lợi với kẻ thù, bảo vệ được khí tiết cách mạng và góp phần cùng quân dân cả nước chiến thắng kẻ xâm lược...

Trích hồi ký của đồng chí NGUYỄN ĐỨC DỤ

Cựu tù binh Phú Quốc

TRẠI HUẤN CHÍNH CÂY DỪA NHỮNG NĂM THÁNG ẤY

Trại giam Cây Dừa do thực dân Pháp lập ra ở ấp An Thới bắt đầu hoạt động từ tháng 7-1953 đến khi hiệp định Genève được ký kết; khi tù binh hai bên được trao trả, thì trại cũng chấm dứt hoạt động, khu vực trại giam trở thành một nơi hoang phế. Đến tháng 5-1955, ngụy quyền Sài Gòn cho dựng lên trên nền cũ của trại giam Cây Dừa một trại giam khác gọi là “Trại huấn chính Cây Dừa” để giam giữ những người chúng coi là “chính trị phạm Việt cộng” từ đất liền đưa ra.

Tại đây, Ngụy quyền Sài Gòn cho dựng lên những dãy nhà cột gỗ lợp bằng những tấm tôn cũ mới lần lộn, mỗi nhà có hai dãy sạp cho tù nhân ngủ. Lúc đầu nhà không có vách, đêm đêm gió lạnh thấu xương. Sau đó, anh chị em đấu tranh đòi che chắn lại nên địch cho dựng vách bằng tôn. Ngoài những dãy nhà cho tù nhân ở còn có một số nhà khác như nhà bếp, nhà để củi, nhà hớt tóc, nhà để bóng bàn...

Ngày 5-1-1956, ngụy quyền Sài Gòn đưa 598 anh chị em mà chúng gọi là “chính trị phạm Việt cộng” ra “Trại huấn chính Cây Dừa”. Đến khoảng quý IV năm 1956, địch đưa ra chuyến thứ hai, và cũng là chuyến chót, khoảng 600 anh chị em. Như vậy, Trại huấn chính Cây Dừa giam giữ trên 1.000 anh chị em, trong đó có khoảng 50 nữ.

Đây là một trại tạm giam mà nhà cửa sơ sài, được dựng lên một cách vội vã trong khuôn viên của trại giam cũ nhằm tận dụng lớp rào dây kẽm gai còn lại. Khi chuyển đầu tiên đến, trại giam còn ngổn ngang cây lá cỏ rác, người tù nhân phải tự dọn dẹp lấy chỗ ở. Tù nhân nam nữ ở nhà riêng nhưng trong cùng một khu giam.

Lúc đầu, địch cho nhà thầu nấu cơm cho tù nhân ăn. Cơm không đủ ăn lại nấu không ngon. Thức ăn chủ yếu là cá biển và phần nhiều là cá ươn làm cho nhiều người bị bệnh tiêu chảy. Rau củ lại càng hiếm hoi vì phải đưa từ Thị xã Rạch Giá ra.

Lúc đó, tên đại úy ngụy Vương Đăng Phong được bổ nhiệm làm trưởng chi khu quân sự Cây Dừa kiêm trại trưởng “Trại huấn chính Cây Dừa”. Địch lập ra các ban bộ trong đó có nhiều nhân viên của nha Thông tin và Nha Công an ở Sài Gòn được cử ra nhằm quản lý tù nhân và làm cái công việc gọi là “cải tạo tư tưởng những người thân cộng”. Địch tập trung lo giam giữ cho chặt, không để tù nhân trốn thoát.

Anh chị em tù nhân ở Phú Quốc lúc đó gồm nhiều thành phần, khá phức tạp. Có người là dân nhưng bị địch nghi ngờ bắt, khai thác rồi đưa vào đây. Có người trước kia có tham gia cách mạng nhưng đã nghỉ, có người vì tình hình căng thẳng nên cầu an co thủ. Tuy nhiên, nhiều anh chị em vẫn giữ vững tinh thần, kiên quyết đấu tranh với địch. Song, lúc ấy tình hình bên ngoài rất ngột ngạt, địch đang điên cuồng mở các chiến dịch chống cộng, chống lại việc thi hành hiệp định Genève nên đấu tranh trong trại giam cũng không dễ dàng gì, luôn phải được cân nhắc kỹ. Một số đảng viên tìm cách móc nối nhau và thành lập một chi bộ để lãnh đạo anh chị em tù nhân đấu tranh. Tình hình phức tạp nên việc tập hợp sinh hoạt Đảng cũng phải hết sức thận trọng. Chi bộ chỉ tập hợp chưa đầy 20 đồng chí, lúc đầu do đồng chí Mai Thanh (khi bị địch bắt là Tỉnh ủy viên kiêm Bí thư thị xã Rạch Giá) làm Bí thư Chi bộ.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, dần dần anh chị em đấu tranh giành được nhiều thắng lợi như tự tổ chức nấu ăn, vừa đảm bảo vệ sinh, nấu ngon hơn, vừa không bị xén bớt ở khâu này, đòi cung cấp lương thực thực phẩm nhiều hơn, có chất lượng hơn, đòi được trồng rau để cải thiện đời sống đồng thời cũng để cải tạo địa hình, chuẩn bị cho những cuộc vượt ngục về sau; đòi thăm nuôi để liên lạc với gia đình, nắm một số tình hình bên ngoài, đòi cung cấp thuốc men để trị bệnh, đòi cho học văn hóa, tổ chức văn nghệ vui chơi, cho mỗi tuần tắm biển vài ba lần.

Anh em nhiều lần tìm cách trở về với cách mạng, lúc đi lẻ tẻ vài người, khi đi tập thể, nhưng chỉ có cuộc vượt ngục đêm 3-9-1956 là do chi bộ tổ chức và tất cả đều về đến căn cứ an toàn. Lần đó, sau khi điều tra nghiên cứu kỹ tình hình canh gác, bố phòng của địch và nắm điều kiện địa hình địa vật, chi bộ quyết định tổ chức một cuộc vượt ngục chừng 15 đồng chí. Chi bộ tổ chức buổi diễn văn nghệ đêm 3-9-1956 vừa để kỷ niệm ngày quốc khánh vừa tập hợp lính ngục vào một nơi, làm cho chúng lơ lửng trong canh gác. Sân khấu ngoài trời, gần với khu gia binh để cho vợ con lính ngục vào xem, đồng thời cũng xa nơi anh chị em ra đi. Chi bộ chuẩn bị lương khô, thuốc trị bệnh và cử 15 người vượt ngục trong đó có đồng chí Mai Thanh, đồng chí Phạm Văn Khỏe, em ruột đồng chí Phạm Hùng và mấy người thông thạo việc cắt dây kẽm gai. Trước đây đồng chí Phạm Văn Khỏe đã vượt ngục một lần về đến Rạch Giá thì bị bắt lại.

Đến 21 giờ đêm 3-9-1956, trong lúc đội văn nghệ đang biểu diễn rầm rộ ở đầu ngoài, trong này anh em bí mật ra đi. Nhưng không hiểu vì lý do gì, một số đồng chí được cử đi lại không đi, trong lúc đó một số người khác không nằm trong dự kiến nhưng biết anh em vượt ngục nên chạy theo. Tất cả 11 đồng chí ra đi an toàn và 3 ngày sau gặp được đồng chí Lâm Kiên Trì, lúc đó là Bí thư Huyện ủy Phú Quốc. Đồng chí Mai Thanh cùng với đồng chí Lâm Kiên Trì về đất liền bắt liên lạc với Tỉnh ủy. Các đồng chí khác được phân công ở lại tăng cường cho lực lượng cách mạng ở Phú Quốc.

Tháng 3-1957, địch cho một chiếc tàu đến xúc toàn bộ anh chị em, một phần đưa ra Côn Đảo, một phần đưa về đất liền, “Trại huấn chính Cây Dừa” chấm dứt hoạt động từ đây.

MAI THANH

(Cựu tù chính trị Phú Quốc)

ĐẾN TRẠI GIAM TÙ BINH CÔNG SẢN VIỆT NAM - PHÚ QUỐC

MỘT TRẠI GIAM KHỔNG LỒ VÀ TÀN BẠO

Thực dân Pháp và đế quốc Mỹ chọn Phú Quốc để lập trại giam tù binh, tập trung giam giữ số lượng lớn nhất những người cầm súng chiến đấu bị chúng bắt được, là vì Phú Quốc nằm giữa biển, cách biệt với đất liền, xa nhân dân, xa cách mạng, chúng nghĩ rằng có thể hạn chế được những cuộc đấu tranh của tù binh, dễ canh giữ, dễ đàn áp hơn ở đất liền, dễ bùng phát dư luận, tránh được những cuộc tấn công để giải thoát tù binh và hạn chế được những cuộc vượt ngục.

Từ giữa năm 1955, ngục quyền Sài Gòn sửa sang lại khu nhà đã đổ nát của Trại giam Cây Dừa của Pháp để lập ra Trại chính huấn Cây Dừa và thời gian đầu chúng giam giữ ở đây gần 1.000 tù chính trị cả nam lẫn nữ. Đến năm 1957, một số tù chính trị nổi trên bị đưa ra Côn Đảo, một số về đất liền. Trại chính huấn Cây Dừa chấm dứt hoạt động.

Khoảng cuối năm 1966 đầu năm 1967, Mỹ - ngụy cho xây dựng “Trại giam tù binh cộng sản Việt Nam - Phú Quốc” tại thung lũng An Thới trên một diện tích rộng khoảng 400ha, với chiều dài khoảng 5km dọc con lộ 46.

Toàn trại giam tù binh Phú Quốc có 12 khu, mang tên từ khu 1 đến khu 12. Mỗi khu có 4 phân lô, gọi là A, B, C, D và kèm theo thứ tự của khu, ví dụ A1, B1, C1, D1 hay A3, B3, C3, D3... Riêng hai khu 1 và 2 chỉ có hai phân khu nhưng là phân khu đôi, số phòng giam bằng hai phân khu khác.

Mỗi phân khu có 9 phòng cho tù binh ở, chia thành 3 dãy, đánh số từ phòng 1 đến phòng số 9, phòng cách phòng và dãy cách dãy khoảng 5m. Trong những khu bình thường giữa các phòng không có hàng rào, nhưng trong một số phân khu chúng cho là đặc biệt như phân khu B2, phân khu biệt lập C8, giữa các phòng có hàng rào dây kẽm gai và bùng nhùng ngăn cách, chỉ chừa lối đi rộng khoảng 0,8 mét.

Mỗi phân khu, ngoài 9 phòng dành cho tù binh ở, còn có hai phòng nằm ngang, song song phía trước, trong đó một phòng nằm gần dãy tù binh ở dành để khi cần, gọi tù binh đến thăm vấn, phạt vạ hoặc làm biệt giam trong phân khu, và khi trong phân khu lập được đội trật tự thì để cho bọn này ở. Phòng kia dùng làm nhà bếp cho tù binh tự nấu cơm ăn. Giữa hai nhà ngang nói trên, định cho xây một hồ bằng xi măng để chứa nước ăn do xe bồn chở đến.

Tất cả 11 phòng kể trên đều làm bằng vì kèo sắt, nóc tôn, vách tôn, mỗi phòng bề ngang 5 mét, dài 20 mét, hai đầu chừa hai lối ra vào bề ngang khoảng 0,8 mét và mỗi bên vách tôn có 4 cửa sổ, dưới vách tôn có khoảng trống chừng 3 tấc có rào dây kẽm gai.

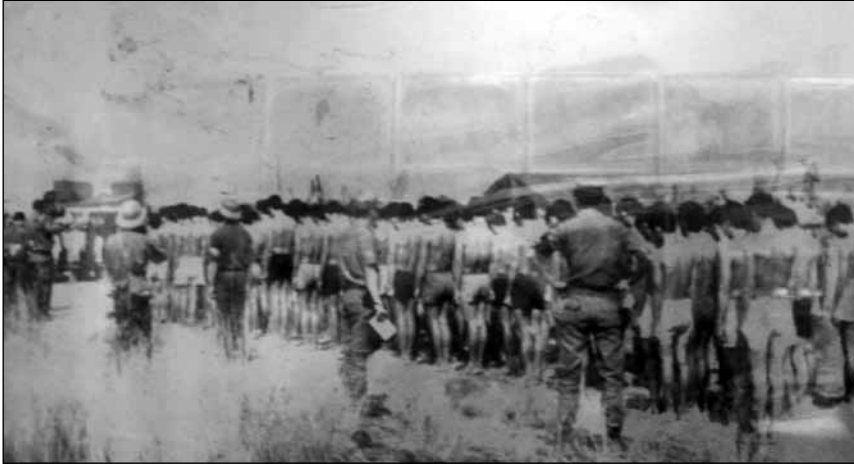
Ngoài ra, phía sau các dãy nhà ở của tù binh còn có hai nhà nhỏ kích thích 5m x 10m cũng bằng vì kèo sắt lợp tôn dùng làm cầu tiêu và nhà tắm. Mỗi nhà cầu có hai bệ xi măng, mỗi bệ có 4 chỗ để tiêu, hoàn toàn không che chắn, phía dưới mỗi lô tiêu đặt nửa chiếc thùng phuy để đựng phân. Mỗi sáng hoặc chiều, quân cảnh áp giải tù binh khiêng đi đổ ở bên ngoài. Nhà cầu cũng là nơi tù binh khiêng nước từ các giếng đến tắm. Đối diện nhà bếp và nhà trống là sân điểm danh.

Lúc đầu chỉ có hai phòng ngang ở phía trên có tráng nền bằng xi măng, còn tất cả các phòng ở của tù binh đều nền đất. Nhưng vì phong trào đào hầm nổi lên ở tất cả các phân khu, mà miệng hầm đều mở ở trong phòng - không thể mở ở bên ngoài vì trông trái, quân cảnh dễ phát hiện, nên sau này định cho tráng xi măng phần lớn các nền nhà ở của tù binh để chống việc đào hầm.

Mỗi phân khu có một cửa lớn để ra - vào (thường dành cho xe chở nước) và một cửa nhỏ cho người đi. Bên cạnh cửa ra vào là phòng làm việc của giám thị phân khu, có nơi đặt ở giữa hai hàng rào kẽm gai, có nơi đặt hẳn bên ngoài, cạnh đường xe chạy. Nhà làm việc của giám thị phân khu hoặc nhà trực ở cổng ra vào là nơi để muối ăn, dao làm bếp, búa bửa củi, cuốc xẻng... Mỗi chiều khi nấu xong cơm nước đều phải mang ra để đấy. Giám thị không cho để những thứ ấy trong phân khu vì sợ nó sẽ trở thành vũ khí lợi hại chống lại chúng.

Các phân khu đều được bố trí giống nhau, phân khu A nằm dính liền với phân khu B, phân khu C nằm dính liền với phân khu D, chỉ cách nhau bằng những hàng rào dây kẽm, định thường gọi là liên phân khu A + B, liên phân khu C + D. Phân khu B và phân khu C cách nhau một khu đất trống khoảng 100 mét.

Xung quanh mỗi phân khu có nhiều lớp hàng rào dây kẽm gai được đan cột dày đặc. Giữa các lớp kẽm gai là ba lớp bùng nhùng, hai lớp nằm dưới đất, một lớp nằm chông lên. Bên trong và bên ngoài các hàng rào dây kẽm gai lại có hai hoặc ba lớp bùng nhùng nữa. Giữa các lớp rào có hệ thống trái sáng, gài không kín đáo lắm do những nơi này luôn được làm cỏ sạch sẽ. Chung quanh phân khu, bên trên các lớp rào, có đèn điện chiếu sáng từ 18 giờ hôm trước đến 6 giờ hôm sau. Giữa các lớp kẽm gai và bùng nhùng có đường đi thông suốt chung quanh để đi kiểm tra, làm cỏ và ban đêm thường thả chó becgiê hoặc ngỗng đi tuần. Nhưng về sau, thấy chó becgiê và ngỗng không có tác dụng, nên



chúng không thả cho đi tuần nữa.

Tù binh không được đứng sát lớp bùng nhùng bên trong mà chúng gọi là rào giới hạn, nếu không chấp nhận sẽ bị nổ súng và đã có trường hợp một tù binh bị bắn chết vì đứng gần lớp bùng nhùng nói trên vào buổi sáng sớm.

Như vậy, toàn bộ trại giam là những nhà tôn và dây kẽm gai chứ không có vách tường hoặc cây cối gì.

Dọc theo con lộ 46, nếu tính từ ngã ba An Thới lên Cầu Sấu, các khu giam và các đơn vị cai quản trại giam được bố trí như sau:

Bên phải có đội công binh, qua dốc miếu Cô Sáu, trụ sở tiểu đoàn 14 quân cảnh, trung đội quân khuyến, Bộ chỉ huy trại giam, khu tù binh người Thượng, đường rẽ vào trại giam quân kỹ và bãi Khem, khu 2, trụ sở tiểu đoàn 8 quân cảnh, nhà thờ, đường vào nghĩa địa tù binh ở đồi 100, khu 5, khu 7, trụ sở tiểu đoàn 9 quân cảnh, khu 10 và bên trong khu 5 là hai khu 11, 12.

Bên trái có khu thăm nuôi (đối diện trụ sở tiểu đoàn 14 quân cảnh), khu 1, bệnh viện, trụ sở tiểu đoàn 7 quân cảnh, khu 3, khu 4, khu 6, đường rẽ vào đồi 37 lên đài kiểm báo và rẽ phải đi Dương Đông, khu 8 và khu 9.

Trại giam tù binh Phú Quốc đi vào hoạt động ngày 6-7-1967 và chấm dứt sau khi Hiệp định Pari được ký kết (1-1973).

HỆ THỐNG CAI QUẢN TÙ BINH TẠI TRẠI GIAM PHÚ QUỐC

Điều khiển Trại giam tù binh Phú Quốc là một Bộ Chỉ huy, lúc đầu do một thiếu tá quân cảnh làm Chỉ huy trưởng. Về sau, tù binh và quân cảnh ngày càng đông nên Chỉ huy trưởng trại giam là một sĩ quan quân cảnh cấp bậc cao hơn, trung tá hoặc đại tá. Từ đầu đến khi trại giam chấm dứt hoạt động, có các tên được cử làm chỉ huy trưởng trại giam như sau: thiếu tá Đoàn Đức Hải, trung tá Nguyễn Hữu Phước, trung tá Phan Ngọc Thủy, đại tá Trần Vĩnh Đắc và trung tá Bùi Bằng Dục.

Bên cạnh Bộ Chỉ huy trại giam, có Ban cố vấn Mỹ do một sĩ quan cấp trung tá phụ trách. Mọi chủ trương đều phải hỏi ý kiến Ban cố vấn, mọi báo cáo lên cấp trên đều phải

gửi Ban cố vấn một bản. Hệ thống cố vấn Mỹ được tổ chức từ Bộ chỉ huy trại giam đến từng tiểu đoàn và khu giam.

Dưới Bộ chỉ huy trại giam có các ban chuyên môn, các tiểu đoàn quân cảnh và sau này có thành lập thêm Ban chuyển hướng tư tưởng và phân loại tù binh.

Các ban chuyên môn gồm: Ban Giám thị; Ban An ninh; Ban Điều hành; Ban Truyền tin; Ban Tiếp liệu; Ban Quản trị nhân viên; Văn phòng.

Ban Giám thị có một tên Tổng giám thị, sĩ quan cấp trung úy hay đại úy đứng đầu và một số nhân viên. Ban có một hệ thống chân rết xuống đến các phân khu. Mỗi khu có một giám thị trưởng, có thể là một sĩ quan cấp thiếu úy, chuẩn úy, hoặc là một hạ sĩ quan cấp thượng sĩ nếu làm việc đặc lực. Mỗi phân khu có hai ba sĩ quan quân cảnh thường là cấp trung sĩ làm giám thị, trực tiếp điều hành công việc hàng ngày như điểm danh, lo việc ăn ở, cho đi khám bệnh, cắt cử người đi tạp dịch, đi đổ rác, đổ phân. Đây là những kẻ trực tiếp quan hệ với tù binh, có thể tạo nên không khí êm dịu hay căng thẳng trong phân khu. Có những tên ác ôn thường hay chửi bới, đánh đập, phạt vạ tù binh nên tình hình luôn căng thẳng, mâu thuẫn dẫn đến đấu tranh có thể bùng nổ bất cứ lúc nào bởi vì tù binh là những người có một thời cảm sùng bái vào quân địch, nay rất nhạy cảm với việc bị chửi bới, bị đánh đập.

Ban an ninh có chân rết ở các tiểu đoàn và đây là nơi gây ra muôn vàn tội ác đối với tù binh. Bất cứ tù binh ở phân khu nào, khi cần, Ban an ninh liền ra lệnh cho bắt giải lên để chúng đánh đập khảo tra, tìm người đầu sỏ, người lãnh đạo tù binh trong phân khu, hoặc tìm hiểu các mặt sinh hoạt của tù binh, nhất là tìm hiểu những chủ trương đấu tranh và âm mưu tổ chức vượt ngục. Chính Ban an ninh đã trực tiếp đánh chết hoặc đánh thành tàn phế rất nhiều tù binh. Người nào bị Ban an ninh gọi lên, không chết cũng bị mềm xương. Ngay cả những lính quân cảnh bị tình nghi có cảm tình với tù binh cũng không tránh khỏi bàn tay máu của chúng.

Ban điều hành chịu trách nhiệm tuyển lọc, bố trí, xáo trộn tù binh ở các phân khu nhằm thực hiện chủ trương của Bộ chỉ huy trại giam.

Nơi làm việc của ba ban giám thị, an ninh và điều hành ở trong một cụm với nhau. Chúng kết hợp nhau khủng bố, đánh đập, khảo tra tù binh với nhiều hình thức hết sức dã man.

Về lực lượng canh giữ: Toàn trại giam có 4 tiểu đoàn quân cảnh làm nhiệm vụ canh giữ tù binh là tiểu đoàn 7, 8, 9 và 14. Có lúc chúng tăng cường thêm một đại đội của tiểu đoàn 5 chỉ huy các tiểu đoàn trực tiếp nhận lệnh từ Bộ chỉ huy trại giam. Mỗi tiểu đoàn phụ trách ba khu giam. Mỗi đại đội phụ trách một khu và đại đội trưởng kiêm chức trưởng khu giam.

Quân cảnh có nhiệm vụ canh gác, không cho tù binh vượt ngục, không cho đấu tranh đòi cải thiện đời sống, đòi bảo vệ sinh mạng chính trị của mình. Quân cảnh là lực lượng chủ yếu của địch thực hiện âm mưu tiêu diệt thể xác và tinh thần của tù binh với sự hỗ trợ đặc lực của bọn trật tự, chiêu hồi. Lính quân cảnh được bố trí ở trong các nhà

tôn hay nhà bạt dựng lên quanh khu giam, tạo một vành đai canh giữ không cho tù binh vượt ngục.

Ở mỗi liên phân khu (A + B hoặc C + D) có sáu chòi cao ngày đêm lúc nào cũng có quân canh canh gác. Ban đêm, lính quân canh vào canh tuần trong giữa các hàng rào dây kẽm gai. Mỗi đêm, chúng vào điểm danh trong phòng ngủ của tù binh hai ba lần. Ban ngày, mỗi phân khu có một hoặc hai quân canh vào tuần tra, sục sạo tất cả các phòng, không cho sinh hoạt chính trị, hội họp và đề phòng tù binh đào hầm vượt ngục. Quân canh còn có nhiệm vụ dẫn tù binh đi làm tạp dịch bên ngoài, đi lấy củi vào nấu bếp, vào rừng lấy củi, đi đổ rác, đổ phân, đi khám bệnh. Để đề phòng công tác binh vận của tù binh, bọn chỉ huy ra lệnh không cho lính quân canh đến gần, chuyện trò thân mật với tù binh và thường xuyên thay đổi nơi làm việc, khu vực tuần tra của quân canh.

Mặc dù thường xuyên kiểm tra rất gắt gao, nhưng chúng không thể nào cấm tuyệt được sinh hoạt chính trị trong trại giam, không ngăn chặn hoàn toàn được các cuộc đào hầm vượt ngục, cũng như không thể triệt để trong việc truy kích tù binh vượt ngục.

Ban chuyển hướng tư tưởng và phân loại tù binh

Để thực hiện âm mưu thâm độc của Mỹ - ngụy là hủy diệt thể xác và tinh thần, nhất là về mặt tinh thần của tù binh, ngụy quyền Sài Gòn đã có cả một kế hoạch chi tiết nhằm tìm mọi cách, bằng mọi thủ đoạn để thực hiện chuyển hướng tư tưởng và phân loại tù binh cộng sản Việt Nam với mục đích “tranh thủ tù binh về với chính nghĩa quốc gia khi chiến tranh chấm dứt”.

Chúng quy định, tại mỗi trại giam có một cơ quan đặc trách công tác chuyển hướng tư tưởng và phân loại tù binh gọi là “Ban chuyển hướng và phân loại tù binh cộng sản Việt Nam”. Ban này đặt trực thuộc: Khối chuyển hướng và phân loại tù binh cộng sản Việt Nam (thuộc Tổng cục chiến tranh chính trị) về điều hành và kỹ thuật chuyển hướng, phân loại tù binh; Chỉ huy trưởng trại giam tù binh về kỷ luật và tác phong làm việc.



Ban chuyển hướng và phân loại tù binh thực chất là một tổ chức chuyên trách công việc dụ dỗ, lừa gạt và cưỡng ép chiêu hồi, chủ yếu là dùng vũ khí đánh đập, khủng bố ép buộc những chiến sĩ yêu nước từ bỏ lý tưởng cao đẹp của mình để đi theo con đường phản dân hại nước của chúng. Ban chuyển hướng do một sĩ

quan cấp đại úy điều khiển. Chính nó đã làm cho hàng ngàn tù binh phải bị thương tật, tàn phế, làm cho cả ngàn người phải hy sinh vì không chịu đầu hàng, kiên quyết đi theo con đường chính nghĩa chiến đấu cho độc lập và tự do của Tổ quốc...

SỐ LƯỢNG VÀ TỔ CHỨC GIAM GIỮ TÙ BINH Ở TRẠI GIAM PHÚ QUỐC

Trại giam tù binh Phú Quốc tiếp nhận tù binh từ tất cả các trại giam vùng chiến thuật chuyển đến.

Về số lượng, theo báo cáo của địch, tính đến ngày 30-3-1972, tổng số tù binh tại các trại giam ở miền Nam Việt Nam là 35.871 người, được giam giữ tại các trại như sau: Trại giam Đà Nẵng: 1.504 người; Trại giam Plâycu: 1.137 người; Trại giam Cần Thơ: 2.748 người; Trại giam Biên Hòa: 2.829 người; Trại giam Phú Quốc: 26.411 người; Trại giam Quy Nhơn: 1.241 người. (Trong đó có 1.009 nữ).

Tính đến tháng 1 năm 1973, trước khi Hiệp định Pari được ký kết, Trại giam tù binh Phú Quốc giam giữ trên 30.000 người.

Trong Trại giam tù binh Phú Quốc, có rất nhiều thành phần khác nhau bị quân Mỹ - ngụy bắt được qua các cuộc chiến đấu hoặc qua các cuộc hành quân càn quét trên các chiến trường miền Nam Việt Nam và có quê quán ở hầu như khắp các tỉnh của cả hai miền Nam, Bắc nước ta. Có những người thật sự căm sùng chiến đấu chống lại chúng thuộc quân chủ lực, quân địa phương hoặc dân quân du kích. Có những người là cán bộ chính trị nhưng khi bị bắt khai là công dân hoặc du kích để tránh bị khai thác cơ sở. Một số người chỉ ủng hộ cách mạng, góp phần chút ít về vật chất, có khi chỉ bằng tinh thần, thậm chí chỉ sinh sống trong vùng chiến sự bị bắt khi địch càn quét cũng bị chúng gán bừa là du kích cộng sản. Một số ít người nguyên là lính hoặc nhân viên của ngụy quyền Sài Gòn, nhưng vì một lý do nào đó bị chúng nghi ngờ là “ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản”, nên bị bắt khai thác và cũng bị đưa ra Trại giam tù binh Phú Quốc...

Khoảng ba phần tư tù binh quê ở các tỉnh miền Nam, trong đó khoảng một phần ba là du kích và một ít dân thường. Có gần 200 người Thượng. Đến đầu năm 1969, địch lọc số người Thượng ra cho ở riêng tại một khu có mấy căn nhà tranh dưới chân đồi gần đường vào bãi Khem. Chúng bắt một số người Thượng đến phục dịch cho bọn sĩ quan, giám thị trưởng, còn một số cho đi theo xe quân cảnh để phân phát gạo, cá mắm và thực phẩm tươi sống cho các phân khu. Khoảng hơn một phần tư là người quê ở các tỉnh miền Bắc. Có một số là cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc theo Hiệp định Giơnevơ, sau này trở về miền Nam chiến đấu.

Trên ba mươi ngàn người tại Trại giam Phú Quốc, số đông là chiến sĩ thuộc nhiều binh chủng, một số cán bộ chính trị thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau và thuộc đủ thành phần xã hội, làm việc trong nhiều ngành nghề như công nhân, nông dân, học sinh, sinh

viên, giáo sư, nhà giáo, bác sĩ, nhạc sĩ, nhà thơ, nhà báo, nhà sư. Ngoài đa số người Kinh còn có một số người Thượng, người Khmer, người Hoa.

Thành phần không thuần nhất nên tinh thần, tư tưởng, trình độ giác ngộ cũng không đồng đều. Có người triệt để cách mạng, sẵn sàng hy sinh vì lý tưởng mình đã chọn; Vì bạn bè, đồng chí; Vì sự nghiệp chính nghĩa của dân tộc. Có người thấy cuộc đấu tranh là phải, là cần thiết nhưng lo sợ sự khủng bố, đánh đập của địch vì trong tay mình không có một tác sát, song cũng có thể tham gia đấu tranh nếu phong trào của ta mạnh. Có một số người cầu an, thường tìm cách lẩn tránh đấu tranh trực tiếp với địch, và cũng có một số ít người đi theo địch, quay lại đánh đập anh em tù binh hết sức tàn nhẫn, phục vụ cho âm mưu đen tối của Mỹ - ngụy. Hơn nữa, người từ nhiều nơi gom lại, không quen biết nhau, quan điểm và trình độ tổ chức lãnh đạo đấu tranh cũng không phải hoàn toàn giống nhau.

Do đó, lãnh đạo đấu tranh trong trại giam phải hết sức nhạy bén, linh hoạt, kịp thời mới có thể hạn chế được tổn thất. Phải tranh thủ tìm mọi cách giáo dục, nâng cao tinh thần dũng cảm đấu tranh đòi cải thiện đời sống và bảo vệ sinh mạng chính trị của mình, đồng thời phải luôn cảnh giác đề phòng mọi âm mưu thủ đoạn thâm độc của địch.

Về tổ chức giam giữ: Thời gian đầu, tù binh bốn vùng chiến thuật chuyển ra, địch cho giam chung, đầy khu này đến khu khác, không phân loại theo kiểu nào cả. Thành ra trong một phân khu có cả cán bộ, chiến sĩ, cả người quê miền Nam, người quê miền Bắc. Về sau, chúng chia tù binh cộng sản làm 2 loại để giam giữ riêng biệt; đó là: Tù binh cộng sản quê quán miền Nam; Tù binh cộng sản quê quán miền Bắc và tù binh quê quán miền Nam tập kết ra Bắc từ sau năm 1954. Trong mỗi loại, chúng lại tìm những cán bộ cộng sản trung kiên tách ra khỏi các tù binh khác, giam riêng.

Từ tháng 3 năm 1969, riêng trại giam Phú Quốc, ngoài các tù binh cộng sản Việt Nam từ các trại giam trong đất liền đưa ra, còn giam giữ các hạ sĩ quan và sĩ quan tại một khu dành riêng và cũng phân loại như trên. Vì vậy, Trại giam tù binh Phú Quốc đã lọc ra giam riêng từng thành phần như sau: Chiến sĩ quê miền Nam; Chiến sĩ quê miền Bắc; Hạ sĩ quan quê miền Nam; Hạ sĩ quan quê miền Bắc; Sĩ quan quê miền Nam; Sĩ quan quê miền Bắc. Thành phần chúng cho là đầu sỏ, lãnh đạo hay tổ chức đấu tranh hoặc tìm cách vượt ngục, khoảng 500 người, bị giam riêng ở “trại biệt lập”. Còn khu “Tân sinh hoạt” để dành cho những người chúng cho là đã chịu chiêu hồi.

Biện pháp thay đổi phân khu và xáo trộn người, lúc đầu, có gây khó khăn cho anh em, nhất là trong việc chống khủng bố. Thường thường, khi đưa anh em đến một phân khu mới, bọn giám thị và quân cảnh hay phủ đầu bằng cách đánh đập, đe dọa hoặc đề ra những biện pháp kìm kẹp gắt gao hơn. Khi di chuyển anh em, chúng lục soát để loại bỏ những thứ chúng cho là “dụng cụ bén nhọn” có thể gây thương tích cho người hay dùng để cắt dây kẽm gai, để đào hầm.

Nhiều khi lợi dụng việc di chuyển, địch cài bọn mật báo (tức là bọn tù binh chịu làm tay sai cho chúng) vào các phân khu để theo dõi tìm người lãnh đạo, tìm tổ chức Đảng và những tổ chức đào hầm, mưu toan vượt ngục.

Tuy nhiên, biện pháp thay đổi phân khu và xáo trộn người chỉ có tác dụng vào thời kỳ đầu. Về sau, vì thay đổi xáo trộn nhiều lần, anh em lại quay về phân khu cũ của mình đã từng ở và gặp lại những anh em cũ đã từng sống với nhau và cùng nhau đấu tranh. Do đó, anh em lại dễ dàng tập hợp để tổ chức đấu tranh và nghiên cứu địa hình, bàn việc đào hầm, đặt kế hoạch vượt ngục. Mặt



khác, những di chuyển xáo trộn đó đã tạo điều kiện cho anh em thông báo với nhau tình hình mọi mặt mà mình biết được như tình hình cuộc chiến đấu của nhân dân ta trên chiến trường chống Mỹ, các cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao, sự ủng hộ của bạn bè thế giới và nhất là tình hình ở các phân khu, âm mưu thủ đoạn của địch, nội dung, hình thức và biện pháp đấu tranh của anh em tù binh, nhằm bảo vệ sinh mạng chính trị và đòi cải thiện đời sống. Thành ra, việc xáo trộn của địch lại giúp anh em thông tin với nhau, rút ra được những kinh nghiệm đấu tranh một mất một còn trong trại giam, tạo điều kiện cho anh em động viên nhau nhằm củng cố lòng yêu nước, nâng cao tính lạc quan cách mạng và giữ vững tinh thần chịu đựng trước sự khủng bố ác liệt của quân thù.

Đế quốc Mỹ và tay sai rất ác độc và xảo quyệt. Chúng dùng mọi cách dụ dỗ, mua chuộc, lừa gạt, khủng bố, đánh đập, giết chóc, ly gián chia rẽ nội bộ tù binh, dùng tù trị tù, nên tù binh gặp vô vàn khó khăn, đau khổ. Anh em tù binh phần đông còn rất trẻ, chưa được thử thách trong đấu tranh trực diện với địch, không có kinh nghiệm chiến đấu trong hoàn cảnh hết sức ngặt nghèo này và cũng không có được nhiều những thông tin cần thiết. Nhưng nhờ kiên định lập trường yêu nước, lấy lợi ích của Tổ quốc và nhân dân làm thước đo mà anh em vượt qua được những thử thách vô cùng khó khăn, có lẽ là những khó khăn nhất trong cuộc đời chiến đấu của mình.

ÂM MƯU VÀ THỦ ĐOẠN CỦA MỸ - NGUY ĐỐI VỚI TÙ BINH

Đối với tù binh ở trại giam Phú Quốc, ngoài việc tìm cách giam giữ thật chặt, không cho vượt ngục, địch còn có những âm mưu và thủ đoạn vô cùng thâm độc, liên tục đánh phá những chiến sĩ cách mạng chẳng may sa vào tay chúng, nhằm hủy diệt tinh thần và thể xác của anh chị em.

Bằng nhiều cách dụ dỗ, đe dọa, khủng bố, đánh đập dai dẳng, dùng nhiều nhục hình chẳng khác thời trung cổ, kể cả việc nổ súng vào trại giam, chúng đã giết chết nhiều anh chị em, cưỡng ép hàng ngàn người chiêu hồi, biến một số người trở thành tay sai đắc lực cho chúng, làm cho một số người không còn được cách mạng tin dùng như trước hoặc biến anh chị em trở thành những người tàn phế để khi trở về không còn sức chiến đấu chống lại chúng và mãi mãi là gánh nặng đè lên vai của cách mạng, của gia đình.

Trại giam tù binh Phú Quốc, nơi giam giữ đông đảo tù binh nhất, nơi được chúng tập trung chú ý nhiều nhất và là nơi ở xa đất liền, xa nhân dân, dễ bùng phát dư luận nên bọn Mỹ ngụy khủng bố ác liệt hơn, có nhiều hành động dã thú hơn và có lẽ là trại giam duy nhất bị quân cảnh nhiều lần nổ súng thẳng vào, giết chết và làm bị thương hàng loạt tù binh, điển hình là trận nổ súng giết và làm bị thương 140 tù binh tại phân khu B8 vào tối 6-5-1972.

Và cũng vì vậy, anh em trong Trại giam tù binh Phú Quốc đã phản ứng mạnh mẽ hơn, quyết liệt hơn, nhiều lần dùng bạo lực, tay không đánh lại quân cảnh, bắt nhân viên quân cảnh và giám thị làm con tin để thương lượng đòi giải quyết thỏa mãn các yêu sách của mình. Âm mưu và thủ đoạn của địch hết sức dã man tàn bạo, nhưng phản ứng của tù binh cũng rất kiên cường.

Đối với tù binh bị giam ở đây, Mỹ Ngụy lúc nào cũng dùng chính sách hai mặt: Một mặt, chúng hành hạ, khủng bố, bắn giết nhằm hủy diệt tinh thần và thể xác của tù binh; Mặt khác, chúng phải chịu áp lực của dư luận, của nhân dân và chính phủ ta, của Hội đồng thập tự quốc tế, nên phải tìm cách bùng phát những tội ác của chúng và làm ra vẻ nhân đạo, tỏ ra tôn trọng những điều khoản của quy ước Ginevơ, khi các phái đoàn quốc tế đến thăm các trại giam hoặc khi tù binh kiên quyết đấu tranh.

Cho nên, các chế độ trong trại giam, từ việc ăn ở, trang cấp, đến các hình thức kỷ luật hầu hết đều phản ánh chính sách hai mặt đó của đế quốc Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn.

Về chỗ ở: Trong một nhà tôn khoảng 100 mét vuông, còn gọi là một phòng, địch cho ở từ 50 - 70 đến 120 người, tùy khi đông khi ít. Chúng cho làm hai dãy sạp bằng gỗ chạy suốt hai bên vách để tù binh ngủ hoặc ngồi chơi, những nơi chưa làm sạp kịp, tù binh trải chiếu ngủ dưới đất.

Nền nhà ở lúc đầu bằng đất, nhưng về sau vì nơi nào cũng tổ chức đào hầm vượt ngục, nên địch cho tráng xi măng phần lớn các nền nhà và cấm không cho tù binh ngồi chơi hoặc nằm dưới nền nhà, vì sợ anh em ngụy trang để đào hầm.

Tuy nhiên, việc làm của địch có tác dụng ngược lại. Nền tráng xi măng khó mở miệng hầm nhưng lại dễ ngụy trang, ít sợ lở miệng hầm khi lên xuống đào hoặc lấy đất ra.

Hàng ngày từ 18 giờ, tức là lúc đèn điện bật sáng lên, đến 6 giờ sáng khi đèn tắt, tù binh phải ở trong phòng, không được ra ngoài. Ban đêm, ở giữa phòng có đặt một nửa chiếc thùng phuy để anh em đi tiểu. Nếu ai đi đại tiện đêm thì cho vào bọc nylon rồi sáng xách bỏ vào thùng cầu ở phía sau. Mỗi phòng có gắn hai bóng đèn điện tròn loại 75

oát, sáng suốt đêm. Đèn điện là để kiểm soát tù binh chứ không phải tạo thuận lợi trong sinh hoạt của tù binh.

Về ăn uống: Theo quy định, mỗi ngày tù binh được cấp 700 gam gạo, do Ban chỉ huy tiếp vận 3 thuộc vùng 3 chiến thuật cung cấp. Mỗi sáng có xe vận tải chở gạo đến cấp phát cho từng phân khu. Nhưng phần nhiều các bao gạo đều không đủ, bao 100kg chỉ còn khoảng trên 80kg. Mỗi khi xe gạo đến, người nhà bếp phải nhanh chóng ra nhận. Nhiều lúc không còn bao đầy, phải đấu tranh giằng co đến trưa chúng mới cho chở đến đổi.

Việc cung cấp thực phẩm cho trại giam tù binh Phú Quốc, thông qua hai cấp thầu, một thầu lớn thầu trực tiếp với nhà cầm quyền và một hai thầu con, thầu lại của thầu lớn từng mặt hàng thực phẩm tươi sống hay cá mắm. Thực phẩm tươi sống phải chở từ Sài Gòn ra, có rất ít rau cải, thường là các loại trái như củ như bầu, bí đỏ, củ cải trắng, cà rốt, khoai lang... Cá mắm do nhà thầu ở An Thới cung cấp hàng ngày bằng cách hợp đồng thu mua với các ghe cào. Nhưng chỉ lấy loại cá hạng bét. Thực phẩm được cung cấp rất thất thường. Cá thì thường là một phần tươi một phần khô và cũng nhiều khi cấp phát hoàn toàn bằng cá liệt khô, loại giống như thứ người ta dùng làm phân bón cho cây cối, rau cải. Cá tươi hoặc cá khô anh em làm sạch, rồi đổ vào kho chung cho nhiều nước để ăn đủ bữa. Nhiều khi cá tươi ướp nước đá không kỹ hoặc để lâu ngày nên bị ươn, không thể ăn được.

Nước mắm cấp phát cho anh em phần lớn là nước muối pha màu nên mặn chát. Mỗi ngày một phân khu được cấp 1-2 ký thịt heo và một vài hộp sữa cho người bệnh, nhưng hầu hết thịt heo và sữa rơi vào tay giám thị và quân cảnh.

Phú Quốc là một hòn đảo lớn và dài, lại có dãy núi cao che chắn từ Bắc xuống Nam nên ghe cào có thể núp gió đánh cá gần như quanh năm. Vì vậy quanh năm suốt tháng, tù binh ăn toàn cá liệt, tươi hoặc khô. Đôi khi cá liệt được thay bằng tương, chao hoặc mắm ruốc.

Tù binh không biết được tiêu chuẩn, giá cả thực phẩm, nên không làm sao biết được cấp phát có đủ định lượng không. Chỉ khi nào thấy cá quá ít, không đủ ăn hoặc cá ươn thì không nhận, đòi thêm số lượng hoặc đòi đổi cá tươi hơn.

Nhưng rồi lại đầu vào đấy, cá vẫn ươn, khô mục. Gần bốn mươi phân khu, ngày nào cũng xảy ra những chuyện rắc rối về lương thực thực phẩm, không nơi này thì nơi khác.

Do đó, tăng số lượng và chất lượng lương thực, thực phẩm (cá mắm, gạo...) là nội dung chủ yếu, thường xuyên trong các cuộc đấu tranh đòi cải thiện đời sống vật chất của anh em tù binh.

Anh em tù binh trong phân khu tự cắt đặt việc nấu nướng. Căn cứ tình hình lương thực thực phẩm, anh em bố trí chăm sóc, ưu tiên đối với người bệnh hoặc người bị đánh đập tra tấn như nấu cháo, nấu thức ăn kiêng, dành phần sữa hoặc lựa cho những con cá ngon nhất. Khi nấu cơm xong, nhà bếp đánh keng hiệu cho các phòng đến khiêng về ăn tại phòng.

Để đề phòng bệnh tật, anh em tù binh đấu tranh phải được uống nước chín, đòi mỗi ngày xe bồn chở nước đến và nhà thầu phải cung cấp đủ củi hoặc dầu để nấu nước. Anh em lấy cơm cháy đốt để vào nước uống cho khỏi tanh.

Việc rửa ráy tắm giặt: Thời gian đầu, việc bố trí ăn ở chưa ổn định, nên một số nơi địch chưa cho đào giếng. Hàng ngày, chúng chỉ chở nước ăn đến bằng xe bồn chứ không có nước rửa ráy, tắm giặt. Ngoài ra, ở những vùng đất cao như khu 10, đào giếng khó khăn nên cũng gặp phải tình trạng như trên.

Mỗi bữa ăn xong, anh em lấy cát chùi cả mèn rồi kiểm giấy của nhà bếp hoặc lấy vạt áo chùi lại. Có khi anh em phải lấy nước uống rửa cả mèn rồi uống nước rửa đó. Không có nước tắm giặt, xe nước hàng ngày địch chở đến không đủ ăn uống. Muốn cọ hết bẩn trong người, anh em phải vận động cho ra mồ hôi lấy tay mà chà xe từng lọn. Do vậy, anh em gọi đùa là kiểu “tắm xe”.

Thời gian sau, ở những vùng đất không cao, địch cho đào một giếng gần bếp để nhà bếp rửa ráy và đào hai ba giếng khác bên hông phân khu để anh em lấy nước rửa ráy, tắm giặt.

Việc trang cấp: Thời gian đầu, việc trang cấp rất sơ sài, anh em không có dụng cụ để ăn cơm, thiếu chiếu, mùng mền... Thời gian sau khá hơn, mỗi tù binh được cấp một chiếc chiếu cá nhân, một mền ni cá nhân, một cà mèn có nắp kèm một muống nhôm để ăn cơm, một ca inox để uống nước.

Mỗi năm cấp một bộ quần áo, là đồ cũ của lính, màu vàng hoặc màu xanh bị cắt ngắn ống tay hoặc ống chân, hay một bộ bà ba nâu. Về sau, anh em không chịu mặc đồ cũ của lính và đòi cấp mỗi năm hai bộ quần áo. Địch đồng ý miệng nhưng việc cấp phát cũng thất thường, sau này chỉ cấp bà ba nâu bằng vải tám, mặc chẳng bao lâu bị rách nên việc ăn mặc của anh em rất lôi thôi, lếch thếch, nhất là đối với anh em hay đi tập dịch, áo quần rách nát vì lao động.

Lúc đầu, tù binh đều đi chân không. Một số người lấy củi, ván đẽo thành guốc để mang. Anh em đấu tranh đòi cấp dép đi cho sạch sẽ. Địch đưa vỏ ruột xe hơi cũ vào cho anh em cắt phát mỗi người một đôi. Chúng chỉ cho làm loại dép hai quai chứ không cho làm loại bốn quai và khi đi làm bên ngoài, chúng bắt phải để dép lại trong phân khu, chỉ đi chân không, sợ anh em mang chạy trốn.

Về thuốc men chữa bệnh: Toàn trại giam có một bệnh viện. ở mỗi khu có một bệnh xá do một y tá phụ trách.

Trong báo cáo của ông Monod, Đại diện ủy hội quốc tế Hồng thập tự tại Sài Gòn về cuộc viếng thăm của ông tại các trại tù binh Phú Quốc trong những ngày 10, 11 và 12 tháng 6 năm 1970, ngoài nhận xét tù binh mang dấu vết bị đánh đập, bị xử phơi nắng, nhốt vào chuồng cọp và không có phương tiện giải trí thỏa đáng, bản báo cáo còn viết: “Về y tế, cũng lại quá thiếu thốn, chỉ có hai y sĩ chăm sóc cho toàn thể tù binh và nhân viên trong trại (kể cả gia đình nhân viên)”.

Nội quy của bệnh viện, bệnh xá là phải tuyệt đối im lặng, tai không được nghe, mắt không được thấy những gì xảy ra tại đó. Chúng bắt người bệnh phải chào, tỏ vẻ kính trọng đối với y sĩ, y tá. Nếu không chấp hành sẽ bị đánh về tội “thiếu tôn kính thầy thuốc”. Có tên y tá cầm khúc cây, hỏi đau ở đâu hấn đánh ngay vào chỗ đó. Chúng thường cho thuốc không đúng bệnh như bệnh phong ngứa mà cho ki-nin, kiết lị lại cho aspirin.

Anh Chiến, quê ở Bình Định bị bệnh thận nhưng tên y tá Cẩn cho uống một liều thật mạnh thuốc ngủ. Khi anh Chiến mê man, hấn tiêm cho một mũi thuốc gì không rõ làm cho anh không tỉnh lại nữa. Anh Nguyễn Văn Hạnh, quê Sóc Trăng bị bệnh lác. Tên y tá hỏi đau ở đâu, rồi hấn lấy một con dao sắc lóc cả da lẫn thịt chỗ bị lác, sau đó cầm máu qua loa. Vết thương bị nhiễm trùng, sưng tấy lên làm anh sốt li bì trong nhiều ngày...

Trong trại giam cũng có một số bác sĩ, y sĩ, y tá của ta bị địch bắt. Số anh em này tìm nhiều cách trị bệnh không dùng thuốc cho tù binh và thu được nhiều kết quả tốt như châm cứu, vật lý trị liệu.

Việc tạp dịch: Trừ hai phân khu sĩ quan, các phân khu khác phải đi làm bên ngoài như chuyển gạo từ tàu vào kho, đi làm cho hải quân, dọn dẹp linh tinh ở bên ngoài hoặc đi lấy củi về nấu bếp. Địch bắt buộc tù binh phải đi làm phục vụ những yêu cầu của chúng. Chúng nói: có làm mới có ăn, không thể ăn rồi ngồi không mãi. Nơi nào không chịu đi làm chúng bỏ đói hoặc bớt khẩu phần. Anh em đồng ý đi làm nhưng đấu tranh không làm những việc có tính chất quân sự như đào đắp công sự, làm hàng rào kẽm gai, đập đá làm đường và cũng đấu tranh không làm những việc phục vụ gia đình sĩ quan quân cảnh. Những yêu sách đó thường được đại diện của anh em trong phân khu nêu lên trong các cuộc đấu tranh. Nhiều lúc giằng co với nhau một thời gian khá dài và có khi phải đổ máu mới giành được thắng lợi.

Có những lúc bất ngờ đang đi làm ở bên ngoài, anh em bị địch buộc phải làm trái với thỏa thuận đã đạt được giữa hai bên. Có người tạm làm, sau đó về phản ánh lại trong phân khu và đại diện ra đấu tranh với chúng, đòi không được tái diễn. Nhưng cũng có những anh em phản ứng ngay tại chỗ, không chịu làm. Xa tập thể, lại ở trong hang ổ loài sói nên cuộc đấu tranh rất căng thẳng. Gặp trường hợp như thế, một mình hoặc tập thể nhỏ phải kiên định lập trường, dũng cảm, bình tĩnh đấu lý với chúng, nhiều khi phải chịu sự đánh đập, phạt vạ.

Ngoài việc tạp dịch, địch còn hành xác anh em bằng cách bắt chà láng xung quanh nền nhà phòng ở của mình. Mỗi buổi sáng, sau khi điểm danh xong, địch cho lấy cà mèn để chà láng. Nếu chà không láng, giám thị sẽ phạt hoặc đánh đập. Đây là vùng đất pha cát, chà xong gặp mưa nắng liền bị xói lở hoặc bị còng lên, sáng mai lại phải chà tiếp. Đông người, anh em chà một chút là xong ngay, chẳng nặng nhọc gì, nhưng anh em cho đó là một kiểu hành xác tù binh, không ích lợi gì nên đấu tranh đòi bỏ việc chà láng. Không lâu sau, địch chấp nhận yêu sách của anh em.

Việc điều hành trại giam: Thời gian đầu, địch ra sức tìm kẹp, đánh đập và nổ súng giết hại rất nhiều tù binh, nhưng chúng chưa có một chủ trương chính thức hoàn chỉnh về vấn đề điều hành trại giam.

Về sau, địch đã ban hành các tiêu lệnh điều hành trại giam. Theo đó, chúng cho phép nhân viên quân cảnh thẳng tay dùng vũ lực và nổ súng bắn giết tù binh mà không sợ bị một hình thức kỷ luật nào. Huấn thị được ban hành là nhằm hạn chế phong trào đấu tranh đang ngày càng dâng cao của tù binh, nhằm ngăn chặn các cuộc vượt ngục và để hỗ trợ việc cưỡng ép chiêu hồi... Từ khi huấn thị được ban hành, tù binh bị tìm kẹp gắt gao hơn, bị đánh đập càng nhiều, càng dã man hơn và quân cảnh viện dẫn theo huấn thị, nhiều lần bao vây và nổ súng hàng loạt vào trại giam làm hàng trăm tù binh chết và bị thương.

Cũng cần nói rõ là không phải khi ban hành tiêu lệnh rồi quân cảnh mới nổ súng vào trại giam mà trước đó chúng cũng đã nhiều lần bắn thẳng vào tù binh, giết hại rất nhiều người. Huấn thị về các tiêu lệnh điều hành trại giam là để hợp thức hóa hành động giết người của chúng, đồng thời để khuyến khích lính quân cảnh mạnh dạn hơn, thẳng tay hơn nữa.

Cũng từ đó, lính quân cảnh tỏ ra hung hăng hơn, bọn giám thị luôn miệng đe dọa sẽ thẳng tay đàn áp, thẳng tay dùng vũ lực. Về phía tù binh, dù chưa biết tường tận âm mưu lâu dài của địch, nhưng qua thái độ của giám thị và quân cảnh, anh em phán đoán chúng có chủ trương từ trên xuống sẽ khủng bố ác liệt hơn nên bàn bạc kế hoạch, chuẩn bị tinh thần sẵn sàng đối phó.

Ở trại giam Phú Quốc, tất cả giám thị và quân cảnh đều có quyền phạt vạ, đánh đập tù binh. Tuy nhiên, giám thị là bọn nắm quyền điều hành ở các phân khu, hàng ngày ở bên cạnh tù binh, nên chúng trực tiếp hành hạ anh em nhiều hơn. Bọn giám thị tìm kẹp hết sức gắt gao, bắt anh em phải chấp hành những quy định của chúng, đồng thời bày ra rất nhiều hình phạt vô cùng dã man nhằm hủy diệt tinh thần và thể xác của anh em tù binh.

Trong số những tên giám thị, quân cảnh ác ôn, có những tên nổi tiếng toàn đảo như tên trung úy Hiên, trưởng Ban giám thị kiêm trưởng Ban an ninh, thiếu úy Dốc, trưởng giám thị khu 6, thượng sĩ nhất Nhu, trưởng giám thị khu 2.

Trật tự là công cụ rất đắc lực của địch trong chiến dịch “chuyển hướng tư tưởng và phân loại tù binh”. Muốn cưỡng ép chiêu hồi, địch tổ chức đội trật tự (gồm những kẻ chiêu hồi chịu làm tay sai cho giặc) và dùng đám này liên tục đánh đập anh em. Chúng tổ chức thành đội, ở luôn trong trại giam, chỉ giao cho mỗi một nhiệm vụ đánh đập tù binh để thực hiện cho kỳ được mục tiêu của chúng. Bọn trật tự thay nhau đánh đập tù binh liên miên. Sáng đánh, trưa đánh, chiều đánh, tối đánh. Đánh ngày này sang ngày khác, tuần này sang tuần khác. Các vết thương không được chăm sóc mà còn bị đánh bồi vào cho lở loét thêm. Nhiều người bị chúng đánh đập dai dẳng, chịu không nổi đành phải gạt nước mắt vào khu Tân sinh hoạt. Có thể nói, dựng được khu Tân sinh hoạt phần lớn là nhờ sức của bọn trật tự. Do đó, nơi nào muốn thoát khỏi nạn đánh đập cưỡng ép chiêu hồi phải sớm nổi dậy diệt bọn trật tự, đuổi chúng ra khỏi phân khu.

Về các hình thức tra tấn, hành hạ người tù: Bọn quân cảnh có thể đánh tù binh bất cứ lúc nào và ở đâu chúng muốn, chủ yếu bằng dùi cui, báng súng, đá bằng giày. Còn bọn giám thị, được sự tiếp tay đắc lực của đám trật tự và các ban an ninh, điều hành, đã bày ra nhiều hình thức kỷ luật hành hạ người tù; có những hình thức chẳng khác gì thời trung cổ.

Chuồng cọp

“Chuồng cọp kềm gai” là phát minh của lực lượng đặc biệt lính mũ nồi xanh của Mỹ sử dụng ở trại giam Phú Quốc.

Khác với loại chuồng cọp trong nhà tường, loại chuồng cọp kềm gai làm bằng toàn dây kềm gai đan chằng chịt chung quanh và trên nóc. Chuồng cọp này làm ở ngoài trời trong phân khu. Phân khu nào cũng có hai ba chuồng cọp loại nhốt một người và loại nhốt 3-5 người. Kích thước chuồng cọp rất đa dạng. Có loại chỉ cho nằm dưới đất cát, có loại bắt nằm trên dây kềm gai, mặc cho gai đâm lủng thịt, chảy máu, có loại chỉ cho ngồi, không thể nằm hoặc đứng được, có loại chỉ cho ngồi lom khom, có loại chỉ có thể đứng lom khom, không đứng thẳng được mà cũng không ngồi thẳng được, muốn ngồi phải ngồi trên dây kềm gai.

Thường thường, khi phạt vào chuồng cọp, bọn giám thị bắt tù binh cởi áo, cởi quần dài, chỉ cho mặc quần cụt để phơi nắng, phơi sương hoặc cho dầm mưa suốt ngày đêm, mặc cho muỗi mòng tự do hoành hành. Nạn nhân chỉ được ăn một phần cơm rất ít với muối hoặc ăn lạt chứ không có thức ăn, mỗi ngày chỉ được một hoặc hai ca nước uống, muốn tiểu phải lấy tay moi cát tại chỗ, đi xong lấp lại.

Những đêm lạnh, thỉnh thoảng địch cho dội lên người trong chuồng cọp một xô nước lạnh gọi là để giải khát cho cọp hoặc để rửa chuồng. Những ngày nóng nực, chúng cho dội nước muối lên người, gọi là ướp cho mau lên cân. Có khi chúng cho đốt lửa gần sát chuồng cọp để “gọi cho cọp nhớ những trận cháy rừng ở Phú Quốc”.

Ngồi chuồng cọp vài ngày là toàn thân nạn nhân bị lột da. Nếu ngồi dài ngày, da ngoài bị lột, lên da non, rồi da non lại bị cháy lại lột tiếp. Nhiều lần như thế, lâu ngày, nạn nhân chỉ còn da bọc xương...

Lộn vĩ sắt

Bọn ác ôn cho lật ngửa tấm vĩ sắt loại có lỗ tròn và đầy mấu để mắc vào nhau làm đường sân bay rồi bắt tù binh cởi áo, cởi quần ngoài ra và cấm đầu xuống vĩ sắt lộn ra sau. Mỗi lần bị phạt lộn vài chục cái. Có khi chúng gọi hai ba tù binh ra xếp vĩ sắt và lộn cho chúng ngồi coi. Lưng trần quật xuống những mấu của chiếc vĩ làm rướm máu. Lộn vài lần là lưng tóe máu, đầu bị bức tóc, tróc da.

Đánh bằng chày vồ

Bọn giám thị và quân cảnh cho thợ mộc làm những chiếc chày vồ bằng gỗ có cán bên hông như chày giã gạo, vừa tay cầm. Chúng dùng chày vồ đánh vào bả vai của nạn nhân. Tên Nhu thường xách chày vồ ra biệt giam 2 do hấn quản lý đánh vào mắt cá

người tù. Trước khi lãnh cơm ăn, những người ngồi gần cửa biệt giam thường lãnh 5-10 chày vỗ vào mắt cá “cho ngon cơm” như chúng nói.

Khi đánh, mấy tên ác ôn không đánh nhanh mà đánh từng chày để khủng bố tinh thần người bị đánh và để thưởng thức hiệu quả của chiếc chày vỗ vào mắt cá tù binh như người nghiện không uống một hơi cho cạn ly, mà nhấp từng ngụm rượu để thưởng thức hương vị cay nồng của chất men. Khi thấy người bị đánh oằn oại vì đau đớn, bọn chúng nói: chày này hơi nặng, chày sau đánh nhẹ. Nói thế, nhưng chúng lại đánh mạnh hơn làm nạn nhân giãy giụa. Nhiều người bị đánh lê lét cả buổi không gượng dậy nổi.

Đánh bằng gậy

Một trong những kẻ ác ôn tàn bạo nhất là tên thượng sĩ nhất Nhu. Hắn có những chiếc gậy với những tên gọi khác nhau như “gậy bỏ cháo”, nghĩa là hề đánh người nào người đó không những không ăn cơm nổi mà cả cháo cũng bỏ luôn; “gậy sâu đời”, tức người bị đánh mang bệnh tật, tàn lụi và rầu rĩ suốt cả đời; “gậy đầu sanh đầu tử”, là nếu bị đánh bằng đầu sanh thì vẫn còn hy vọng sống, còn nếu bị đánh vào đầu tử thì có thể bị đánh chết luôn hoặc phải có người cõng vào trại chứ không thể đi nổi.

Hắn thường xách gậy vào tuần tra trong trại giam và lúc nào cũng sẵn sàng đánh đập anh em. Hắn hay nói: “Ngày nào không đánh tụi bay là tao ăn cơm không ngon”.

Tên Nhu thường đánh đập, hành hạ anh em bằng những dụng cụ “chuyên dùng” như chày vỗ, gậy bỏ cháo... do hắn tạo ra, chứ ít khi nào đánh bằng những dụng cụ “không chuyên”.

Đánh bằng roi cá đuối

Có những tên quân cảnh, giám thị hay đánh tù binh bằng roi cá đuối. Chúng lựa những đuôi cá đuối dài đem phơi để dành đánh tù. Khi đánh, chúng bắt anh em cởi áo ra để gai cá đuối bầu vào da thịt. Có khi chúng bắt nạn nhân cởi áo đưa hai tay lên trời để chúng dùng roi cá đuối quất thẳng cánh cho chiếc roi quấn lấy thân người bị đánh rồi giật ra làm da thịt bị rút theo, máu chảy ròng ròng. Có khi chúng còn lấy muối ớt xoa vào những chỗ bị đứt thịt làm cho anh em càng nóng rát và đau đớn...

Gõ thùng

Bọn giám thị có hai kiểu tra tấn bằng cách gõ thùng. Cách thứ nhất, bắt tù binh ngồi chồm hổm, lấy chiếc thùng phuy úp lên rồi lấy cây gỗ vào thùng. Người ngồi bên trong phải nhanh chóng bịt tai lại nếu không sẽ bị điếc vì tiếng gõ vào thùng và sức ép của không khí. Cách thứ hai là bắt tù binh cởi áo quần ngoài rồi ngồi vào trong một thùng phuy đổ đầy nước. Chúng lấy cây đánh vào hông thùng. Có người bị hộc máu vì sức ép của nước.

Đục răng và bẻ răng

Tên thượng sĩ nhất Nhu khét tiếng trên đảo là kẻ chuyên đục răng, bẻ răng tù binh. Để đục răng, hắn dùng một khúc cây nhỏ bằng ngón tay, dài 3-4 tấc, bắt tù binh há miệng ra, hắn đặt một đầu cây vào ngay chiếc răng định đục rồi dùng cây hoặc chày vỗ đóng

vào đầu kia một cái thật mạnh làm hai chiếc răng bị gãy tức khắc, miệng tóe đầy máu. Có khi hắn bắt người bị đục răng phải tự cầm cây đặt vào răng mình cho hắn đục. Nếu để chệch, bị đục gãy thêm răng thì răng chịu.

Còn bẻ răng, hắn không bẻ bằng kim mà bằng một cách đặc biệt. Hắn lấy một cây nhỏ bắt tù binh cắn một đầu rồi hắn dùng cây đánh lên hoặc đánh xuống ở đầu kia là răng gãy ngay. Muốn bẻ răng hàm dưới thì đánh ngược lên, còn muốn bẻ răng hàm trên thì đánh xuống.

Người từ các phân khu khác bị đưa đến biệt giam 2, trước khi vào trong biệt giam, hắn bắt phải nộp mỗi người hai chiếc răng. Hắn nói “Mày kích động đấu tranh hả? Trước khi vô biệt giam phải nộp hai cái răng con ạ”. Và hắn bẻ răng anh em như kiểu đã kể. Khi răng bị đục hoặc bị bẻ gãy, hắn chỉ cho nhổ răng ra, còn máu hắn bắt anh em phải nuốt vào cho “máu trở về tim” như hắn nói.

Lấy móng tay và móng chân

Bọn ác ôn, mà điển hình là tên Nhu cũng thường hay lấy móng tay, móng chân của anh em tù binh. Người đào hầm bị bắt được, hắn nói hai bàn tay cầm dụng cụ đào, nên hắn lấy móng tay. Người cui rào hắn nói do hai chân là thủ phạm chính nên hắn lấy móng chân.

Cách lấy móng tay của chúng là bắt nạn nhân đặt một ngón tay lên cạnh bàn rồi chúng dùng cây hoặc chày vò đánh mạnh xuống có hơi chệch ra. Móng tay bị bong lên có khi văng hẳn xuống đất, có khi còn dính lòng thông, máu chảy ròng ròng. Lấy móng tay này xong đến móng tay khác. Người tù binh bị đau đớn đến run rẩy, tái xám mặt mày, nhưng chúng vẫn mặc kệ, lần lượt lấy móng này xong đến móng khác. Có khi chúng lấy của một người vài ba móng, có khi lấy hết cả bàn tay, đôi khi lấy hết cả mười ngón tay.

Cách lấy móng chân cũng giống như thế. Sau khi lấy móng xong, chúng cho vào biệt giam, không được chăm sóc thuốc men. Anh em phải nhờ bạn bên cạnh xé quần áo băng bó, có khi phải dùng nước tiểu của chính mình xoa lên đầu ngón tay, ngón chân bị lấy móng để chống nhiễm trùng và cho bớt đau nhức.

Bớt cơm nước:

Với anh em trong biệt giam 2, mỗi bữa bọn giám thị chỉ cho mỗi người một nắm cơm, vắt lại nắm trên tay ăn với vài hột muối, không được nhiều hơn. Chúng bắt khiêng thùng cơm ra biệt giam rồi vắt trước mặt hắn đưa cho anh em ăn. Chúng không cho vắt sẵn, sợ anh em giấu thức ăn bên trong. Anh em đem cơm ra biệt giam, ai vắt nắm cơm hơi lớn, đưa muối hơi nhiều là không tránh khỏi chiếc gậy bỏ cháo lúc nào cũng sẵn trên tay chúng.

Mỗi bữa ăn, hai người được một ca nước uống. Nếu người uống trước uống hơi nhiều một chút thì người uống sau bị thiệt. Bởi vậy anh em sắp xếp một cặp uống nước chung cả ngày. Ai sáng uống trước thì chiều uống sau và ngược lại.

Tên thượng sĩ nhất Nhu còn bày nhiều hình thức đánh đập hành hạ khác. Có khi một mình hắn đánh đập anh em, cũng có lúc hắn cùng với nhiều tên quân cảnh và trật tự hành hạ tù binh. Một số anh em bị chúng đánh chết tại chỗ.

Ngoài những hình phạt nói trên, anh em tù binh còn bị gọi ra phòng giám thị hoặc lên Ban an ninh nằm trong khuôn viên của Bộ chỉ huy trại giam để đánh đập tra khảo với nhiều hình thức dã man. Ban an ninh, Ban điều hành và Ban giám thị nằm ở ba căn nhà gần nhau, không ngăn cách. Anh em tù binh bị gọi lên thường bị nhân viên của cả ba xúm lại đánh đập lấy cung. Có khi chúng còn gọi một số tên trật tự ác ôn đến tiếp tay với chúng.

Những người bị chúng nghi là đầu sỏ, lãnh đạo đấu tranh, lãnh đạo diệt chiêu hồi, tổ chức vượt ngục, tổ chức đào hầm hoặc vượt ngục bị bắt lại đều bị đưa lên các ban này. Đây là những ban gồm toàn những tên được chọn lọc kỹ, ác ôn nổi tiếng, đánh người không chút nương tay, giết người không chút xót thương. Chúng khảo tra để tìm tổ chức Đảng trong phân khu, tìm cán bộ lãnh đạo, bắt đánh đập, rồi tống vào biệt giam hoặc cho cách ly, đưa vào phân khu khác.

Kẻ địch hiểu rất rõ rằng, tổ chức Đảng và cán bộ cốt cán là linh hồn của các cuộc đấu tranh, nên lúc nào cũng ra sức tìm kiếm đánh phá các tổ chức Đảng và tiêu diệt cán bộ lãnh đạo để dễ dàng điều khiển tù binh trong trại giam theo ý muốn của chúng. Chúng dùng rất nhiều kiểu tra khảo hết sức dã man như đánh đập bằng thước bằng, bằng cọc sắt, chày vồ, đổ nước xà phòng, treo lộn mề gà, treo động dầu xuống đất để đánh, nướng sắt châm vào người, nướng người, ném vào chảo nước sôi, đóng đinh dài cả tấc vào mắt cá, đầu gối, xương ống quyển.

Những cuộc tra khảo của chúng đã làm nhiều người bị cụt tay chân, bị bệnh hậu suốt đời và nhiều người đã chết ngay trong phòng hoặc trên bàn tra khảo của chúng. Xin kể một số kiểu tra khảo:

Đóng đinh vào người

Tại phòng tra tấn của ba bọn ác ôn ở Bộ chỉ huy trại giam, địch thường dùng đinh 3-4 phân đóng vào các ngón tay của tù binh. Đóng một ngón hỏi một câu, mỗi lần đóng, xương ngón tay bị bể nát, máu chảy, nạn nhân đau đớn vô cùng. Sau này địch tiến thêm một bước, dùng đinh dài 7-8 phân hoặc cả tấc đóng vào người tù binh. Khi bóc mộ của anh em tại nghĩa địa tù binh ở đồi 100 đưa về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ Dương Đông thuộc huyện Phú Quốc, người ta đã tìm thấy nhiều bộ hài cốt liệt sĩ tù binh có các cây đinh 8 phân đóng vai người. Đó là những minh chứng về sự dã man, tàn bạo của kẻ địch đối với tù binh... Có người bị đóng tới 9 cây đinh vào cơ thể đến chết.

Đục lấy xương bánh chè, nướng sắt đỏ đâm xuyên qua bắp chuối

Anh Nguyễn Văn Ni, tức Bảy Ni quê ở Cù Chi bị địch bắt từ phân khu B2 lên Ban điều hành tra tấn, hỏi ai là Đảng ủy, ai là Bí thư. Đúng anh là bí thư Đảng ủy phân khu B2 đã lãnh đạo phân khu giành thắng lợi trong việc đánh đuổi tên trung sĩ giám thị trưởng ra khỏi phân khu, nhưng anh không khai. Tức tối, địch lấy còng sắt búng nhúng

đốt đỏ rồi đâm qua bắp chuối anh. Sắt đốt thịt cháy nghe xèo xèo. Đâm nhiều lần mới xuyên qua một bắp chuối. Chúng đâm thủng cả hai bắp chuối của anh. Mỗi lần sắt đâm vào, anh ngất xỉu, một lát sau mới tỉnh lại. Khi tỉnh, anh Bảy Ni mắng chúng là bọn bán nước, dắt quân Mỹ về giày xéo đất nước, giết hại nhân dân ta. Anh nhiều lần hô khẩu hiệu: *Đả đảo Mỹ - Thiệu! Hồ Chí Minh muôn năm!*

Bị đâm xuyên cả hai bắp chuối, nhưng anh Bảy Ni vẫn không chịu khuất phục, vẫn gọi chúng là bọn bán nước. Tên Chu Quốc Minh dùng đục đục lấy cả hai xương bánh chè của anh. Khi lấy xương bánh chè, thấy máu chảy lênh láng, chúng nói để chúng cầm máu cho. Tên Minh lấy sắt nướng đỏ châm vào chỗ đầu gối chảy máu. Thịt bị đốt chín, máu không chảy nữa. Nghe anh mắng chúng là quân bán nước, tên thượng sĩ Nhất Nhu dọa sẽ đục anh không còn một cái răng.

Sau đó, thấy anh bị nặng quá, đã kiệt sức, chúng cho anh lên băng ca đưa đi cấp cứu ở bệnh viện. Rồi từ bệnh viện chúng đưa anh vào biệt giam 2. Hôm sau, thấy sức khỏe của anh bị suy kiệt, anh em trong biệt giam kêu quân cảnh canh gác cho đi cấp cứu. Chiều, chúng lại đưa anh vào biệt giam. Đến khoảng hai mươi giờ, anh trút hơi thở cuối cùng trên tay anh Đoàn Thanh Phương, người đồng đội đang cùng ở trong biệt giam 2. Trước khi chết, anh còn gắng sức hô khẩu hiệu: *Đả đảo đế quốc Mỹ và tay sai! Hồ Chủ tịch muôn năm!* Anh hy sinh ngày 22-12-1969.

Cùng bị tra khảo tại Ban điều hành với anh Bảy Ni có anh Gương quê ở Thái Bình. Bị đánh đập dã man, anh Gương cũng luôn miệng mắng chúng là quân bán nước.

Chúng lấy cây cọc sắt đánh thẳng cánh vào bệ sườn anh đến 7-8 cây làm nhiều chiếc xương sườn bị gãy. Anh Gương bị chết ngay tại chỗ. Rất nhiều tù binh bị giặc hành hạ, tra tấn như vậy.

Ném người vào chảo nước sôi

Ở Trại giam tù binh Phú Quốc, địch cũng áp dụng hình phạt dã man như thời trung cổ. Đó là ném người vào chảo nước sôi.

Một trong những vụ như vậy xảy ra vào cuối tháng Giêng năm 1971, khi đó anh em ở phân khu B10 đấu tranh không làm những việc mang tính chất quân sự. Địch chấp nhận nhưng tỏ vẻ tức tối. Một bữa, chúng dẫn một số anh em đi làm bên ngoài. Tên quân cảnh canh giữ xô một anh té vào hàng rào dây kẽm gai. Anh em trong trại nhìn thấy phản đối, đòi cho anh em vào, không làm việc nữa. Chúng buộc phải chấp thuận. Tối đến, khi vào điểm danh, có mấy tên quân cảnh và giám thị ra hái ớt của anh em trồng phía sau. Một vài anh em lượm đá ném. Chúng bỏ đi ra. Sáng hôm sau, 30-1-1971, giám thị gọi 15 người bị tình nghi là đầu sỏ đưa qua nhà giám thị ở phân khu D10, tức khu chiêu hồi, để đánh đập ép buộc các anh vào ở trong khu chiêu hồi. Các anh không chịu. Nhiều tên trật tự do tên Huỳnh quê ở Phú Hòa Đông, Củ Chi làm trưởng nhóm tích cực tham gia đánh đập anh em. Hắn cầm dùi cui gõ súng mắt cá các anh. Trong số người bị đánh đập có anh Minh tức Đặng Văn Bê (quê ở Cai Lậy, Tiền Giang), anh Dương Văn Mến ở Củ Chi và anh Mười Lăm. Trong khi bị đánh đập, anh Minh mắng chúng là quân bán

nước và hô khẩu hiệu: *Đả đảo Mỹ - Thiệu! Hồ Chí Minh muôn năm!* Chúng bắt anh ngồi xuống, lấy bao chỉ xanh trùm vào người, xô ngã anh xuống rồi nắm miệng bao lòi sênh sênh vào nhà bếp và khiêng ném anh vào chảo nước sôi. Khi chúng lôi anh ra, anh Đặng Văn Bê bị vuột da trắng xác, chết ngay trong chảo nước sôi.

Sau khi kéo anh Bê ra, địch cũng trùm bao bố rồi khiêng ném người thứ hai vào chảo một chút rồi lôi ra. Có lẽ vì đã luộc anh Bê, lửa tàn, nước hơi nguội nên mấy giờ sau người thứ hai tỉnh lại. Không biết sau đó anh chết hay sống vì địch chuyển đi nơi khác và cũng không kịp biết tên anh.

Ở phân khu C6 cũng có trường hợp ba tù binh bị luộc chết vào năm 1969. Hôm đó quân cảnh dẫn anh em đi lấy củi. Khi đang lấy củi, quân cảnh đánh anh em, nên có 3 tù binh bực tức đánh lại làm một quân cảnh bị thương. Khi về phân khu, địch bắt ba anh ra trói ở cửa cổng và đánh đập dữ dội suốt ngày. Khi đánh đã mệt, chúng cho làm ba chiếc lò bắc ba cái chảo nấu nước sôi ở giữa các lớp rào kẽm gai, gần cửa cổng. Xong, chúng trùm bao bố ba anh em đem bỏ vào chảo nước sôi. Ba người bị luộc chết trên chảo. Chúng giết người một cách hết sức dã man không khác gì thời trung cổ. Mà không chỉ vài trường hợp như đã kể. Còn nhiều lần khác mà người chứng kiến chỉ là chính bọn chúng với nhau.

Ở phân khu B5 có trường hợp không ném vào chảo mà mức nước sôi dội đến chết. Lần đó chúng bắt anh Xô bỏ vào bao tải cột miệng lại rồi thay nhau đá như đá banh, bắt kẻ đầu mình tay chân. Khi đá đã chán chê, anh Xô không còn phản ứng gì nữa, chúng mức nước sôi dội lên người anh đến chết.

Ở phân khu C8, trong thời gian gần cuối năm 1970 cũng có trường hợp trùm bao bố dội nước sôi.

Gần cuối năm 1970, ở phân khu A8 cũng có vụ trùm bao bố, nhưng không phải dội nước sôi mà đổ lửa than đang cháy đỏ.

Đó là trường hợp anh Ba Dân quê Bến Tre. Đánh đập anh nhưng không khai thác được gì, bọn ác ôn lấy bao bố chỉ xanh nhúng nước lạnh trùm vào người anh Ba Dân, đè anh nằm xuống, rồi lấy xẻng xúc than đỏ đổ lên người anh. Than nóng làm anh Ba Dân phỏng nhiều chỗ. Sau đó chúng đưa anh đi khu khác.

Nướng người

Cũng ở phân khu C6, sau khi luộc chết 3 tù binh, địch bắt một tù binh đem nướng trên lửa. Người bị địch hành hạ là một du kích trẻ quê ở Cà Mau. Địch lập một cái giàn, để hai cây cọc sắt nằm song song cách mặt đất khoảng 8 tấc. Chúng cột anh du kích vào hai cọc sắt nằm ngang rồi lấy lửa đốt riu riu phía dưới như người ta nướng một con cá lóc. Lúc địch mới đốt lửa phía dưới thân mình, anh liên tiếp hô: *Đả đảo đế quốc Mỹ, đả đảo ngụy quyền Sài Gòn*. Lúc đã bị lửa đốt kiệt sức, anh kêu ba má mấy tiếng rồi chết.

Rà đèn điện cho mù mắt; Đổ nước xà bông sôi vào miệng

Ở A5 mặc dù địch không cho nhưng anh em vẫn kín đáo tổ chức học văn hóa. Có một anh người dân tộc thiểu số lúc bị bắt không biết chữ, nhờ anh em dạy, anh đã biết

đọc biết viết. Anh học rất say sưa. Một lần, vì mải mê học, anh bị giám thị bắt gặp. Hắn bắt anh ra, căng mắt lên rồi dùng đèn điện có công suất lớn rà qua rà lại rất lâu làm cho anh bị mù.

Anh em trong phân khu đấu tranh phản đối hành động dã man đó của giám thị và đòi để anh em được học văn hóa. Đang đêm, địch vào bắt anh Dương Bá Ngải, quê ở Hà Đông, khi bị bắt khai là chuẩn úy, vì nghi anh là người tổ chức dạy học. Địch đem ra đánh đập và tra khảo anh đêm đó và gần hết ngày hôm sau mới dẫn vào cổng, xô anh vào phòng. Mỗi anh bị lột, răng rụng gần hết, lưỡi cứng đờ, nói rất khó nghe.

Sau khi săn sóc cho anh hơi tỉnh một chút, anh em cố nghe anh nói: Địch nấu sôi nước xà bông đem đổ vào miệng anh. Anh là thượng úy, quê ở Hà Đông, có vợ và hai con. Ai còn sống xin báo với vợ con anh rằng, anh chết không hổ thẹn cho vợ con. Đó là những lời trần trời cuối cùng của anh Dương Bá Ngải.

Đốt miệng và đốt hạ bộ

Cũng ở phân khu A8 trong dịp cảnh cáo tên Nguyễn Ngọc Ai, địch dùng cách đốt người rất man rợ. Đến ngày thứ ba sau khi cảnh cáo tên Ai, chúng bắt anh Ba Vạn, quê Quảng Ngãi, là Bí thư Đảng ủy vùng 1 và anh Tô Hồng Minh, tên trong tù là Trần Văn Lung, quê Cà Mau, là ủy viên thường vụ Đảng ủy vùng 4 đánh tại cổng, rồi sau đó đưa vào nhà giám thị.

Tại đây, tên trung sĩ Điền đánh anh Ba Vạn, tên trung sĩ Nghĩa đánh anh Minh ở hai phòng khác nhau, mỗi bên có mấy tên trật tự tiếp tay. Đánh đập khảo tra mãi mà không được gì, chúng bèn đổi cách. Tên trung sĩ Nghĩa bắt anh Minh cởi hết quần áo ra. Hắn bảo phải khai, nếu không hắn sẽ cho đốt tuyệt tự, không còn có thể lập gia đình, có vợ con được nữa. Anh Minh không khai, chúng xếp hai chiếc băng song song nhau, có chừa khoảng cách ở giữa rồi bắt anh Minh ngồi bệt chân quàng qua hai chiếc băng, để đít ngay khoảng trống. Tên trưởng trật tự Dương Văn Hai bung đến một cái đĩa trong có để một nhúm bột màu đen. Hắn châm lửa đốt rồi đưa chiếc đĩa đầy lửa làm nứt da chảy nước rơi xuống kêu xèo xèo. Rồi chúng lấy đĩa ra, đi vào phòng anh Ba Vạn.

Một lát sau, chúng gọi anh em tù binh ra kẻ anh Minh và anh Ba Vạn vào phòng 1. Không biết chúng đốt anh Ba Vạn như thế nào, chỉ thấy miệng anh cháy đen, mắt đờ đẫn. Hỏi, anh lắc đầu, lấy tay chỉ vào miệng, không nói ra lời. Anh không ăn uống được gì. Thấy sức khỏe của anh có vẻ nguy kịch, anh em đòi đưa đi cấp cứu. Hôm sau, địch gọi 4 tù binh ở phòng 1 ra, trong đó có anh Chớ, quê ở Bình Định. Khi trở vào, anh Chớ cho biết, anh Ba Vạn đã hy sinh. Bốn anh đã tương liệm và đem đi chôn ở đồi 100.

Chôn sống tù binh

Khoảng tháng 9-1970, một buổi sáng, bọn quân cảnh bắt chừng 25 tù binh từ nhiều phân khu, mỗi phân khu 3-4 người, đưa đến nghĩa địa đồi 100. Chúng bắt anh em ngồi bên ngoài nghĩa địa, cách chừng 20 mét và ra lệnh tất cả phải ngồi im nhìn, không được lên tiếng, không được động đậy. Nếu trái lệnh sẽ nổ súng. Lính quân cảnh bao vây dày đặc chung quanh anh em.

Một lát sau, chúng dẫn một tù binh đến. Anh này bị trói thúc kè, bị bịt mắt, mặc bộ đồ bà ba tù binh màu nâu, bước đi vấp ngã lạng quạng, nên bị quân cảnh xô đẩy chúi nhủi và chúng chửi thề liên tục. Vào trong nghĩa địa, chúng bắt anh ngồi xuống và ra lệnh cho bọn trật tự đào huyệt. Người tù binh bị bịt mắt ngồi im. Có lẽ anh không biết chúng đang đào hố chôn mình. Đào xong, bọn quân cảnh dẫn anh đến đập xuống hố. Anh vùng vẫy. Quân cảnh lấy báng súng đè anh xuống, ra lệnh cho bọn trật tự lấp đất chôn sống anh.

Địch cho một số anh em tù binh chứng kiến việc chôn sống người đồng đội, đồng cảnh của mình là để đe dọa anh em không được đấu tranh, không được chống lại chúng. Theo một số anh em kể lại, người tù binh bị chôn sống là một cán bộ quân đội cấp đại úy, tiểu đoàn trưởng. Khi bị địch bắt anh khai là chiến sĩ nên chúng giam giữ ở B2, một phân khu chiến sĩ. Sau đó, địch phát hiện chắc chắn anh là đại úy tiểu đoàn trưởng nên bắt anh ra đánh đập, buộc anh phải khai đúng cấp bậc của mình. Anh kiên quyết chống lại, nói mình chỉ là một chiến sĩ nên địch tức tối, đưa anh đi chôn sống.

Chiếu đèn

Có một cách tra khảo cũng dễ làm chết người. Đó là chiếu đèn điện lên mặt. Để thực hiện hành động dã man ấy, chúng trói tù binh lại và để nằm ngửa, đầu cột chặt xuống bàn, mắt băng keo rồi để đèn điện công suất lớn ngay trên mặt. Khoảng một tiếng đồng hồ sau, người bị chiếu đèn mồ hôi vã ra, cơ bắp bị co lại như con cá bị sấy trên lửa. Một lúc sau, chúng tắt đèn, mắt người tù bị nổ. Con lạnh đột ngột kéo đến, người tù có thể sẽ chết ngay.

Nhiều lần nổ súng vào trại giam

Ngoài việc phạt vạ, đánh đập, dùng nhục hình làm nhiều tù binh chết và bị thương tật, địch còn thường nổ súng vào trại giam gây biết bao tội ác như vụ nổ súng làm gần 30 người chết và bị thương ở B6 cuối tháng 1-1969.

Tờ báo “Dân” xuất bản ở Sài Gòn số ra ngày 4-6-1970 có đề cập đến vụ nổi loạn của tù binh tại trại giam Phú Quốc ngày 30-5-1970. Trong phiếu trình cùng ngày 4-6-1970 của tên trung tá Đỗ Đức Tâm, trưởng khối quân sự vụ gửi tên thiếu tướng chánh văn phòng Tổng thống ghi như sau:

“Nhu thường lệ, vào mỗi buổi sáng, lúc 7 giờ, giám thị khu trại giam tập hợp tù binh. Đoàn trưởng tù binh điểm danh và báo cáo. Tuy nhiên vào sáng 30-5-1970, khi tập hợp, có một số tù binh đề bắt ông giám thị và giết chết ngay. Nhân viên gác trên đài quan sát khu giam có bắn chỉ thiên để dọa tù binh nhưng vô hiệu. Liên sau đó, số tù binh trong trại giam lợi dụng vụ lộn xộn toan vượt cổng để đào thoát ra rừng.

Thành phần ứng trực trại giam đã đến kịp thời và nổ súng vào đám tù binh toan vượt rào. Kết quả: 7 chết, 54 bị thương (22 nặng được đưa về tổng y viện cộng hòa). Nhân viên trại giam: 1 giám thị bị giết chết, 1 quân cảnh bị thương.

Đây là một vụ tàn sát khá lớn. Bên lề phiếu trình bày này có bút phê của Tổng thống ngự quyền Nguyễn Văn Thiệu: “Có lẽ Thủ tướng cho đại bác Đắc làm việc này

có hiệu quả hơn là ở Chí Hòa”. Qua ý kiến của Thiệu, Thủ tướng Trần Thiện Khiêm ra lệnh điều Trần Vĩnh Đắc ra làm Chỉ huy trưởng trại giam tù binh Phú Quốc.

Tuy nhiên, sự thật không phải tù binh toan vượt rào giữa ban ngày như vậy!

Hàng rào quanh trại giam gồm hàng chục lớp dây kẽm gai, bùng nhùng, bên ngoài xung quanh toàn là nơi đóng quân của quân cảnh và có một khoảng xa hoàn toàn trống trải, không thể công khai vượt thoát khỏi những họng súng liên thanh ở 6 chòi canh của liên phân khu lúc nào cũng sẵn sàng nhả đạn. Do đó, muốn trốn khỏi trại giam, tù binh không dại gì vượt rào ban ngày như vậy.

Một vụ khác xảy ra đầu tháng 2-1970, địch đã bắn chết và làm bị thương hơn 40 tù binh ở A4.

Năm đó không có ngày 30. Sáng 29 Tết, địch cho bọn trật tự vào nhìn mặt, lôi người ra đánh. Biết ai mà nhìn? Chúng coi mặt người nào thấy không ưa là kéo ra đánh. Địch muốn làm một trận phủ đầu để ăn Tết.

Khi bọn trật tự vừa lôi anh em ra đánh, toàn phân khu ào lên đánh lại. Anh em chỉ đánh bằng tay không. Một số người dùng guốc cây đập vào đầu chúng nhưng không ăn thua gì. Nhờ đội xung kích có búa bừa củi khóa đuôi nên 3 tên trật tự bị chém chết tại chỗ, một tên bị móc cả hai mắt.

Địch cũng ở trong tư thế sẵn sàng, nên khi anh em vừa ào lên đánh trật tự, bọn quân cảnh liền nổ súng yểm trợ. Anh em tù binh chiến đấu rất dũng cảm. Mặc dù quân cảnh nổ súng dữ dội, một số đồng đội đã ngã xuống, nhưng anh em vẫn quyết tâm diệt cho được một số tên để trừ hậu họa. Một lúc sau, bọn trật tự chạy thoát ra ngoài, để lại 3 xác chết và 1 tên bị thương rên la khóc lóc, quờ quạng mò đường ra cửa.

Bên tù binh, 13 người chết, khoảng 30 anh em bị thương. Chỉ huy trưởng trại giam đến, hứa sẽ không cho trật tự vào khu nữa và sẽ cung cấp lương thực thực phẩm đầy đủ theo tiêu chuẩn quy định. Anh em đồng ý cho đưa người bị chết và bị thương ra.

Hôm sau, địch vào bắt 19 người, phần lớn thuộc đội xung kích bừa củi, đem ra đánh tìm người chủ mưu, rồi đưa vào biệt giam 4 ngoài trời.

Khoảng giữa năm 1970, còn trong đợt cưỡng ép chiêu hồi, địch đưa một số anh em chiến sĩ quê miền Bắc từ D5 sang D4.

Tại đây, tuy không đánh đập cưỡng ép chiêu hồi như ở các phân khu chiến sĩ quê miền Nam, nhưng chúng cũng tìm cách hạ uy thế anh em. Chúng bắt tù binh trước khi ra khỏi cổng đi làm bên ngoài và khi về trước lúc vào phân khu, phải hô khẩu hiệu phục tùng kỷ luật của trại giam. Anh em không chịu hô. Bọn giám thị đe dọa sẽ trừng phạt, nếu không chịu tuân lệnh. Anh em bàn bạc phải kiên quyết chống lại, nếu không, được đảng chân lân đảng đầu, anh em sẽ bị khó khăn nhiều hơn.

Một buổi sáng, trước khi đi làm, địch lại bắt anh em hô khẩu hiệu. Anh em không hô. Tên giám thị xông vào đánh. Anh em đứng lên phản đối. Người từ các phòng cũng ủa ra sân hô khẩu hiệu đả đảo việc bắt hô khẩu hiệu và đánh đập tù binh.

Quân cảnh lập tức kéo đến bao quanh bên ngoài và nổ súng vào trại giam làm 1 tù binh chết, 8 người bị thương.

Nhưng, có lẽ người tù ở Phú Quốc không thể quên cuộc tàn sát đẫm máu nhất của địch, làm hàng trăm người chết và bị thương. Đó là ngày 6-5-1972. Hôm đó, buổi sáng, địch cho tập hợp toàn thể anh em phân khu B8 ra sân trống ngoài phân khu để chúng lục soát trong phân khu, tìm “vũ khí bén nhọn” và tìm hầm. Cuộc lục soát kéo dài gần đến trưa. Anh em ngồi ngoài trời, bị nắng nóng suốt mấy tiếng đồng hồ, vừa đói, vừa khát. Đến khoảng 10 giờ, địch mới cho anh em trở vào phân khu và đưa lương thực, thực phẩm đến cho anh em nấu cơm ăn. Cơm nấu bằng loại chảo lớn nên không thể nhanh được. Đến chiều anh em mới ăn xong bữa cơm sáng. Anh em đòi nấu tiếp bữa nữa, nhưng địch không cho, nói rằng trời đã tối, anh em mới ăn xong còn no và nếu nấu một bữa nữa, thì đến khuya mới xong, khó khăn cho chúng trong việc tuần tra canh gác. Hai bên tiếp tục giằng co nhau. Địch bắt anh em đem cà mèn ra không cho nấu tiếp. Anh em không chịu. Lính quân cảnh được lệnh kéo đến dàn bên ngoài B8. Tên tiểu đoàn phó tiểu đoàn 8 cùng với giám thị và quân cảnh kéo vào trong phân khu, lệnh cho anh em đem cà mèn ra. Anh em không đem. Lúc đó khoảng 20 giờ. Địch bắt đầu đánh đập. Anh em bực tức đánh lại. Chúng vội vã tháo chạy và gọi bên ngoài nổ súng yểm trợ. Súng nổ như một trận đánh lớn, tầm bắn càng lúc càng hạ thấp. Anh em chết và bị thương hàng loạt, nhưng vẫn đánh bắt được tên giám thị trưởng Đinh Trọng Kính và tên trung sĩ Vũ Đình Khoan giữ lại ở phòng 6.

Một lát sau, tên trung tá Chỉ huy trưởng trại giam Bùi Bằng Dục đến đề nghị đưa người bị thương ra. Anh em đòi trừng trị tên chỉ huy đã ra lệnh nổ súng giết hại tù binh, từ nay chấm dứt bắn vào trại, phải phát cá tươi, lương thực đầy đủ, chôn cất người tử tế, để anh em đưa đi chôn và tổ chức lễ truy điệu, điều trị người bị thương đàng hoàng. Hắn chấp thuận.

Mặc dù giặc bùng bít sự thật, chỉ báo cáo cuộc nổ súng này đã giết chết 13 tù binh, làm bị thương 56 người. Nhưng theo anh em trong phân khu B8, có khoảng 140 người chết và bị thương (có một số người bị thương nhẹ không báo cáo).

Đây là cuộc tàn sát lớn nhất xảy ra tại trại giam tù binh Phú Quốc.

Biệt giam

Khoảng giữa năm 1968, khi phong trào đấu tranh của tù binh lên cao, địch lấy hai phân khu B2 và A6 làm phân khu biệt giam. Đây là những phòng giam mà chúng áp dụng những hình thức quản lý và chế độ hết sức khắc nghiệt, độc ác đối với người tù. Trong phân khu chúng cho rào cách ly từng cụm ba phòng hoặc cách ly từng phòng, có chế độ kiểm soát thật gắt gao, tù binh thường xuyên bị phạt vạ, bị đánh đập hết sức tàn nhẫn. Các biệt giam nằm bên ngoài phân khu, ở khoảng đất trống giữa hai liên phân khu A + B và C + D. Có bốn biệt giam ngoài phân khu là biệt giam 2, 4, 5 và 6.

Tại biệt giam, địch lấy bùng nhùng quần nhiều lớp, trên lợp nhà dù, tù binh phải nằm dưới đất, không có chiếu, mùng mền. Riêng khu biệt giam 2, bên trong bùng nhùng

địch còn cho dựng một lớp vĩ sắt, bề ngang hai tấm, bề dài ba tấm, một phần vĩ sắt được âm dưới đất và các tấm khác cột vào cọc sắt chồng lên cao khỏi đầu, nên cũng bằng sắt, trên phủ nhà dù. Biệt giam 2 khá kiên cố, rất nóng nực vì vĩ sắt cản gió và ánh sáng rất ít được lọt vào.

Biệt giam 2 có diện tích 54 mét vuông nhưng có lúc địch giam đến 180 người. ở trong biệt giam, anh em chia ra, phân nửa nằm, phân nửa ngồi. Khi quân cảnh đổi gác, anh em cũng đổi phiên, người nằm ngồi dậy, người ngồi nằm xuống. Lúc ngủ phải nằm nghiêng, co chân gác lên vai người trước. Lúc đông quá, không đủ chỗ nằm, anh em phải phân chia một số người đứng. Khi đến phiên, một số người ăn ngủ đều phải đứng.

Mỗi ngày chúng cho ăn hai bữa cơm, vào lúc 10 giờ đến 16 giờ. Mỗi bữa ăn, mỗi người được một nắm cơm vắt bằng cái bóng đèn tròn, ăn với một ít muối hột. Người đem cơm ra bới và trực tiếp vắt rồi cho từng người trước mặt giám thị chứ chúng không cho vắt sẵn trong phân khu, sợ anh em vắt thật chặt, cơm nhiều hoặc giấu thức ăn trong vắt cơm hay cho nhiều muối. Anh em trong biệt giam cầm cục cơm ăn bằng bàn tay dơ dáy, hơi hám chứ không có dụng cụ gì cả.

Mỗi người một ngày chỉ được một ca uống, vào hai bữa ăn, sáng nửa ca, chiều nửa ca. Anh em phân cặp với nhau uống nước, sáng người này uống trước, chiều người kia uống trước cho “công bằng”.

Ở trong biệt giam, những lúc nóng nực, mọi người đều cởi trần truồng. Anh em lấy quần áo nối lại thành một sợi dây dài có tua lòng thông cột ngang biệt giam rồi phân công hai người đứng đưa như đưa võng cho có gió, đỡ ngột ngạt.

Thùng cầu tiêu để ở góc tây nam. Bốn năm ngày mới đi tiêu một lần vì ăn uống chẳng có bao nhiêu. Khi tiêu phải xé tí chút quần áo của mình để chùi.

Khoảng một tháng rưỡi hoặc hai tháng địch mới cho tắm một lần. Mười người tắm một nửa phuy nước, nhưng vì thùng phuy bị đục lỗ xỏ quai và khiêng đi lắc đổ nên còn không được nửa phuy. Gặp nước, anh em vồ lấy uống dù biết rằng đó là nước sông và bị quân cảnh đánh đập. Chúng hối thúc anh em tắm cho nhanh nên anh em chẳng kịp kỳ cọ gì, chỉ chà xát qua loa và đứng ra cũng không có nước để tắm cho sạch.

Hàng ngày không có nước rửa ráy, không có thuốc men trị bệnh, nhiều người bị ghẻ lở toàn thân rất hôi thối. Bọn quân cảnh canh gác phải đứng phía đầu gió cách vài chục mét mới chịu nổi. Điều kiện vệ sinh như vậy, nên rận rất nhiều. Mỗi ngày một người giết ít nhất một chục con nhưng cũng không hết. Thỉnh thoảng, khi nghe có tin phái đoàn quốc tế đến, địch đưa anh em giấu ở rãnh tranh và cho quét dọn, làm vệ sinh trong biệt giam nên có đỡ rận muỗi được ít hôm.

Tên thượng sĩ nhất Nhu trực tiếp cai quản biệt giam 2. Vì vậy, biệt giam 2 cũng là biệt giam ác liệt nhất. làm cho nhiều anh em bị thiệt mạng hoặc bị tàn phế. Biệt giam là nơi địch giam giữ những người chúng cho là lãnh đạo đấu tranh, những người cứng đầu, kiên quyết chống lại chúng, những người nhận trách nhiệm diệt bọn mật báo, bọn trật tự hoặc tổ chức vượt trại. Tất cả anh em này, trước khi bị đưa đến biệt giam, phải trải qua

những trận đòn hết sức khốc liệt ở Ban điều hành, Ban an ninh. Có những anh em, khi đến biệt giam đi không nổi nữa.

Thế nhưng, trước khi vào biệt giam, mỗi người đều phải làm “thủ tục nhập trại”. Tùy từng nơi từng lúc, “thủ tục nhập trại” có thể là nắm chày vỗ vào mắt cá, mười thước băng vào ngực, nắm gậy vào cùi chỏ hoặc nộp cho thượng sĩ nhất Nhu hai cái răng. Ít khi chúng miễn thủ tục nhập trại, họa chăng là vì chúng quá mệt mỏi.

Chiều chiều, bọn an ninh thường vào biệt giam đánh anh em. Nhiều khi chúng rủ 4, 5 tên kéo nhau đến biệt giam lôi anh em ra đánh đập, chửi bới. Những lúc rượu đã nhập tâm, chúng càng tỏ ra hung hăng hơn. Chúng đánh anh em không để khai thác tin tức, cũng không phải vì anh em vi phạm kỷ luật, mà để trút mối căm thù lên những người cách mạng đã sa cơ, để trả thù những thiệt hại của chúng trên chiến trường, có khi chỉ đơn giản là để giải trí.

Trước mỗi bữa ăn, một số anh em phải lãnh mỗi ngày 5-10 gậy để cho “ngon miệng” hay “máu dễ lưu thông” như tên Nhu thường nói. Ban đêm thỉnh thoảng chúng cho mang thùng nước xà phòng hoặc nước có hòa tiêu hay ớt vào dội lên anh em gọi là để cho “tỉnh giấc”.

Vì ăn uống thiếu thốn, không có những điều kiện vệ sinh tối thiểu, nên tất cả mọi người trong biệt giam đều bị suy dinh dưỡng, người còn da bọc xương, một số người bị bệnh kém dẫn thị lực hoặc mù hẵn như anh Hà Văn Thạnh. Anh Thạnh trước kia công tác an ninh ở khu Sài Gòn - Gia Định. Bị nhốt trong biệt giam 2 lâu ngày, đôi mắt anh bị kéo mây, mờ dần rồi mù hẵn. Sau khi trao trả, anh được đưa sang Cộng hòa dân chủ Đức điều trị, nhưng không khỏi. Anh mất năm 1990, sau gần 20 năm sống không có ánh sáng. Anh Lê Tấn Quốc khi bị bắt là ủy viên Ban cán sự FK6 (Sài Gòn - Gia Định) nay đôi mắt chỉ thấy lờ mờ vì bị 325 ngày nhốt trong các biệt giam. Biệt giam ác liệt đến nỗi từ biệt giam về phân khu giam, anh em cảm thấy như từ nhà tù về nhà mình...

Kẻ địch không bao giờ chịu để cho tù binh yên. Anh em phải liên tục đấu tranh, bất chấp sự dã man, tàn bạo của kẻ thù. ở trại giam Phú Quốc, tính chất khốc liệt thật khó mà diễn tả đầy đủ được. ý chí bất khuất, kiên trung của người chiến sĩ cách mạng cũng không giấy bút nào diễn tả hết được.

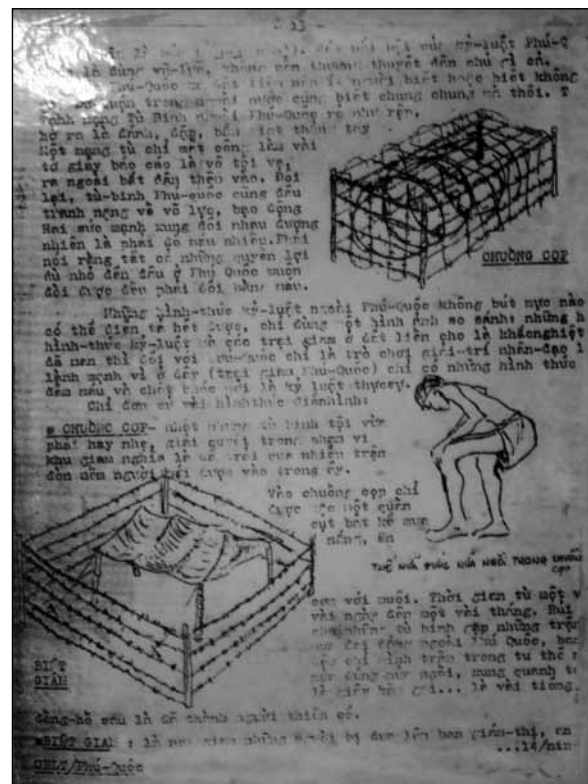
(Theo “Nhà lao Phú Quốc - NXB Lao Động - 2005”)

CÁC HÌNH THỨC ĐÀN ÁP KHỦNG BỐ TÙ BINH Ở PHÚ QUỐC

- Chuồng cộp kẽm gai
- Lộn vĩ sắt
- Đánh bằng chày vồ
- Đánh bằng gậy
- Đánh bằng roi cá đuối
- Gõ thùng
- Đục răng và bẻ răng
- Lấy móng tay, móng chân
- Bớt cơm, nước
- Đóng đinh vào người
- Đục lấy xương bánh chè
- Nướng sắt đỏ đâm xuyên bắp chuối
- Ném người vào chảo nước sôi
- Nướng người
- Rà đèn điện cho mù mắt
- Đổ nước xà phòng sôi vào miệng
- Đốt miệng và đốt hạ bộ
- Chôn sống tù
- Chiếu đèn
- Nổ súng vào phòng giam
- Biệt giam
- Bỏ người vào bao quảng xuống biển
- Dùng ván xiết ốc vít ép vào ngực tù binh cho đến chết
- Tra điện

CÁC HÌNH THỨC ĐẤU TRANH CỦA TÙ BINH Ở PHÚ QUỐC

- Đấu tranh chính trị
- Đấu tranh trực diện
- Tuyệt thực
- Diệt một báo và bọn trật tự
- Đánh bắt quân cảnh, trừng trị giám thị
- Mổ bụng để đấu tranh
- Đấu tranh chống chiêu hồi và lập trại tân sinh hoạt
- Tổ chức vượt ngục bằng nhiều hình thức



TRẠI GIAM TÙ BINH PHÚ QUỐC TỘI ÁC DÃ MAN CỦA GIẶC VÀ Ý CHÍ KIÊN CƯỜNG, BẤT KHUẤT CỦA NGƯỜI CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG

“**T**rại giam tù binh Cộng sản” theo cách gọi của Mỹ - ngụy ở Phú Quốc thực sự là một nhà tù lớn, được bao bọc bởi hàng chục lớp hàng rào kẽm gai kiên cố, đủ loại, có mìn gài quanh, giữa hàng rào có đường ô tô chạy xung quanh để giặc thường xuyên tuần tra; Chòi canh, ụ súng dày đặc.

Nhà tù Phú Quốc dưới thời Mỹ - ngụy được chia làm 12 khu, mỗi khu có từ 40-42 nhà giam (tổng số có trên 500 nền dẫy nhà). Mỗi khu giam từ 3.000-3.400 tù nhân. Trong mỗi khu giam lại gồm có 4 phân khu (A, B, C, D) - Mỗi phân khu có 9 dãy phòng, nhà tiền chế loại 100m² - Đó là cách địch giam giữ tù nhân phân tán, cách ly, chia nhỏ để dễ bề quản lý, khống chế...

Vòng ngoài trại giam là hệ thống căn cứ của địch được bố trí không chỉ liên quan tới quân sự của đảo mà còn nhằm hỗ trợ kiểm soát tù nhân khi cần thiết. Đó là căn cứ hải quân vùng IV với hải đoàn mang bí số 42 nằm ở phía cực Nam đảo (cùng với chính quyền hành chính của ngụy quyền ở xã An Thới); Phía Bắc đảo có Rạch Đầm giống như một hàng rào tự nhiên ngăn 2 vùng, tại đây có Ban chỉ huy Tiểu đoàn 505 Bảo An, chỉ huy 5 liên đội chốt giữ các cao điểm xung quanh; các đồn bốt án ngữ từ Đông sang Tây dọc theo con Rạch Cầu Sấu; Về phía Tây Bắc có ngọn đồi 161 địch xây dựng đài Ra đa do 2 trung đội lính án ngữ, có nhiệm vụ kiểm soát vùng đảo và cả vùng vịnh Thái Lan.

Ngoài hệ thống các giám thị, trại giam còn có 4 tiểu đoàn quân cảnh thường trực

làm nhiệm vụ canh giữ tù binh. Trong trại giam còn có 3 trung đội quân khuyến (chó) làm nhiệm vụ canh giới và truy lùng tù nhân nếu đào thoát. Các đơn vị quân bảo vệ sân bay, tiếp lương, quân y... cũng được định bố trí đầy đủ... Như vậy, nhà tù Phú Quốc, đã thực sự là một nhà tù lớn nhất mà Mỹ - ngụy sử dụng giam tù binh.

Nhà tù Phú Quốc - Một chứng tích lịch sử mãi mãi ghi dấu những tội ác man rợ của Đế quốc Mỹ và tay sai. Sự ác độc và xảo quyệt của giặc khó mà diễn tả đầy đủ được. Chúng đối xử với người tù không bằng đối xử với một con vật. Những hành động tội ác của giặc ở nhà tù Phú Quốc không chỉ biểu hiện bằng dùi cui, báng súng, mũi giày... thường xuyên sử dụng đánh tù mà đó còn là những hình thức tàn bạo khác như: Giam nhốt chuồng cọp; Lộn vĩ sắt có máu; Đánh bằng chày vôi; Đánh bằng roi cá đuối; Gò thùng; ném người vào chảo nước sôi; Đục - bẻ răng; Lấy móng tay, móng chân; Đóng đinh vào cơ thể; Đục lấy xương bánh chè; Nung sắt đỏ đâm xuyên bắp chuối; Đốt miệng, đốt bộ hạ; Chôn sống... Chỉ nghe qua thôi, không ít người đã rùng mình, ghê tởm. Vậy mà bọn ác ôn ở nhà tù Phú Quốc thường xuyên dành cho người tù những đòn tra tấn độc ác, tàn bạo như vậy.

Giờ đây đến thăm khu di tích nhà tù Phú Quốc, tận mắt chứng kiến một số dụng cụ bọn giặc dùng để tra tấn, để hành hạ người tù, người xem không khỏi xúc động, không khỏi bàng hoàng, kinh sợ và căm thù bọn “mặt người dạ thú”. Tội ác của giặc thật là “Trời không dung, đất chẳng tha”.

Có lẽ vì sự khốc liệt ấy mà mặc dù nhà tù tồn tại chỉ trong 6 năm (1967-1973), trong số hàng vạn chiến sĩ bị giam cầm ở đây (lúc cao nhất là tới 40.000 người), đã có hơn 4.000 người bị chết trong các trại giam, hàng nghìn người bị tàn tật suốt đời; Nỗi đau thương không thể kể hết được!

Nhưng cũng chính tại nhà tù Phú Quốc, ý chí quật cường của những người chiến sĩ cộng sản đã được thể hiện sâu đậm, bền bỉ. Những cuộc đấu tranh quyết liệt với địch đòi cải thiện chế độ sinh hoạt, chống tra tấn, đánh đập tù nhân... diễn ra thường xuyên. Đặc biệt, trong hoàn cảnh bị giam cầm và khủng bố ác liệt, những người chiến sĩ cách mạng trong nhà tù vẫn luôn giữ vững khí tiết, kiên quyết bảo tồn phẩm chất cách mạng của mình cho tới ngày trở về với đội ngũ.

Địch âm mưu dùng mọi thủ đoạn thâm độc, tàn ác nhằm hủy diệt về thể xác và tinh thần của người chiến sĩ ngay từ lúc bị bắt đến suốt thời kỳ bị giam tù, hòng buộc họ phải theo “chính nghĩa quốc gia”. Những người chiến sĩ đã kiên quyết chống lại âm mưu đen tối đó, bảo vệ bằng được lý tưởng, không run sợ và khuất phục trước đòn roi và sự tra tấn dã man của địch.

Niềm tin vào chiến thắng, vào cách mạng cùng với khát vọng tự do đã trở thành động lực mạnh mẽ để các chiến sĩ tìm mọi cách vượt ngục. Vượt ngục đã trở thành “truyền thống” của các tù nhân ở nhà tù Phú Quốc với rất nhiều cách khác nhau. Đã có 41 vụ vượt ngục, trong đó có 16 lần vượt lẻ tẻ, 14 lần vượt rào, 4 lần ra bằng đường hầm, 7 lần cướp súng của địch... Thành công nhiều mà thất bại cũng không ít. Song, không gì

ngăn cản được ý chí vượt ngục của tù nhân ở đây. Họ tổ chức cướp súng của giặc khi đi lao động ngoài trại tạm giam để vượt ngục; Họ cùng nhau phá rào, vượt rào ban đêm để vượt ngục; Có trường hợp nằm trong thùng rác hôi thối để anh em khiêng đi đổ rồi vượt ngục... Đặc biệt là những kỳ tích về đào hầm ngầm từ nhà giam thoát ra ngoài để vượt ngục chỉ với những chiếc muỗng nhỏ xíu tự tạo... ý chí, khát vọng của con người, của các chiến sĩ bị giam cầm trong nhà tù Phú Quốc thật vô cùng lớn lao!

Đã có hơn 400 người vượt ngục ra ngoài, nhưng chỉ có 239 người đến được đích. Mới hay gian khổ, quyết liệt làm sao! Tổ anh Hai Hội, anh Tư Phước phải đi mất 11 ngày mới gặp được cơ sở; Tổ anh Ba Toàn có 6 người may mắn hơn đi mất 6 ngày; Tổ của anh Hồng lại mất tới 16 ngày đói khát để tìm về được với căn cứ của ta... Và còn bao nhiêu người khác, tổ vượt ngục khác, biết bao nhiêu ngày? Ai còn ai mất? Nhưng điều quan trọng hơn là họ ra tù không phải để trốn chạy, để dung thân, hay chỉ để tránh nỗi khổ đau chết chóc nơi nhà tù. Hầu hết những người thoát ra đều mong được tiếp tục chiến đấu chống lại kẻ thù tàn bạo, giải phóng quê hương, trả thù cho đồng chí, đồng bào. Ấu cũng là khí tiết của người cách mạng, của những chiến sĩ cộng sản.

Thế nhưng, nói tới các cuộc vượt ngục ở nhà tù Phú Quốc không thể không nói về sự hậu thuẫn cần thiết của các cơ sở cách mạng trên đảo. Vì tin là trên đảo có cơ sở của ta nên anh em tù mới càng tích cực tổ chức vượt ngục tìm về căn cứ. Điều đó cũng còn do sự quan tâm và phối hợp tích cực của cơ sở bên ngoài nhà tù. Đặc biệt là Huyện ủy Phú Quốc ngày đó, đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tìm mọi cách mách bảo cho anh em tù binh biết ở trên đảo có lực lượng cách mạng đang hoạt động (như treo cờ, bắn súng...). Huyện ủy còn tổ chức các tổ đón người tù vượt ngục ra, tạo điều kiện chăm sóc sức khỏe và bố trí công việc theo yêu cầu của họ. Nhiều lần đồng bào ở các vùng Dương Tơ, Hàm Ninh, Cửa Dương, Cửa Cạn gặp anh em tù vượt ngục đã cho ăn uống và chỉ hướng đi tránh gặp địch; Có người còn giúp che chở anh em và dẫn đường cho họ tới căn cứ an toàn. Người chiến sĩ vượt ngục ở nhà tù Phú Quốc cũng không bao giờ quên sự giúp đỡ quý báu của nhân dân, của tổ chức trên đảo.

Hơn 30 năm đã trôi qua, trên những cánh rừng, những miền quê, dấu tích của chiến tranh không còn là mấy, nhưng dấu tích chiến tranh trong cuộc sống con người, trong ký ức con người thì vẫn còn đầy ắp. Nhà lao Cây Dừa - Nhà tù Phú Quốc nơi giam giữ hơn 40 ngàn tù binh, dấu tích vẫn còn đó; Khu nghĩa trang yên nghỉ của hơn 4.000 liệt sĩ đã hy sinh ở nhà tù Phú Quốc cũng vẫn còn đó; Bao con người, bao nhân chứng lịch sử vẫn còn đó... Mãi mãi là biểu tượng cho một thời đau thương và oanh liệt mà các thế hệ mai sau không thể quên, không được quên! Nhà tù Phú Quốc - Một chứng tích lịch sử của Phú Quốc, của Kiên Giang, của cả nước, sẽ mãi là niềm đau và lòng tự hào của chúng ta!

VĂN VIỆT

SƠ ĐỒ TRẠI GIAM TÙ BÌNH PHÚ QUỐC



MỘT SỐ HÌNH ẢNH NHÀ TÙ PHÚ QUỐC QUA CÁC THỜI KỲ



*Toàn cảnh Căng Cây Dừa
(1953 - 1954)*

Ảnh: TL



*Nhà giam của Căng Cây Dừa
(1953 - 1954)*

Ảnh: TL



Tù nhân ở trại giam Căng Cây Dừa

Ảnh: TL



Phòng giam tù nhân nữa của Căng Cây Dừa

Ảnh: TL

MỘT SỐ HÌNH ẢNH NHÀ TÙ PHÚ QUỐC QUA CÁC THỜI KỲ



*Trụ cổng Bộ chỉ huy trại giam
Phú Quốc*

Ảnh: TL



Cổng kỷ luật trại giam Phú Quốc

Ảnh: TL



*Một trong 5 nhà tiền chế
của Bộ Chỉ huy trại giam
Phú Quốc*

Ảnh: TL

MỘT SỐ HÌNH ẢNH NHÀ TÙ PHÚ QUỐC QUA CÁC THỜI KỲ



*Một nhà giam của
trại giam tù binh
Phú Quốc*

Ảnh: TL



*Nhà thờ trong trại giam
Phú Quốc,
địch dùng làm nơi điều tra
thẩm vấn tù binh*

Ảnh: TL



*Ở một phân khu giam của
trại giam tù binh Phú Quốc
(tháng 3 - 1973)*

Ảnh: TL

CHUÔNG CỌP KẼM GAI SỰ TÀN BẠO CỦA KẼ THÙ

Cùng với cuộc chiến tranh xâm lược tiến hành ở miền Nam nước ta, Đế quốc Mỹ đã huy động cả một bộ máy khổng lồ phục vụ cho cuộc chiến. Trong đó, chúng nghiên cứu mọi thủ đoạn, mọi hình thức dã man, thâm độc nhằm đàn áp, tiêu diệt lực lượng cách mạng, phục vụ mưu đồ xâm chiếm lâu dài của chúng.

Theo đó, ngay từ đầu những năm 60 của thế kỷ XX, khi quân Mỹ tràn sang miền Nam Việt Nam, lực lượng “MŨ NỎI XANH” thuộc thủy quân lục chiến Mỹ, cùng với lực lượng C.I.A đã mở một *trung tâm* huấn luyện chương trình chống chiến tranh du kích ở trường ForBrass của Mỹ và tại đây *chuông cọp kẽm gai* đã được nghiên cứu, sau đó đào tạo một lực lượng huấn luyện sử dụng và xây dựng chuông cọp kẽm gai nhằm đàn áp lực lượng chiến tranh du kích bị bắt bị giam mà sự thể nghiệm quan trọng đã được thực hiện tại miền Nam Việt Nam, tại trại giam tù binh Phú Quốc.

Ở miền Nam nước ta, Mỹ nguy đã sử dụng có thể nói là hàng vạn tấn kẽm gai để xây dựng các công sự, phát triển hàng rào cách ly các ấp chiến lược, cách ly dân và du kích (“tách cá khỏi nước”). Song song với đó, hàng ngàn tấn kẽm gai, hàng triệu cuộn (nồi) kẽm gai được thể nghiệm chuông cọp tại trường ForBrass đã được đưa qua các ấp chiến lược, các nhà tù, các trại giam và các căn cứ quân sự tại miền Nam Việt Nam với mục tiêu hoàn chỉnh chương trình chống chiến tranh du kích, biến miền Nam Việt Nam thành nhà tù khổng lồ, trại giam khổng lồ.

Ở nhà tù Phú Quốc, đế quốc Mỹ đã sử dụng chuông cọp kẽm gai như một chương trình thể nghiệm quy mô lớn nhất và cũng là tàn bạo nhất.

Ở trại giam Phú Quốc, “Chuông cọp kẽm gai” được coi là đề tài chính của chương trình nhằm đàn áp tù nhân, tù binh, tiêu diệt sinh mạng của tù binh, xóa bỏ lý tưởng của tù binh và được áp dụng tại trại giam này từ năm 1966 đến năm 1973.

Chuông cọp kẽm gai là biểu hiện hành động đẫm máu, một tội ác mà tác giả cuộc chiến tranh là chính phủ Mỹ; là một bằng chứng tội ác của Mỹ và chính quyền tay sai ở

Sài Gòn câu kết đánh phá sinh mạng, linh hồn con người - vi phạm “quyền con người” không thể tả xiết, không thể dung tha được.

*

* *

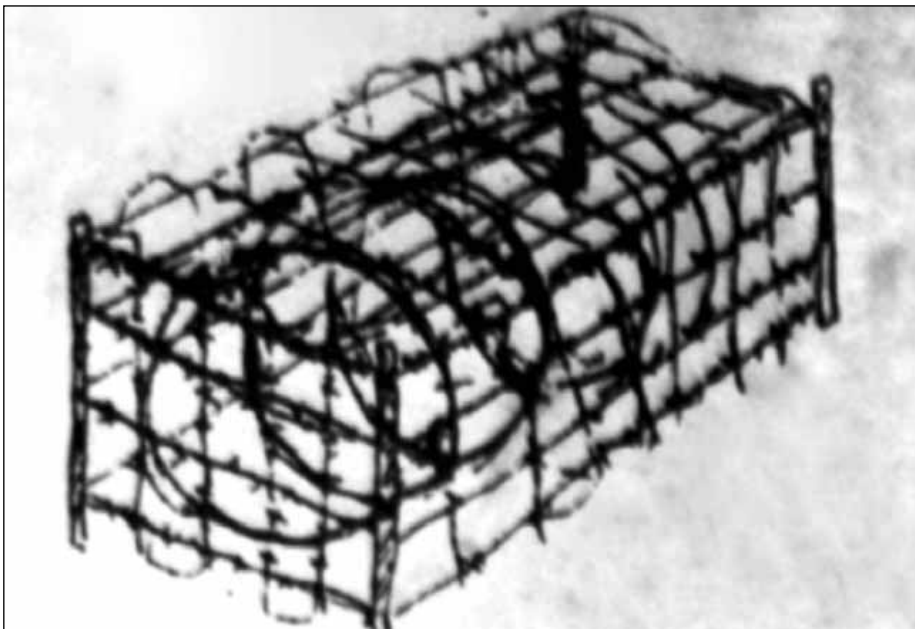
Trại giam tù binh Phú Quốc là điển hình về sử dụng kẽm gai, cả trại giam đã được bao bọc bằng kẽm gai dày đặc với hàng chục lớp rào. Nhưng không chỉ có vậy, chúng còn sử dụng rất nhiều loại chuồng cọp kẽm gai để đàn áp tù binh. Trên đảo coi như có 3 phân khu biệt giam – có 3 chuồng cọp chung trên đảo - loại chuồng cọp lớn ngang phân khu.

Thời kỳ 1969 – 1970, khu 2 có 1 nhà lều biệt giam ngoài sân cỏ, A2 và B2, mỗi phân khu có một phòng biệt giam nhà tôn. Những ngày ác liệt của C8 từ 23-9-1970 đến 3-10-1970 có một phòng biệt giam (là phòng số 8).

Các khu giam có biệt giam ngoài sân cỏ là khu 4, khu 5, khu 6, khu 2 (loại chuồng cọp kẽm gai, phủ lều vải trên nóc nhà).

Như vậy, trại giam tù binh Phú Quốc là một biệt giam khổng lồ, dày đặc hàng chục lớp kẽm gai. Mỗi phòng biệt giam trong chu vi phân khu hay ngoài sân cỏ đều là “chuồng cọp” biệt lập với đầy đủ kẽm gai nhốt tù như nhốt cọp. Bốn chục chuồng cọp trong phân khu đúng theo nghĩa nó là chuồng nhốt tù trong phân khu thuộc quyền khai thác đánh đập của giám thị các phân khu giam. Năm trăm nhà tôn giam tù cũng có kẽm gai cách ly từng ô, từng phòng, từng dãy (dãy trên, dãy dưới, bên trái, bên phải).

Như vậy, chuồng cọp kẽm gai bao gồm sự đa dạng cả về quy mô và cách thức thể hiện sự hành hạ đối với người tù.



*Chuồng cọp kẽm gai
ngoài trời*

Ảnh: TL

Kẽm gai được sử dụng với uy mô toàn trại, đó là một trại giam có nhiều kẽm gai, không có tường xây, không có vách cây, có nhiều cọc sắt, có nhiều cột sắt hơn gỗ. Nếu tính kỹ từ ngoài vào trong trại, từ rào giới hạn trong đến rào giới hạn ngoài, có cả thấy 12 lớp rào kẽm gai chưa kể bùng nhùng. Có thể coi đó là một chuồng cạp kẽm gai khổng lồ.

Bên cạnh đó, các phân khu biệt giam cũng là chuồng cạp kẽm gai giam hàng ngàn tù binh; Nhà tôn giam tù là 500 chuồng cạp kẽm gai nhốt hàng trăm tù có mái tôn; 40 chuồng cạp kẽm gai thật đúng là chuồng cạp kẽm gai nhỏ không có mái tôn, có cọc sắt tù binh ăn ỉa tại chỗ và các phân khu biệt giam cũng là chuồng cạp kẽm gai giam hàng ngàn tù binh.

Các phòng biệt giam là chuồng cạp kẽm gai nhà tôn, giam khoảng 100 tù binh. Các phòng này đi lại bị hạn chế, bị giám sát, bị phạt nhiều hơn. Tất nhiên phòng biệt giam thiếu thốn mọi bề, không ai lai vãng tới. Và như vậy, nơi nhốt tù có giếng nhiều lớp, nhiều tầng kẽm gai; tù trong đó bị đánh đập, khai thác, sinh hoạt, đi lại hạn chế, sống như ở địa ngục. Đó là **chuồng cạp** (kẽm gai phải có nhiều).

Phải thừa nhận rằng không có nơi nào dã man hơn kiểu biệt giam, chuồng cạp này. Trong đó, ***nhất bật nhất tại đây là*** biệt giam chuồng cạp nhà lều khu 2: ở đó nhiều tù binh đã bị đục gãy răng tại chuồng cạp sân banh khu 2; Có tù binh sắp chết còn bị bẻ răng nhiều tù binh bị đánh bằng gậy đầu sanh, đầu tử (sanh còn về, đồ thì chết). Ghê lở đầy thân, vệ sinh quá thiếu thốn dẫn đến nở con người, mắt đui mù...

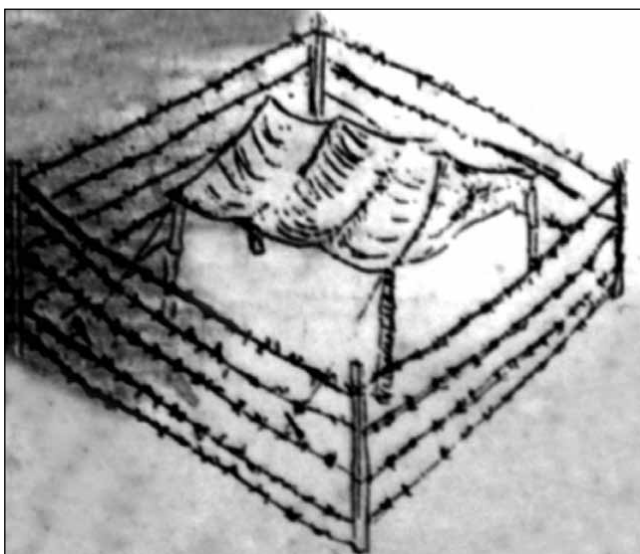
Tù ở chuồng cạp này, 1 tuần có 2 ca cấp cứu chết sống ra sao, không ai biết. Có tù binh khát nước uống 2 ca nước ngộp chết tại chỗ. Phần đông đến ngày ra sân, sau 2,3 tháng bị nhốt, tù binh không thấy đường đi, quờ quờ, quạng quạng như kẻ đui mù. Đó là loại chuồng cạp kẽm gai dựng bằng nhiều vĩ sắt đường băng sân bay có lỗ tròn. Diện tích ngang 3m, dài 9m nhốt chật người tù: Người nằm gối đầu người ngồi, người đứng chỉ một chân cho đủ chỗ. Chuồng cạp này nồng nặc mùi mồ hôi, mùi phân và nước tiểu, mùi ẩm của nền xi măng không có ánh sáng chiếu vào. Tù binh phải ở trần truồng, lấy áo quạt 24/24 giờ cho đỡ nóng. Chuồng cạp kẽm gai này có thêm một tấm lều vải phủ kín che hết ánh nắng (sáng) của 180 tù binh bị giam cầm từ giữa năm 1969 đến cuối năm 1970. Bọn cai tù đã trở hết tài độc ác nhất đối với tù binh gây ra những tội lỗi tày trời.

Chuồng cạp nhỏ cũng gồm nhiều loại khác nhau: Loại chuồng cạp theo kích thước ngang: 1m20, dài 1m60, cao 0m80, nhốt 5 tù binh còn có chỗ ngồi, nằm, dễ thở. Nhốt 10 hoặc 20 tù binh thì quá chật chội. Nằm - ngồi đều thiếu đất. Chiều cao 0m80 còn ngồi, chiều cao 0m70 hoặc 0m50 ngồi dựng đầu mà nằm thì không đủ thẳng chân. Có loại chuồng cạp quay 2 cuộn kẽm gai loại séc-ti-na quay tròn, có 2 móc gài lại thay cánh cửa hàng rào. (Chuồng cạp này không có nóc, thấy trời lồng lộng). Thông thường chuồng cạp có 5 phía chằng kẽm gai, mặt đất chuồng cạp là đất cát. Có khi rải đá lờm ngòm phạt nằm đau lưng, tra tấn bằng đá sỏi, đá xanh cạnh nhọn.

Có chuồng cạp có 2 phần: 1/2 chuồng thấp, nửa chuồng cao. Chui vào chuồng thấp thì nằm chứ không thể ngồi được. Chui vào chuồng cao đứng thẳng dựng dựng kẽm gai

trên đầu. Ngồi xuống thì kẽm gai chia vào đít. Ngồi thẳng dưới hàng kẽm gai thì đung đầu vào kẽm gai.

Lại có loại chuồng cộp phân nửa hầm sâu 1m, trên là chuồng kẽm gai cao 0m4. Đứng thì đầu đụng kẽm gai, nước dơ tới đầu gối, không nằm được. Phải đứng khom khom, lạnh lẽo suốt ngày đêm. Đó là **chuồng cá sấu** (diện tích ngang 1m5 x dài 2m). Còn loại chuồng cộp Séc-ti-na nhốt một tù mà chúng cho là đầu sỏ giữa sân trại, thiếu ăn, thiếu nước ngật nghèo. Giám thị cấm nằm ban ngày, chỉ được ngồi mà không được nằm.



Biệt giam

Duy nhất tại khu 2, sau khi giải tán chuồng cộp biệt giam nhà lều, bộ chỉ huy cho thay “một cuồng cộp khác bằng sắt bốn phía đó là thùng “cát sô” rộng 2m x dài 4m x cao 2m”. Loại thùng này kiểu thùng côn-ten-nơ loại nhỏ, khóa kỹ, kín mít ngộp thở đêm lạnh, ngày nóng. Hình phạt này là kiểu chuồng cộp Cát-sô.

Chuồng cộp kẽm gai ở trại giam Phú Quốc luôn gắn liền với những tội ác đẫm máu của bọn ác ôn, cai ngục. Tù binh Phú Quốc thừa hiểu chuồng cộp, biệt giam, khái niệm hàng rào kẽm gai tra tấn tàn bạo. Có khi tù binh chưa bị đánh nhưng bị đưa vào chuồng cộp rồi sau đó bị kêu đi tra tấn suốt ngày, lại đưa về chuồng cộp nằm. Cũng có trường hợp bị tra tấn có thương tích bị đưa vào chuồng cộp. Tù bị nhốt ở chuồng cộp mặc một quần đùi, ở trần. Trời lạnh bị đổ nước lạnh cho lạnh thêm. Trời nắng, có khi đổ than tro cho nóng thêm. Thời gian bị nhốt chuồng cộp có khi đến hàng tháng. Người bị đen sạm nắng nều nóng sốt là dẫn đến chết người. Có trường hợp, đêm lạnh chết cứng từ khuya, sáng giám thị cho lôi xác đi chôn. Mức ăn uống tại chuồng cộp bị khám xét chặt chẽ. Muối sống là thức ăn duy nhất. Bàn tay máu của bọn cai ngục có thể tóm tắt: Chuồng cộp kẽm gai, roi cá đuối, cán búa, chà vồ... Tù binh chuồng cộp chết, giám thị làm tờ trình hai dòng đưa đi đòi 100 hoặc đòi 37 là xong.

Chính chuồng cộp kẽm gai tại trại giam tù binh Phú Quốc là công cụ ghê tởm để bọn đao phủ giết tù binh cả thể xác lẫn linh hồn. Tội ác thật không gì so sánh được.

LÊ ÚT LONG

(Cựu tù binh Phú Quốc)

Ý CHÍ BẤT KHUẤT CỦA NHỮNG CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG

CÒN HƠI THỞ LÀ CÒN CHIẾN ĐẤU

Người chiến sĩ cách mạng, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, khi còn hơi thở là còn phải chiến đấu. Lúc là một người tự do, anh chiến đấu trong đội ngũ của mình, có sự lãnh đạo của cấp trên, có quần chúng nhân dân, có lực lượng vũ trang, có vũ khí trong tay và khi tình hình bất lợi có thể tạm lánh một nơi chờ khi thời cơ thuận lợi thì xuất hiện đánh địch. Đến khi bị địch bắt, người chiến sĩ cách mạng vẫn phải chiến đấu nhưng trong một môi trường hoàn toàn khác, không có sự lãnh đạo của cấp trên, không có nhân dân, chẳng có vũ khí và cũng chẳng có thể tránh mặt mà phải luôn luôn đối mặt với quân thù và đấu tranh chủ yếu bằng sự chịu đựng những cuộc đánh đập khảo tra, bằng sự đoàn kết của những người bạn trong cùng hoàn cảnh để bảo tồn cái chất cách mạng của mình cho đến ngày trở về cùng đội ngũ. Đó thực sự là một cuộc chiến đấu cam go, quyết liệt, đòi hỏi một ý chí lớn lao, lòng kiên trung, bất khuất...

Âm mưu thâm độc của địch là tiêu diệt về mặt tinh thần của người chiến sĩ cách mạng ngay từ lúc bị bắt đến suốt thời kỳ bị tù đầy. Để thực hiện âm mưu đó, địch tiến hành những chiến dịch khủng bố hết sức ác liệt nhằm cưỡng ép chiêu hồi. Và cuộc đấu tranh của anh em trong tù cũng đặt ra những mục tiêu cụ thể.

Vì vậy, mục tiêu trước tiên quan trọng nhất của người tù binh trong cuộc chiến đấu này là bảo vệ cho bằng được lý tưởng của mình, không khuất phục trước đòn roi ác liệt của quân thù để khi trở về với cách mạng vẫn còn có thể tiếp tục chiến đấu cho sự nghiệp cao đẹp mà mình hằng theo đuổi.

Một âm mưu lớn nữa của địch là tìm cách giết chết hoặc làm cho tù binh trở thành những người bệnh hoạn hay tàn phế để không còn có thể tiếp tục chiến đấu

chống lại chúng. Và lại, bọn trực tiếp cai quản tù binh cũng không quên nhân dịp này kiểm soát nhét cho đầy túi tham bằng cách bớt xén lương thực, thực phẩm và trang cấp cho tù binh.

Do đó, *mục tiêu thứ hai trong đấu tranh của tù binh là chống đánh đập bắn giết và đòi cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của tù binh, đòi cấp phát đầy đủ lương thực thực phẩm với chất lượng có thể ăn được, đòi thuốc men trị bệnh và đòi để cho anh em được tổ chức học văn hóa.* Những cuộc đấu tranh đó nhằm bảo vệ tính mạng, bảo vệ sức khỏe của tù binh, nâng cao thêm trình độ văn hóa, trình độ kiến thức của anh em để sau này trở về phục vụ cách mạng được tốt hơn.

Những người bị mất tự do không bao giờ cam tâm làm thân cá chậu chim lồng. Do vậy, *mục tiêu nữa của anh em tù binh là trở về với cuộc đời tự do để tiếp tục sự nghiệp chiến đấu chống đế quốc Mỹ vì độc lập tự do của Tổ quốc.*

Tùy tình hình từng nơi từng lúc, tức là tùy lực lượng của tù binh mạnh hay yếu cộng với sự tác động một phần từ bên ngoài mà mỗi phân khu, trong thời gian cụ thể, đề ra những mục tiêu đấu tranh cho phù hợp. Khi lực lượng chưa được xây dựng vững chắc thì mục tiêu đấu tranh là đòi cải thiện đời sống với một mức độ vừa phải. Khi lực lượng được tổ chức mạnh hơn thì đòi không làm những việc có tính chất quân sự và nô dịch, chống phạt vạ, chống đánh đập, cưỡng ép chiêu hồi. Tuy nhiên, có nhiều lúc không kịp chuẩn bị lực lượng mà địch đàn áp thì những người nòng cốt phải dũng cảm đứng lên phía trước để kêu gọi, tập hợp anh em cùng nhau đấu tranh, đồng thời khéo léo xử lý các tình huống để giành lấy thắng lợi hoặc hạn chế những thiệt hại của mình. ở trại giam tù binh Phú Quốc, phân khu nào không tập hợp được lực lượng, không dám đấu tranh thì cả ba mục tiêu đều không đạt được, tức là sẽ biến thành khu Tân sinh hoạt.

Trong mỗi cuộc đấu tranh, tùy tình hình cụ thể về địch và ta mà đề ra những nội dung thích hợp. Các yêu sách của tù binh xuất phát từ thực tế cuộc sống trong trại giam và từ những âm mưu đen tối và hành động dã man của địch đối với anh em. Nội dung đấu tranh của tù binh gồm có: Đòi cấp phát lương thực thực phẩm đầy đủ, chất lượng tốt, đủ chất đốt; Đòi cấp phát những đồ dùng cần thiết như mùng, mền, chiếu, áo quần, khăn lau mặt, kem, bàn chải đánh răng... bị bệnh được điều trị, có đủ thuốc cho bệnh nhân; Đòi được học văn hóa; Chống chào sĩ quan ngục; Chống việc tạp dịch mang tính chất quân sự như đập đá, đào đắp công sự, làm hàng rào dây kẽm gai hoặc làm những việc có tính chất nô dịch như phục vụ sĩ quan ngục và gia đình chúng; Chống đánh đập, phạt vạ, nổ súng bắn giết tù binh; Chống cưỡng ép chiêu hồi.

Tùy tình hình mà tù binh đưa ra những yêu sách cụ thể. Nhìn chung cuộc đấu tranh trong trại giam luôn gay go, quyết liệt, có khi giành thắng lợi theo mục tiêu đặt ra, nhưng cũng có lúc phải hy sinh, đổ máu...

Ý thức được hoàn cảnh của mình đang nằm trong tay địch với đầy rẫy những âm mưu đen tối và thủ đoạn dã man, đồng thời với tinh thần kiên quyết bảo vệ sinh mạng chính trị của mình để sau này trở về tiếp tục chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng, anh

em tù binh đã vận dụng nhiều hình thức từ thấp đến cao, từ hợp pháp đến bất hợp pháp để đấu tranh với địch.

Đấu tranh trực diện

Đây là một hình thức đấu tranh hợp pháp, đại diện tù binh đưa yêu sách đòi Bộ Chỉ huy trại giam giải quyết, thường là những đòi hỏi về đời sống như cấp phát lương thực thực phẩm, đồ dùng. Tuy nhiên, ở những phân khu lực lượng tù binh mạnh, anh em đưa ra những yêu sách cao hơn như không làm việc mang tính chất quân sự hoặc nô dịch, không được đánh đập, phạt vạ, mắng chửi tù binh.

Nhưng khi yêu sách của tù binh không được giải quyết, dù là một yêu sách rất đơn giản như đề nghị đổi cá ươn lấy cá tươi, thì cuộc đấu tranh sẽ chuyển sang một bước cao hơn, có thể dẫn đến đổ máu.

Có những cuộc đấu tranh không bắt đầu bằng đấu lý lẽ mà bằng bạo lực do địch gây ra hoặc do anh em chủ động nổ ra, nhưng cuối cùng cũng kết thúc bằng đấu lý lẽ, trả giá với nhau và tù binh thường nhận được những lời hứa thỏa mãn phần nào đó yêu sách của mình.

Khoảng tháng 11-1970, phân khu B2 đã đuổi được bọn trật tự đi nơi khác, khí thế đấu tranh trong phân khu lên mạnh. Một buổi sáng, anh Chiêu, quê ở Thừa Thiên, thức dậy tập thể dục. Anh ra đường để xuống cầu tiêu. Tên quân cảnh trên chòi canh đuổi anh vô, nói rằng trời chưa sáng và anh đi gần hàng rào giới hạn. Nếu không vô hấn sẽ nổ súng. Anh Chiêu trả lời rằng trời đã sáng, anh đi trên đường, không toan vượt rào, có muốn bắn thì bắn. Tên lính gác nổ súng. Anh Chiêu ngã xuống và tắt thở khi khiêng vào đến phòng.

Đại diện tù binh ra gặp giám thị phản đối. Toàn thể anh em trong phân khu kéo ra sân đòi Bộ Chỉ huy trại giam xuống giải quyết các yêu sách: Trừng trị kẻ giết người; Bảo đảm an toàn cuộc sống của tù binh; Chôn cất anh Chiêu tử tế.

Tên đại tá Trần Vĩnh Đắc cùng một số sĩ quan tùy tùng đến gặp đại diện của tù binh tại phân khu. Tên Đắc thừa nhận việc lính quân cảnh bắn chết anh Chiêu là sai trái. Hứa đáp ứng các yêu cầu của tù binh.

Các yêu sách đã được chấp thuận, anh em đồng ý đưa xác anh Chiêu đi chôn. Tại công trại giam, anh em làm lễ truy điệu trước khi đưa thi hài anh đi. Đại diện tù binh hô nghiêm mặc niệm.

Đầu năm 1968, tên Hương lên thay tên Định là giám thị trưởng A2.

Lập tức Hương dựng lên một bộ máy đại diện, trưởng phòng, nhà bếp toàn là những người ngoan ngoãn thi hành mệnh lệnh của hắn. Hắn bắt đầu ra mặt phạt vạ, đánh đập anh em, ăn xén bớt lương thực thực phẩm của tù binh. Hắn thường xuyên bắt ngờ vào tuần tra trong phân khu. Nếu gặp những ai làm ông điều, làm lười... hắn chửi mắng, đánh đập và tịch thu. Theo báo cáo của những tên mật báo, nhất là tên Sang, hắn gọi anh em ra nhà giám thị đánh đập hết sức dã man. Chính những tên giám thị trong cùng phân

khu hấn cũng nói: “Thằng Hương hình như ngày nào không đánh tù binh nó không ăn cơm được”. Hấn còn bắn thủ cướp giật thuốc hút của tù binh. Một lần, tên cố vấn Mỹ vào trong phân khu thấy một ông già tù binh làm một chiếc vỏ rất đẹp. Tên cố vấn Mỹ đề nghị đổi bốn tút thuốc lá thơm. Ông đồng ý. Tên cố vấn Mỹ lấy ống vỏ, đưa thuốc hút vào nhưng tên Hương lấy hết, chỉ cho ông hai gói thuốc lá đen.

Không khí trong phân khu rất căng thẳng. Anh em thấy cần phải làm một việc gì đó để tên Hương không còn ở trong phân khu nữa. Nhiều người đề nghị khử tên Hương cho anh em không còn bị hấn đánh đập, khủng bố nữa. Đảng ủy họp bàn và cho rằng giết không có lợi, chỉ nên hạ uy thế và đòi đòi hấn đi. Kế hoạch được phổ biến trong toàn Đảng bộ.

Hằng ngày, khi điểm danh, những người bệnh nặng được anh em dìu, công hay khiêng đến tập trung trong phòng 2 để giám thị, quân cảnh vào đếm, không phải ra xếp hàng ngoài sân nắng như anh em khác. Tên Hương quy định trong phòng bệnh không quá 50 người. Nếu nhiều hơn hấn sẽ phạt. Anh em quyết định lấy phòng 2 và giờ điểm danh làm địa điểm cho giờ nổ ra đấu tranh đánh đuổi tên giám thị Hương.

Sáng ngày 22/11/1968 anh em tăng số người vào phòng bệnh lên đến gần 70 người. Tên Hương vào thấy quá mức hấn quy định liền gọi đại diện đến cảnh cáo rằng lệnh của hấn vào phòng bệnh tối đa là 50. Nếu có người thứ 51 là xấu hổ, hết muốn gặp cha mẹ, vợ con. Từ mai không được như thế nữa. Rồi hấn trở lại, không đánh đập. Mọi đã ném xuống nhưng cá không cắn câu.

Đảng ủy quyết định, dù ngày mai không phải phiên trực của tên Hương nhưng vẫn cứ tăng lên gần 200 người và phân công một Phó Bí thư Đảng ủy cùng vào phòng để tăng cường. Biết đâu hấn sẽ dẫn xác đến.

Hôm sau, 23/11/1968, quả nhiên tên Hương vào với cây gậy trên tay. Hấn vào một mình. Không như thường lệ, điểm danh bên ngoài trước, hấn xách gậy xộc thẳng vào phòng bệnh. Thấy người quá đông, hấn không biết đó là cái bẫy, quay lại đầu phòng để nón xuống và cầm gậy lao vào đánh anh em. Ngay lúc đó, từ giữa đoàn người đang ngồi chờ điểm danh ngoài sân, em Hiền, một thanh niên Việt Kiều ở Campuchia về nước gia nhập Giải phóng quân và đã trở thành đoàn viên Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh, đứng phắt lên, hô thật to:

- Đả đảo đàn áp tù binh!

Lập tức, hàng ngàn tù binh cùng hô theo “Đả đảo đàn áp tù binh” rồi ầm ầm vào bít lối ra của phòng 2. Nhiều người vòng qua hai bên bao vây kín phòng và đập tôn la hét vang trời. Tên giám thị Hương mặt cắt không còn chút máu, định chạy ra cửa phòng để thoát ra cổng như không kịp, anh em đã khóa kín cả rồi. Tên giám thị Tài chạy vào lôi anh em ra, bảo đừng đập tôn nhưng lôi không xuê. Bên ngoài quân cảnh bao vây dày đặc. Có tiếng loa gọi giám thị Tài ra, sợ bị tù binh giết chết. Giám thị Tài nói “Không sao đâu”. Tên Hương chạy lùi về cửa sau phòng 2, chạy vòng qua phòng 3, vội leo lên hàng rào dây kẽm gai, nhảy vào con đường giữa các lớp rào và chạy ra cổng. Tiểu đội

xung kích của tù binh bị quân cảnh bắn chặn nên không đuổi theo kịp. Anh em tràn vào phòng xé sạch tranh ảnh, sách báo của ngục, đập nát chiếc nón “QC” của tên Hương.

Súng nổ làm ba tù binh bị thương nhẹ. Có tiếng loa gọi anh em trở lại trật tự, mời đại diện tù binh ra gặp Bộ Chỉ huy trại giam để giải quyết. Anh em trở lại sân điểm danh. Thiếu tá Thức, Chỉ huy phó trại giam vào gọi đại diện do tên Hương dựng lên ra hỏi chuyện. Anh em không đồng ý, cử anh Phú thay mặt ra gặp Bộ chỉ huy.

Trước mặt rất đông sĩ quan và lính quân cảnh, anh Phú tố cáo với tên thiếu tá Chỉ huy trưởng trại giam Đoàn Đức Hải về những hành động tàn ác đánh đập tù binh của tên Hương, tố cáo hấn ăn xén bớt lương thực thực phẩm của tù binh, cướp công lao động của anh em trong việc làm ông điều, ông vớ để đòi thuốc hút, nhất là hấn thường kiểm chuyện nói xấu Bác Hồ.

Đoàn Đức Hải nghe anh Phú tố cáo liền xắn tay áo tát cho tên Hương mấy bạt tai chúi nhủi và đập thêm một đập, nói: “Cậu làm việc như thế hả? Nãy giờ có nghe người phía bên kia tố chưa?”.

Anh Phú thay mặt anh em đề nghị: Không để tên Hương làm giám thị A2 nữa và để anh em bầu lại đại diện tù binh, trưởng các phòng.

Tên thiếu tá Thức hứa sẽ xem xét giải quyết thỏa mãn những yêu sách của anh em. Hấn còn nói là có thể sẽ thay luôn sĩ quan phụ trách khu 2. Cuộc đấu tranh thắng lợi, anh em trở lại sinh hoạt bình thường.

Tuyệt thực

Khi những yêu sách chính đáng của mình không được giải quyết, nếu xét thấy cần đẩy cuộc đấu tranh lên thêm một bước, tù binh tuyên bố tuyệt thực. Lúc tuyệt thực, tất cả tù binh nằm trong phòng, không ra sân điểm danh và cũng không cho quân cảnh vào phòng điểm danh, tất cả những sinh hoạt bình thường đều bị tạm đình chỉ.

Tuyệt thực là hình thức đấu tranh bán hợp pháp nhưng nhẹ nhàng, tù binh thường dùng để giải quyết những yêu sách của mình. Hầu hết các phân khu đều có tuyệt thực. Có khi tuyệt thực được vài ba hôm hoặc bốn năm hôm thì dịch vào giải quyết. Nhưng về sau chúng thường bỏ liều đến trên một tuần hoặc trên mười ngày. Nhiều khi chỉ bằng hình thức tuyệt thực cũng không giải quyết được vấn đề mà phải kết hợp thêm một số hình thức khác như mổ bụng tự tử, chôn người chết trong khi giam hoặc như diệt bọn trật tự, mật báo trong phân khu, đánh bắt quân cảnh, đẩy cuộc đấu tranh lên một bước cao hơn, quyết liệt hơn, buộc Bộ Chỉ huy trại giam phải đến giải quyết... Những cuộc đấu tranh có chuẩn bị, dám tỏ ra sống chết với địch thường kết thúc bằng thắng lợi của tù binh, thỏa mãn phần lớn yêu sách đã đề ra.

Kết thúc cuộc tuyệt thực dài ngày, địch phải cho người từ phân khu khác đến nấu cháo khiêng tới từng phòng cho anh em. Có khi địch bắt quân cảnh khiêng cháo đến từng phòng, tránh không cho tù binh các phân khu liên hệ với nhau, thông báo cho nhau tình hình đấu tranh thắng lợi vừa qua. Tuy vậy, địch cũng không dễ dàng lùi bước. Trong

khi anh em tuyệt thực, chúng cho làm một số việc để khiêu khích và lung lạc tinh thần anh em như cho chiên xào với mùi mỡ thơm phức trên gió bay vào phân khu, hoặc cho pha sữa một thùng lớn mang đến trước cổng hay bên hông trại, vừa rót từ trên xuống thùng cho tù binh thấy vừa kêu gọi anh em ra uống sữa.

Khi tuyệt thực được ba bốn ngày, tay chân bủn rủn, bụng dạ cồn cào, thêm da diết một thứ gì đó cho vào bụng. Những người sức khỏe yếu càng mau bị kiệt sức. Do vậy, trong phân khu phải luôn luôn dự trữ một ít cơm khô hoặc gạo rang dành cho những người bị bệnh, sức khỏe kém.

Trước sự khiêu khích của địch, nếu không quyết tâm phần đầu sẽ bị lung lạc, đồng ý ra uống sữa, ra xin ăn và như vậy là cuộc đấu tranh có nguy cơ bị thất bại. Cho nên, trong lúc tuyệt thực, lực lượng bảo vệ của phòng phải chốt ở cửa ra vào để khi quân cảnh vào đàn áp sẽ kịp thời ứng phó, đồng thời để giữ lại, khuyên can, ngăn chặn những người muốn bỏ ra xin chịu thua địch.

Dọa chôn người chết trong phân khu

Chiều ngày 12/9/1972, khi nấu cơm xong, anh Lượng ở phòng nhà bếp lấy cơm cháy để trong chiếc cà mèn lớn mang về phòng. Địch cấm, không cho mang cơm cháy về phòng ở, sợ anh em dùng làm lương khô để vượt ngục hoặc làm dự trữ để đấu tranh với chúng. Tên quân cảnh tuần tra trong phân khu thấy anh Lượng mang cơm cháy về phòng nên gọi lại. Anh Lượng cứ tiếp tục đi. Hắn nhảy theo đá trúng chiếc cà mèn nhưng không đổ. Lập tức, anh Thành, một tù binh thanh niên quê miền Bắc cũng ở trong phòng nhà bếp, nhảy lại đá vào đùi tên quân cảnh. Hắn bỏ chạy ra cổng và kêu nổ súng.

Lúc ấy có hai quân cảnh dẫn tù binh ở phân khu khác đi làm về nghe gọi liền bắn chỉ thiên báo động. Địch kéo đến rất đông, đòi đưa anh Thành ra. Anh em không chịu. Địch mời đại diện và anh Lượng ra nói chuyện rồi bắt giữ ngoài phòng giám thị. Đảng ủy chủ trương anh em kéo ra sân đòi thả đại diện và anh Lượng. Địch nổ súng làm hai tù binh bị thương nhẹ. Anh em hô khẩu hiệu phản đối, đòi thả người bị bắt. Địch không thả. Anh em tuyên bố tuyệt thực.

Thấy anh em di chuyển, địch báo động điều quân cảnh bao vây dày đặc chung quanh bên ngoài, súng lăm lăm trên tay. Một số mang cả mặt nạ. Chúng gọi loa ra lệnh cho anh em không được làm điều gì trái với nội quy trại giam. Anh em nói cho chúng biết đang đào hố chôn người chết trong trại giam. Chúng lên đạn ra lệnh không được chôn. Anh em trả lời, nếu Bộ Chỉ huy không đến giải quyết anh em sẽ chôn và tiếp tục đào hố.

Một lúc sau địch gọi loa bảo ngưng đào, cử người ra thương lượng. Đại diện tù binh ra gặp chúng nhưng anh em vẫn ngồi chung quanh hố. Tên trung tá chỉ huy trưởng trại giam đến nhưng không ra mặt, cho tên tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 8 quân cảnh trực tiếp thương lượng với đại diện tù binh. Sau hai giờ đấu lý căng thẳng, đại diện tù binh ra vào hai ba lần xin ý kiến của Đảng ủy và cũng đề cho chúng hội ý với nhau, cuối cùng địch chấp nhận những đề nghị của anh em tù binh, cụ thể:

- Châm dứt nỏ súng vào tù binh.
- Bảo đảm tính mạng hai tù binh bị bắt. Bộ Chỉ huy sẽ trả về trại những ngày sau này. Sẽ không bắt anh Thành.
- Cung cấp đủ chất đốt để nấu ăn, nấu nước uống.
- Tù binh được học văn hóa với điều kiện học trên sạp chứ không nằm ngò dưới nền xi măng. Bộ Chỉ huy sẽ cung cấp dụng cụ để học như bảng, viết, phấn.
- Cấp đủ thùng đựng cơm cho chín phòng.
- Cấp nước (2 ngày/xe) để nấu ăn. Trước kia địch không cung cấp nước cho B6 vì nói rằng B6 có nhiều giếng nước tốt.
- Trong lúc anh em còn yếu, Bộ Chỉ huy sẽ nhờ trại tù binh khác đến nấu nước và quân cảnh khiêng cháo đến từng phòng cho anh em ăn.
- Bộ Chỉ huy sẽ cho mang hòm đến để anh em tắm liệm anh Hưng và cho xe đưa đi chôn.

Lần đó tiểu đội tù binh đưa anh Hưng đi chôn, trước khi hạ huyết đã đọc một bài điều văn miêng tố cáo tội ác của địch và hô nghiêm chào vĩnh biệt người đã mất. Bọn quân cảnh có mặt đều đứng nghiêm. Các yêu sách đã được giải quyết. Mười ngày sau địch mới thả hai anh.

Cuộc đấu tranh nổ ra bất ngờ, hoàn toàn không có dự kiến trước và với một nguyên nhân không cần thiết, từ một sự chủ quan và manh động, nhưng anh em đã giành được thắng lợi nhiều mặt.

Đánh bắt quân cảnh, trừng trị giám thị

Đây là hình thức đấu tranh cao nhất, quyết liệt nhất của anh em ở Trại giam tù binh Phú Quốc: tù binh mà bắt được tù binh. Mặc dù là những người bị mất tự do, trong tay không có vũ khí, anh em vẫn dũng cảm áp dụng hình thức đấu tranh bằng bạo lực.

Đối với bọn trật tự, anh em phải diệt một số và đuổi chúng ra khỏi phân khu, không cho ở chung với tù binh.

Với bọn quân cảnh, anh em đánh lại chúng để làm cho chúng phải gờm, hạn chế tính ác ôn của chúng và nhiều khi bắt một hai quân cảnh giữ lại trong phân khu làm con tin đòi giải quyết thỏa mãn những yêu sách của mình.

Trong đấu tranh, nhiều khi bắt đầu bằng một hành động bạo lực, cả phân khu nổi dậy đánh địch, sau đó mới cử đại diện đưa ra yêu sách đòi giải quyết. Nhưng cũng có nhiều cuộc đấu tranh bắt đầu bằng một đề nghị nhẹ nhàng là cung cấp thêm nước uống hoặc thêm thực phẩm, song vì yêu sách không được thỏa mãn và thái độ của địch ngông nghênh, hách dịch nên cuộc đấu tranh leo thang cả nội dung lẫn hình thức, dẫn đến bạo lực...

Do đó, trong các cuộc đấu tranh của tù binh, nhất là các cuộc đấu tranh lớn, thường bao gồm nhiều nội dung, đồng thời cũng bằng nhiều hình thức kết hợp nhau, có khi hết sức quyết liệt, thậm chí phải đổ máu mới kết thúc.

*

* *

Vào khoảng cuối năm 1969, tình hình ở phân khu D3 hết sức căng thẳng. Địch đã cài vào được một số tên làm trật tự, mật báo, đặt thêm nhiều quy định mới nhằm kèm kẹp tù binh chặt hơn, bắt làm việc nặng nề hơn, bắt đầu phạt vạ, có khi bắt thụt dầu tập thể ở ngoài sân điếm danh và đánh đập anh em. Đảng ủy phân khu bàn phải đấu tranh tuyệt thực với các yêu sách cụ thể: Không đánh đập phạt vạ tù binh; Tù binh không làm những việc có tính chất quân sự, không làm rào kẽm gai, không phục dịch các gia đình sĩ quan; Đảm bảo các tiêu chuẩn ăn uống hàng ngày.

Tình hình toàn trại giam cũng như trong phân khu lúc này rất căng thẳng. Dự kiến cuộc tuyệt thực sẽ kéo dài, địch có thể sẽ cho quân cảnh vào đàn áp, có thể hy sinh nên phải chuẩn bị kỹ về tinh thần, đồng thời chuẩn bị một số cơm khô và nước uống cho những người bị bệnh, sức khỏe kém.

Trước tiên, đại diện tù binh đưa ra yêu sách. Địch không giải quyết. Anh em tuyên bố tuyệt thực. Tất cả đều ở trong phòng, im lặng như tờ, trông như một phân khu không có người ở. Tuyệt thực đến ngày thứ tám, địch không giải quyết. Chúng cho đem cháo mờ xào trước gió cho anh em ngửi mùi thơm càng đòi còn cào hơn, dễ nản chí hơn. Chúng cũng cho đem cơm, cháo, sữa đến và gọi ai muốn sống ra ăn, muốn chết ở lại, Bộ Chỉ huy không đến giải quyết. Qua ngày thứ 10, có năm, ba người chịu không nổi bò ra xin ăn. Địch đưa những người này đi nơi khác. Đến ngày thứ 12 địch vẫn không giải quyết. Đảng ủy hội ý, phải có biện pháp mạnh hơn, diệt bốn tên mật báo hay cung cấp tin cho địch.

Theo kế hoạch, anh em diệt bốn tên mật báo rồi phát loa nói có bốn người chết vì bệnh. Địch bảo đưa xác ra đi chôn. Anh em đòi giải quyết các yêu sách mới cho đem xác ra. Địch dùng một trung đội quân cảnh xông vào lấy xác. Anh em chống lại. Địch ném trái cay vào. Anh em dùng khăn thấm nước tiểu bịt mũi, bắt trái cay ném trả lại. Quân cảnh tiếp tục xông vào đánh. Anh em đánh lại và bắt được một tên trung sĩ. Cả bọn bỏ chạy ra ngoài. Chúng không lấy được xác mà một tên còn bị bắt làm tù binh.

Dù có một quân cảnh bị bắt giữ trong phân khu, địch vẫn ngoan cố không chịu giải quyết. Chúng cho rằng anh em không thể nhịn đói đến chết mà cuối cùng đói quá sẽ chịu thua, xin ăn trở lại. Tình hình trong phân khu trở lại lặng lẽ nhưng nội bộ tù binh rất căng thẳng, đa số đã kiệt sức. Phải giải quyết cách nào để không bị thất bại. Mà thất bại trong cuộc đấu tranh này có nghĩa là sẽ rước lấy thất bại kế tiếp, nặng nề hơn, sẽ bị cưỡng ép lập Tân sinh hoạt và cuộc đấu tranh sẽ càng quyết liệt hơn.

Đến ngày thứ 14, có ý kiến nên thêm một hình thức đấu tranh mới, cao hơn, tức là mổ bụng tự sát. Anh Đồng, một thanh niên chưa đầy 20 tuổi quê ở Bình Định, tự nguyện mổ bụng đòi địch giải quyết. Đảng ủy chấp thuận.

Anh Đồng cùng đồng đạo anh em tù binh kéo ra sân điếm danh. Địch thấy trong phân khu chuyển động nên chúng tập trung rất đông chung quanh hàng rào. Đứng giữa

sân, anh Đồng kêu nói lớn lên rằng vì Bộ Chỉ huy không đến giải quyết yêu sách của anh em trong phân khu nên anh mổ bụng tự tử để tỏ rõ quyết tâm của tù binh, không sợ chết. Kêu xong, anh vạch áo, lấy dao tự mổ bụng lôi ruột ra. Anh em la lên, chạy ra vừa đỡ anh Đồng vừa đòi Bộ Chỉ huy đến giải quyết.

Lần này, tên trung tá trưởng trại giam đến. Hắn chấp nhận các yêu sách của anh em. Anh em còn đề nghị cho tù binh ở phân khu khác đến nấu cháo mang đưa các phòng cho anh em chứ không cho bọn chiêu hồi sang. Đề nghị này được chấp thuận. Anh em thả tên quân cảnh, cho đem bốn xác chết ra nhưng để anh Đồng trong phân khu chăm sóc, sợ đưa ra ngoài sẽ bị đánh đập.

Cuộc đấu tranh kéo dài nhiều ngày với nhiều biện pháp rất quyết liệt: Tuyệt thực, diệt mật báo giữ xác lại, đánh bắt quân cảnh làm con tin và tự mổ bụng mới đi đến kết thúc. Nhưng địch chỉ nhượng bộ trong cao trào đấu tranh của anh em. Không lâu sau, chúng bắt một số người chúng cho là đầu sỏ đưa đi phân khu khác. Sau đó, còn nhiều vụ khác tù binh bắt giữ quân cảnh để đấu tranh phản đối sự tàn ác của nhà tù...

(Theo “Nhà lao Phú Quốc - NXB Lao Động - 2005”)